

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**  
**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ**  
**NHIỆM KỲ 2015-2020**

**BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

|                   |                                                                                                        |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| NGUYỄN VĂN HÙNG   | Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Trưởng Ban                  |
| NGUYỄN ĐĂNG QUANG | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Phó Trưởng Ban thường trực                                            |
| PHẠM ĐỨC CHÂU     | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Phó Trưởng Ban thường trực (từ tháng 6/2018 đến tháng 02/2019)        |
| NGUYỄN ĐỨC CHÍNH  | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Phó Trưởng Ban (từ tháng 6/2018 đến tháng 01/2020) |
| HỒ ĐẠI NAM        | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Phó Trưởng Ban                          |
| PHAN VĂN PHỤNG    | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy - Thành viên                                 |
| LÊ QUANG CHIẾN    | Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - Thành viên                                                     |
| LÊ THỊ HỒNG       | Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Thành viên                                                         |

**BAN BIÊN SOẠN**

|                   |                                                                                          |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| HỒ ĐẠI NAM        | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Trưởng Ban                |
| LÊ THỊ HỒNG       | Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Chủ biên                                             |
| NGUYỄN THỊ THU HÀ | Trưởng Phòng Khoa giáo và Tổng hợp, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Thành viên                  |
| NGUYỄN NGỌC TUẤN  | Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Thành viên |
| LÊ THỊ CHÂU MINH  | Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Thành viên |

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tỉnh Quảng Trị ở vị trí trung độ của cả nước, nơi có con sông Bến Hải - giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954, nơi chứng kiến nỗi đau chia cắt đất nước ròng rã 21 năm. Quảng Trị có 72 nghĩa trang liệt sĩ, nơi an nghỉ của hơn 55.000 liệt sĩ từ 52 tỉnh, thành trong cả nước; 468 di tích lịch sử cách mạng, trong đó Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, di tích lịch sử đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, di tích Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972 đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Những con số ấy đã phần nào diễn tả sự khốc liệt của cuộc chiến đã qua trên mảnh đất này.

Hơn 45 năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng và hơn 30 năm lập lại tỉnh, Quảng Trị thực sự đã vươn lên mạnh mẽ với những kết quả nổi bật, vững tin bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển.

Để lưu lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị; đồng thời góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử cho cán bộ, đảng viên và nhân dân,

đặc biệt là thế hệ trẻ của tỉnh Quảng Trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập IV (2000-2015)*** tiếp theo 3 tập của bộ sách là: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, tập I (1930-1954)*; *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, tập II (1954-1975)*; *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, tập III (1975-2000)*.

Cuốn sách khắc họa rõ nét những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị nhằm xây dựng tỉnh nhà phát triển cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại trong 15 năm đầu thế kỷ XXI.

Mặc dù đã cố gắng trong quá trình biên soạn và biên tập, song cuốn sách khó tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót. Ban biên soạn và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc

*Tháng 8 năm 2020*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

## LỜI MỞ ĐẦU

**T**rong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng tại địa phương, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn xác định việc giáo dục truyền thống quê hương, đất nước là một trong những nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng.

Từ sau ngày lập lại tỉnh Quảng Trị (năm 1989), Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất chú trọng công tác tổng kết lịch sử Đảng, đã chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, biên soạn và hoàn thành xuất bản ba tập *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị giai đoạn 1930-2000* cùng nhiều tác phẩm lịch sử chuyên ngành, nhằm tái hiện những thành tích oanh liệt, sự cống hiến, hy sinh to lớn của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh qua các thời kỳ cách mạng; đánh giá những thành tựu đạt được, rút ra bài học kinh nghiệm làm cơ sở hoạch định chính sách cho giai đoạn tiếp theo; đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015-2020 chủ trương nghiên cứu, biên soạn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2000-2015*. Công trình khoa học này tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh trong 15 năm đầu thế kỷ XXI, khẳng định quyết tâm và nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống các tầng lớp nhân dân; tăng cường quốc phòng - an ninh; kiện toàn, củng cố hệ thống chính trị; đồng thời đúc kết kinh nghiệm cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo trong thời kỳ mới.

Cuốn sách này là tài liệu quan trọng phục vụ công tác nghiên cứu của các cấp, các ngành và giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo biên soạn đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí

nguyên lãnh đạo tỉnh, giúp làm rõ thêm nhiều sự kiện, nhân vật, nhận định đánh giá về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giai đoạn 2000-2015.

Mặc dù Ban Chỉ đạo, Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi hạn chế, thiếu sót, kính mong các đồng chí lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh, các nhà nghiên cứu lịch sử và bạn đọc đóng góp ý kiến để cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập IV (2000-2015)* tái bản lần sau được hoàn thiện hơn.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ; Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; các nhà khoa học, các tập thể, cá nhân đã giúp đỡ, tạo điều kiện hoàn thành cuốn sách này.

Nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2020, chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị trân trọng giới thiệu cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập IV (2000-2015)***.

## BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

## **BỐI CẢNH LỊCH SỬ 15 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI**

Năm 2000, kết thúc thế kỷ XX bước sang thế kỷ XXI, đất nước đứng trước những thời cơ đan xen với nhiều thách thức lớn. Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc; là thế kỷ mà khoa học và công nghệ phát triển nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thời kỳ trước; là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc chiến tranh, xung đột vũ trang ở các quốc gia, khu vực. Thế kỷ XX cũng chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại mở ra thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều quốc gia, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi sâu sắc. Quá trình hình thành trật tự thế giới mới sẽ nảy sinh

những diễn biến phức tạp về chính trị, quân sự tại nhiều khu vực và nhiều nước. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh giành vị thế và lợi ích trên phạm vi toàn cầu, tại các khu vực và đặc biệt là tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khu vực Đông Nam Á. Khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh chóng cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, có cơ hội thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển, cải thiện vị thế của mình; đồng thời cũng đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn nếu không tranh thủ được cơ hội, khắc phục yếu kém để vươn lên.

Toàn cầu hóa và liên kết khu vực tiếp tục là các xu thế lớn, các cơ chế đa phương ngày càng có tiếng nói quan trọng trong đời sống quốc tế. Đây là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và

ngày càng phức tạp. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương như: bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo, chống tội phạm quốc tế. Chủ nghĩa tư bản hiện đại nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có, đặc biệt là mâu thuẫn lợi ích giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích chung của mình, vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau khủng hoảng tài chính - kinh tế đang hồi phục và từng bước đẩy nhanh tốc độ phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới.

Sự biến đổi của tình hình thế giới, khu vực tác động trực tiếp đến sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Thành công của quá trình đổi mới đất nước tạo ra sự phát triển mạnh mẽ và thông thoáng bên trong, tạo ra thế và lực mới rất quan trọng về phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế. Thế mới, lực mới của Việt Nam được củng cố và bồi đắp bởi sự lãnh đạo của Đảng - Đảng cách mạng và trí tuệ; là kết quả lao động, sáng tạo của nhân dân Việt Nam cần cù, thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy vậy, đất nước vẫn đứng trước nhiều thử thách không nhỏ. Kinh tế đất nước từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm tăng trưởng, nhưng còn nhiều khó khăn và phải ứng phó với nhiều thách thức. Bối nguy cơ mà Đảng ta nêu ra vẫn còn hiện hữu. Nguy cơ “tụt hậu xa hơn về kinh tế” và sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp. Những biểu hiện xa rời mục tiêu chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” vẫn tồn tại trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Các thế lực thù địch tăng cường chống phá, thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhằm thay đổi

chế độ chính trị ở nước ta. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước những khó khăn, thách thức mới. Niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân có mặt giảm sút.

Bối cảnh thế giới và trong nước vừa tạo cho công cuộc đổi mới của Việt Nam những triển vọng mới đầy hứa hẹn, vừa đặt ra những nhiệm vụ mới hết sức to lớn và nặng nề. Nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới là vấn đề có ý nghĩa sống còn.

Quảng Trị sau hơn 10 năm tái lập tỉnh và 15 năm thực hiện đường lối đổi mới đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để tạo dựng tiền đề quan trọng cho bước phát triển tiếp theo. Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái lao động, sản xuất, phát huy sức mạnh đoàn kết với khát vọng và quyết tâm xây dựng quê hương xứng đáng là một tỉnh anh hùng. Tuy nhiên, bên cạnh những thời cơ và vận hội mới, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị phải đối mặt với nhiều thử thách: nền kinh tế tuy có tăng trưởng nhưng chưa bền vững, kết cấu hạ tầng kỹ thuật thấp kém, thu ngân sách rất hạn chế, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, đội ngũ cán bộ các cấp nhìn chung chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ.

Những thành tựu đạt được, cũng như những hạn chế, khuyết điểm, bài học kinh nghiệm sau hơn 10 năm tái lập tỉnh là hành trang quý để Đảng bộ tỉnh nhìn lại và tiếp tục phấn đấu trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

## ***Chương I***

# **ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, TẠO NỀN TẢNG VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI (2000-2005)**

## **I. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIII, NHIỆM KỲ 2000-2005**

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 14-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; sau thành công của Đại hội Đảng cấp cơ sở và cấp trên cơ sở, từ ngày 27/2 đến ngày 01/3/2001, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XIII được tổ chức tại thị xã Đông Hà với sự tham gia của 317 đại biểu đại diện cho hơn 2 vạn đảng viên trong toàn tỉnh. Đồng chí Lê Minh Hương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an thay mặt Bộ Chính trị dự và chỉ đạo Đại hội.

Trong ba ngày làm việc, Đại hội thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII trình Đại hội; Báo cáo kết quả thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; Báo cáo kiểm điểm hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII; Báo cáo tham gia các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội IX của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII. Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trên các lĩnh vực, nhằm tập trung nguồn lực, sức mạnh toàn Đảng bộ, quân và dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, đưa Quảng Trị đi lên kịp với đà phát triển chung của cả nước.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ 5 năm 2000-2005: "... Phấn đấu đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khai thác tốt các lợi thế, tranh thủ thời cơ đưa nền kinh tế phát triển nhanh và vững chắc hơn. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, giải quyết tốt việc làm, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong đời sống nhân dân, nhất là những vùng khó khăn. Xây dựng hệ thống chính trị

vững mạnh, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội”<sup>1</sup>.

Đại hội đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 10-11%. Trong đó, tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm trong nông - lâm - ngư nghiệp là 5-6,5%, công nghiệp - xây dựng 21-23%; dịch vụ - thương mại 7-8%. Cơ cấu kinh tế: công nghiệp - xây dựng 25-26%, nông nghiệp 36-37%, dịch vụ - thương mại 35-37%.

- Đến năm 2005, GDP bình quân đầu người đạt 5 triệu đồng; tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 22 vạn tấn, kim ngạch xuất khẩu 30 triệu USD, giảm tỷ suất sinh hàng năm trên 0,6%, đưa tỷ lệ phát triển dân số xuống dưới 1,38%. Hàng năm tạo việc làm mới cho 4.000-5.000 lao động. Hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5-7%.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 đồng chí, trong đó tái cử 30 đồng chí; 17 đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy chiếm tỷ lệ 36,2%; nữ có 4 đồng chí, tăng 1 đồng chí so với khóa XII; người dân tộc thiểu số có 4 đồng chí. Trình độ đại học và trên

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (2001-2005)*, tr.44. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

đại học có 34 đồng chí, chiếm tỷ lệ 72% (khóa XII chiếm tỷ lệ 39%). Tuổi bình quân của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh là 48,8 tuổi, cao hơn khóa XII là 1,78 tuổi. Đại hội bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 8 đồng chí. Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX gồm 12 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Tại Hội nghị lần thứ nhất ngày 01/3/2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: Võ Duy Chất, Nguyễn Minh Kỳ, Nguyễn Đức Cường, Trần Trung Dũng, Trần Văn Huỳnh, Thái Vĩnh Liệu, Nguyễn Thị Thùy Mỹ, Nguyễn Viết Nên, Lê Hữu Phúc, Trần Viết Quốc, Nguyễn Đăng Tam, Trần Thao, Võ Xuân Trữ. Theo chỉ đạo của Trung ương chưa bầu Bí thư và các Phó Bí thư Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Viết Nên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giải quyết công việc của cấp ủy trong thời gian chưa có Bí thư và Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 06/3/2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị lần thứ hai. Hội nghị được nghe thông báo của Bộ Chính trị về điều động một đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng về tham gia Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy và yêu cầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị phương án

nhân sự hai Phó Bí thư Tỉnh ủy từ nguồn tại chỗ để giới thiệu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, tại kỳ họp này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu đồng chí Võ Duy Chất và đồng chí Nguyễn Minh Kỳ giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Võ Duy Chất được phân công làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Minh Kỳ làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 12/3/2001, Bộ Chính trị quyết định điều động và chỉ định đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lúc này có 48 đồng chí, Ban Thường vụ có 14 đồng chí.

Từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội, với chủ đề: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội IX là đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc trong thời điểm lịch sử trọng đại: thế giới bước vào thiên niên kỷ mới.

Nhìn nhận, đánh giá kết quả và những yếu kém, khuyết điểm sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Đại hội IX khẳng định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 là bước rất quan trọng trong thực hiện Chiến lược 10 năm 2001-2010 nhằm: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các Nghị quyết Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng chương trình hành động tập trung vào 6 nội dung cơ bản: phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn; phát triển

công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và kết cấu hạ tầng; phát triển thương mại và dịch vụ du lịch; phát triển văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ; tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; củng cố, xây dựng hệ thống chính trị và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng các giải pháp phù hợp, tranh thủ sự lãnh đạo, giúp đỡ của Trung ương, phát huy tiềm năng, lợi thế, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thi đua lao động sản xuất, công tác, quyết tâm đưa nền kinh tế - xã hội của tỉnh đi lên vững chắc.

## II. ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, KHAI THÁC LỢI THẾ, TRANH THỦ THỜI CƠ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA, GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH

### 1. Lãnh đạo phát triển kinh tế và từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong 5 năm 2001-2005, với chủ trương đúng đắn, sáng tạo, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân Quảng Trị

vượt qua khó khăn, thách thức, tích cực phấn đấu, giành được những thành tựu quan trọng về nhiều mặt; hầu hết các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Kinh tế tăng trưởng khá, cơ chế, chính sách về huy động nguồn lực, thu hút đầu tư bước đầu được tạo lập và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tốc độ tăng GDP bình quân 5 năm đạt 8,7%/năm, GDP bình quân đầu người đạt 5,16 triệu đồng, bằng 1,77 lần so với năm 2000. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP từ 44,9% năm 2000 xuống còn 36,8% năm 2005; tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng từ 15,8% năm 2000 lên 23,7% năm 2005; tỷ trọng dịch vụ năm 2005 đạt 39,5%, vượt mục tiêu đề ra trên 2%.

Về *nông nghiệp*, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII xác định kinh tế nông nghiệp có vị trí quan trọng bảo đảm sự ổn định xã hội, cần tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, coi đó là một trọng điểm cần tập trung chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết<sup>1</sup>. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (2001-2005)*, tr.45.

toàn quốc lần thứ IX nêu rõ 8 nội dung lớn gắn với các mục tiêu, giải pháp thiết thực, sát hợp về phát triển kinh tế nông nghiệp, đáp ứng mong muốn của cán bộ, đảng viên, nhân dân, đó là: bảo đảm an ninh lương thực; phát triển chăn nuôi; phát triển cây công nghiệp dài ngày; ổn định và phát triển vốn rừng; phát triển thủy sản; phát triển chế biến nông, lâm sản; phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai; cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

Xác định kinh tế miền biển, vùng cát là thế mạnh, lợi thế lớn của tỉnh, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia nhưng chưa được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư nguồn lực nên chưa khai thác tốt tiềm năng, lợi thế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân vùng biển còn nhiều khó khăn; Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 01/7/2002 về phát triển kinh tế - xã hội miền biển và vùng cát đến năm 2010 với mục tiêu tổng quát: phát huy mạnh mẽ các nguồn lực để đầu tư phát triển năng lực và hiệu quả trong đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản; đồng thời tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi để khai thác, sử dụng với hiệu ích cao quỹ đất vùng cát. Phấn đấu tạo bước phát

triển cơ bản trên cơ sở quy hoạch, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, bảo đảm sự phát triển toàn diện, vững chắc về kinh tế - xã hội miền biển và vùng cát.

Nghị quyết của Tỉnh ủy đề ra một số chỉ tiêu cụ thể:

- Tăng năng lực tàu thuyền đánh bắt đạt 45.000 CV, sản lượng thủy hải sản đạt 18.500 tấn vào năm 2005.

- Nâng tổng diện tích nuôi trồng thủy hải sản đến năm 2005 đạt 2.000 ha; trong đó diện tích nuôi tôm sú đạt 1.000 ha, sản lượng tôm sú đạt 2.400 tấn.

- Phấn đấu bảo đảm nhịp độ phát triển bình quân hàng năm của cả thời kỳ 2001-2005 đạt 7-8%, trong đó khai thác biển tăng 4%, nuôi trồng tăng 37%; giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy hải sản đạt 10 triệu USD năm 2005.

- Hình thành các cụm kinh tế miền biển tạo động lực cho sự phát triển chung của cả vùng, trong đó chú ý gắn kết giữa sản xuất với phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch. Kết hợp các chương trình dự án trồng rừng và một số cây trồng thích hợp khác với việc di, giãn dân lập làng sinh thái, hình thành các tụ điểm dân cư mới phù hợp với quá trình phát triển của giai đoạn tiếp theo.

- Quy hoạch phát triển các bãi tắm, dịch vụ nghỉ dưỡng ven biển, hình thành tour, tuyến du lịch sinh thái, di tích lịch sử - văn hóa.

Để tạo sự phát triển đồng bộ, toàn diện trên các vùng miền, các lĩnh vực, cùng với Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội miền biển và vùng cát, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngày 01/7/2002 cũng ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về phát triển kinh tế - xã hội miền Tây đến năm 2010. Mục tiêu hướng tới là: Xây dựng kinh tế nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền nông nghiệp đa dạng, mở rộng những vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với chế biến.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trên lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, các cấp, các ngành đã tập trung thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, dồn điền đổi thửa, tạo mô hình kinh tế có hiệu quả, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực. Một số diện tích lúa, màu ở các địa phương có năng suất và giá trị kinh tế thấp chuyển sang trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây thực phẩm và nuôi tôm đem lại hiệu quả. Sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, nỗ lực của các cấp, các ngành và tinh thần lao động cần cù, vượt khó của nhân dân

đã tạo nên sự phát triển khá toàn diện, liên tục và đạt được những kết quả quan trọng trên lĩnh vực nông nghiệp. Sản xuất lương thực tăng bình quân 1,7%/năm. Nhiều giống cây trồng mới đưa vào sản xuất cho năng suất và giá trị cao. Các vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến hình thành và phát triển ổn định. Tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm trên 17.400 ha; trong đó cây cao su, cà phê đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần cải thiện đời sống của một bộ phận nông dân. Nhiều mô hình sản xuất vườn đồi, vườn rừng đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Việc ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật về giống, thức ăn, thú y đã thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng sản phẩm được nâng lên. Đến năm 2005, tỷ trọng chăn nuôi chiếm 20,8% giá trị ngành nông nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 01/7/2002 về phát triển kinh tế - xã hội miền biển và vùng cát đến năm 2010; các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo khai thác tiềm năng kinh tế biển và vùng cát. Giá trị sản xuất thủy sản tăng bình quân hàng năm 16,2%. Diện tích nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh, năm 2005 có 2.050 ha, tăng bình quân hàng năm 18,8%.

Việc thực hiện Nghị định số 163/CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp đã thúc đẩy ngành lâm nghiệp phát triển nhanh. Các đơn vị, tập thể, gia đình, cá nhân sau khi nhận đất đã tổ chức trồng rừng, lập trang trại xây dựng nhiều mô hình kinh tế phát triển bền vững. Việc khai thác, quản lý, bảo vệ vốn rừng có hiệu quả hơn, chất lượng rừng trồng được nâng lên. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng nhanh, bình quân 4,1% hàng năm. Diện tích rừng trồng phát triển, đến năm 2005 có 191.429 ha, độ che phủ đạt 38,8%. Công tác chăm sóc, bảo vệ rừng được đẩy mạnh, nạn cháy rừng giảm đáng kể.

Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển ổn định, là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế. Toàn tỉnh có hơn 1.000 trang trại hoạt động trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng và cây ăn quả, góp phần giải quyết việc làm, thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hóa, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư và tăng nhanh thu nhập cho các gia đình.

*Về lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng*, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII xác định: Tiếp tục phát triển công nghiệp là yêu cầu

trọng tâm trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. củng cố, nâng cấp và khai thác hiệu quả các cơ sở hiện có, rà soát khả năng điều kiện tập trung đầu tư, quy hoạch, từng bước hình thành các khu công nghiệp Đường 9, Nam Đông Hà, Bắc Cửa Việt, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ có tính đột phá cho nền kinh tế địa phương<sup>1</sup>.

Ngày 28/10/2002, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về quy hoạch, quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị Quảng Trị đến năm 2010. Bên cạnh khẳng định những kết quả đạt được trong 12 năm từ khi Quảng Trị lập lại, Nghị quyết chỉ rõ những yếu kém, chủ yếu là công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng đô thị.

Nghị quyết nêu quan điểm chỉ đạo:

- Phát triển đô thị theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Kết hợp hài hòa giữa tính hiện đại và bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng đô thị phát triển phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.

- Phát triển đô thị phải đồng bộ, có quy mô phù hợp, bảo đảm tính kế thừa cho quá trình phát triển

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII*, 2001, tr.49.

tiếp theo. Đô thị phải là trung tâm kinh tế, văn hóa có tác động mạnh mẽ đến bộ mặt nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch. Công tác quy hoạch phải gắn liền với đầu tư kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, xây dựng nếp sống văn minh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, chính quyền đã tập trung chỉ đạo đối với công tác quy hoạch. Về quy hoạch đô thị, tập trung vào xử lý các bất cập, định hướng xây dựng các công trình có tính chất điểm nhấn của đô thị như: Nhà văn hóa trung tâm tỉnh, khu đô thị mới, siêu thị, bến xe tại Đông Hà... Những định hướng đúng đắn đó tạo tiền đề cho quá trình quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị Đông Hà từng bước trở thành thành phố - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh.

Sau ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, đánh giá kết quả đạt được và những yếu kém về tình hình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 05/01/2004 về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đến năm 2010. Trong đó, đề ra một số nội dung cần chú trọng: Đầu tư phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tiếp tục

kêu gọi thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung như Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Khu công nghiệp Lao Bảo, Cụm công nghiệp Đường 9, chuẩn bị các bước để triển khai xây dựng Khu công nghiệp Quán Ngang, các cụm công nghiệp Ái Tử, Bắc Cửa Việt. Trước mắt thúc đẩy hoàn thành nhanh các dự án đầu tư đã được triển khai là Nhà máy sản xuất gỗ ván MDF, Nhà máy cán thép công nghệ cao, Nhà máy sản xuất săm lốp xe máy, Nhà máy nghiền Clanhke... Ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật thu hút đầu tư ở các khu, cụm công nghiệp tập trung.

Trên cơ sở nghị quyết của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo sâu sát, cụ thể đối với công tác quy hoạch gắn với nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chú trọng việc giao đất, giao rừng, chính sách hưởng lợi của người trồng đối với rừng có vốn ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm cung cấp nguyên liệu lâu dài cho Nhà máy sản xuất gỗ ván MDF; bảo đảm ổn định vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến tinh bột sắn...

Các cơ chế, chính sách ban hành đã tạo điều kiện thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển tích cực. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm 18,6%, vượt mục tiêu Đại hội

Đảng bộ đề ra (16-18%). Các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - thủy sản tiếp tục đóng góp chủ yếu vào giá trị sản xuất của ngành. Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, các khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang đã có một số dự án sản xuất kinh doanh được triển khai xây dựng và đi vào hoạt động. Các sản phẩm ván sợi MDF, giấy, nước giải khát, sắn lát xe máy, tinh bột sắn... được thị trường chấp nhận. Nhiều ngành nghề truyền thống được khôi phục và phát triển, đồng thời du nhập, mở mang một số ngành nghề mới.

Tỉnh ủy lấy năm 2002 làm năm cơ chế, chính sách, quyết tâm tạo bước đột phá trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Quán triệt chủ trương trên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan xây dựng, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, tích cực thực hiện công tác quảng bá, xúc tiến kêu gọi đầu tư nên đã huy động được nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Nguồn vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và nguồn vốn tổ chức phi chính phủ thời kỳ 2001-2005 tăng hơn thời kỳ 1996-2000. Đến năm 2005, thu hút được 31 dự án ODA với tổng số vốn 120,29 triệu USD. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển 5 năm đạt trên

5.600 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư nước ngoài chiếm 17%, tăng gấp 3 lần so với thời kỳ 1996-2000.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường. Hầu hết các công trình thuộc kế hoạch 5 năm được triển khai thực hiện, nhiều công trình có ý nghĩa quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đã phát huy hiệu quả. Cảng cá Cửa Việt, cảng cá và khu dịch vụ hậu cần nghề cá Cồn Cỏ, khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng được đưa vào sử dụng đã đáp ứng nhu cầu phát triển nghề cá. Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang và các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được tập trung xây dựng, thu hút trên 60 dự án với tổng số vốn đăng ký 2.300 tỷ đồng, trong đó 4 dự án FDI có tổng vốn đầu tư 14,7 triệu USD.

Hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông, thông tin liên lạc từng bước được đầu tư phát triển, mở rộng. Tuyến đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 9 cùng nhiều tuyến đường, cầu quan trọng nối liền các vùng, giữa các địa phương như đường 11, 70, 74, 75, đường Tà Rụt - A Vao, cầu trần Ba Lòng, cầu Bến Sanh đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Giao thông nông thôn phát triển. Tổng chiều dài đường giao thông nông thôn được

bê tông kiên cố hóa từ năm 2002-2005 đạt 634 km, tổng mức đầu tư 107 tỷ đồng, nhân dân đóng góp hơn 41 tỷ đồng. Mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển nhanh. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được triển khai hiệu quả.

Hệ thống thủy lợi được ưu tiên đầu tư nâng cấp, xây dựng mới đồng bộ và hoàn chỉnh hơn. Nhờ đó, đã chủ động tưới tiêu cho 37.000 ha lúa hai vụ, ngăn mặn và chống lũ tiểu mãn cho 10.000 ha lúa.

Với sự hỗ trợ của Nhà nước, vốn vay và đóng góp của nhân dân, chương trình kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2000-2005 đạt được những kết quả quan trọng. 552 km kênh mương các loại được kiên cố hóa với tổng số vốn đầu tư 375 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 27,232 tỷ đồng. Không chỉ tiết kiệm được thời gian, lượng điện, nước mà 5.000 ha đất thiếu chủ động nước tưới đã đi vào sản xuất ổn định, phục vụ đắc lực cho việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, thâm canh tăng năng suất, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Chương trình điện khí hóa nông thôn tiếp tục thực hiện hiệu quả. Đến năm 2005 có 100% số xã, phường đã sử dụng điện lưới quốc gia. Công trình thủy lợi - thủy điện Quảng Trị (Rào Quán) được khởi công xây dựng.

Hệ thống hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư, tập trung vào hai thị xã và các thị trấn quan trọng ở các vùng trong tỉnh.

*Lĩnh vực thương mại - dịch vụ, du lịch* phát triển khá ổn định. Hàng hóa phong phú, đa dạng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng bình quân hàng năm 20,5%. Giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm đạt 15,44 triệu USD; giá trị nhập khẩu bình quân hàng năm đạt 17,56 triệu USD. Hàng nông, thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị xuất khẩu.

Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo trở thành một trong những khu kinh tế cửa khẩu quan trọng của Việt Nam, đối diện với Khu thương mại biên giới Đensavann - nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 1999, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng quy hoạch chung xây dựng Khu thương mại Lao Bảo đến năm 2020. Năm 2002, Thủ tướng có quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Khu Kinh tế - Thương mại Lao Bảo để phù hợp với việc sửa đổi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và sự thay đổi các luật thuế.

Ngày 12/01/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2005/QĐ-TTg về Quy chế Khu Kinh tế -

Thương mại đặc biệt Lao Bảo. Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và từng bước hoàn thiện về các cơ chế, chính sách thúc đẩy Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo phát triển.

Xác định du lịch là một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nêu rõ: Nâng cấp và xây dựng các trung tâm du lịch, cụm du lịch như Cửa Tùng, địa đạo Vịnh Mốc, Thành Cổ Quảng Trị. Đầu tư bảo tồn, tu bổ và nâng cấp các di tích lịch sử, văn hóa. củng cố và tổ chức lại bộ máy quản lý và hướng dẫn du lịch tạo chuyển biến mới trong kinh doanh, hình thành một số sản phẩm du lịch mới, thu hút ngày càng nhiều du khách đến tham quan.

Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 15/11/2001 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch Quảng Trị đến năm 2010 khẳng định rõ quan điểm:

- Du lịch là một trong những ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Chiến lược phát triển du lịch 10 năm không tách rời với phát triển các ngành kinh tế khác, nhằm tác động thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

- Phát triển du lịch phải gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị,

bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đầu tư cho phát triển du lịch phải có tầm nhìn chiến lược lâu dài, đồng bộ, toàn diện nhưng trước hết phải có đầu tư trọng điểm, gắn với quy hoạch, kế hoạch và có bước đi thích hợp.

- Du lịch là ngành kinh tế có tính tổng hợp, tính liên ngành, liên vùng, mang nội dung văn hóa sâu sắc và xã hội hóa cao. Phát triển ngành du lịch cần huy động và sử dụng tổng hợp các nguồn lực, các thành phần kinh tế. Trên cơ sở phát huy nội lực, cần đặc biệt coi trọng và khai thác tốt nguồn lực bên ngoài.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, kinh tế du lịch có bước chuyển biến cả về cơ sở vật chất, tổ chức quản lý. Việc quảng bá giới thiệu về tiềm năng du lịch của tỉnh được đẩy mạnh. Các di tích lịch sử, cơ sở văn hóa được đầu tư, trong đó có Nhà lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, di tích Sân bay Tà Cơn, địa đạo Vịnh Mốc, di tích đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, Nhà đày Lao Bảo, cầu Cửa Tùng, đường Cửa Tùng - Vịnh Mốc, đường Hồ Chí Minh huyền thoại. Lượng khách đến tham quan tăng bình quân hàng năm 10-11%. Doanh thu ngành du lịch năm 2005 đạt 50 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2004.

*Hoạt động tài chính* có nhiều chuyển biến. Cấp huyện và cấp xã chủ động hơn trong xây dựng dự toán ngân sách, tạo điều kiện cho việc tập trung khai thác nguồn thu nội địa thông qua chính sách thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển. Từng bước điều chỉnh và bố trí hợp lý các khoản chi.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 8,4%/năm, năm 2005 thu ngân sách đạt trên 320 tỷ đồng. Mặc dù tổng thu ngân sách còn thấp, song thu nội địa tăng theo hướng tích cực.

Hệ thống ngân hàng thương mại phát triển mạnh, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý phù hợp với xu thế hội nhập, góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; sau khi rà soát, đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn, tỉnh đã chỉ đạo sắp xếp được 37/52 doanh nghiệp nhà nước, trong đó cổ phần hóa 20 doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp được sắp xếp lại đã ổn định tổ chức bộ máy, sản xuất kinh doanh có lãi, người lao động có việc làm, nâng cao thu nhập.

Đến năm 2005, toàn tỉnh có 363 hợp tác xã, trong đó có 2 liên hiệp hợp tác xã, 278 hợp tác xã nông nghiệp, 24 hợp tác xã đánh bắt xa bờ, 14 hợp tác xã dịch vụ thủy sản, 11 hợp tác xã giao thông vận tải, 11 quỹ tín dụng nhân dân... Tổng số vốn kinh doanh 208 tỷ đồng, tổng số xã viên và người lao động là 253.000 người. Hoạt động của các hợp tác xã trên các lĩnh vực từng bước được củng cố, thích ứng dần với cơ chế thị trường. Một số hợp tác xã mạnh dạn huy động thêm nguồn vốn, phát triển ngành nghề, sản xuất và dịch vụ, có trên 50% số hợp tác xã làm ăn có lãi.

Các hợp tác xã nông nghiệp đã làm được các khâu dịch vụ cơ bản, phục vụ sản xuất nông nghiệp. Số hợp tác xã nông nghiệp hoạt động dịch vụ tổng hợp có chiều hướng tăng và có hiệu quả hơn. Nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác đã tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; tích cực chuyển đổi phương thức tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu thực tế của xã viên, do đó tình hình sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, tổ hợp tác đã đi vào ổn định, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, khắc phục tình trạng thua lỗ kéo dài, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

Ngoài việc huy động thêm các nguồn lực, đổi mới các hoạt động kinh doanh dịch vụ, chuyển đổi cơ cấu

cây trồng, vật nuôi..., nhiều hợp tác xã đã đầu tư vốn tích lũy kết hợp với huy động vốn đóng góp của cộng đồng dân cư lồng ghép với nguồn vốn từ các chương trình, dự án của các tổ chức trong và ngoài nước để triển khai xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh, nhất là chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng, bê tông hoá giao thông nông thôn... làm cho bộ mặt nông thôn thêm khởi sắc. Bên cạnh đó, các hợp tác xã từng bước liên doanh, liên kết với nhau, liên kết giữa các hợp tác xã với các tổ chức kinh tế, nhằm tăng thêm các nguồn lực để giải quyết có hiệu quả các khâu dịch vụ đầu vào, đầu ra, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ và kinh tế trang trại.

Thu nhập và đời sống của bà con xã viên từng bước được cải thiện. Các chính sách ứng dụng khoa học kỹ thuật... được triển khai tích cực. Các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công đã đến với bà con nông dân, ngư dân thông qua vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã được chú trọng.

*Hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại* tiếp tục được tăng cường, đạt kết quả quan trọng. Quán triệt đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa

phương hóa của Đảng, tỉnh đã chủ động và tích cực thực hiện công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, tranh thủ có hiệu quả các nguồn tài trợ của các chương trình dự án ODA, NGO phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời xây dựng, củng cố tình hữu nghị, hợp tác với hai tỉnh Savannakhet và Salavan (Lào) đi vào chiều sâu. Hàng năm, lãnh đạo cấp cao hai tỉnh Quảng Trị - Savannakhet, Quảng Trị - Salavan đều có cuộc hội đàm thường niên, nhằm đánh giá lại tình hình thực hiện những nội dung trong biên bản hội đàm năm trước, thảo luận phương hướng hợp tác cho năm sau, tiếp tục đưa quan hệ hữu nghị hợp tác lên tầm cao mới.

Cùng với các hoạt động đối ngoại cấp cao giữa hai tỉnh, đối ngoại nhân dân, đối ngoại quốc phòng - an ninh và biên giới được tăng cường và ngày càng đi vào nền nếp, phát huy hiệu quả. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp tăng cường các hoạt động giao lưu học hỏi, trao đổi kinh nghiệm quản lý, tổ chức sản xuất, chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, góp phần thắt chặt thêm tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa hai nước.

Thực hiện thoả thuận hợp tác tiểu vùng Mêkông (GMS) và chủ trương cải cách thủ tục hành chính giữa các nước trong khu vực, nhằm đẩy mạnh hoạt

động giao lưu, hợp tác với nước bạn Lào, Cục Hải quan Quảng Trị đã tiến hành ký kết với hải quan Densavann triển khai giai đoạn I về “Kiểm tra một lần, một điểm dừng” tại cặp cửa khẩu Lao Bảo - Densavann. Đây là cặp cửa khẩu đầu tiên giữa Việt Nam - Lào và 6 nước tiểu vùng thực hiện thí điểm mô hình này. Sau thời gian triển khai đã đạt được một số kết quả bước đầu.

Hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại đã tranh thủ được nguồn vốn đầu tư đáng kể cho tăng trưởng kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân.

## **2. Lãnh đạo phát triển văn hóa - xã hội**

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa các nội dung về văn hóa, xã hội bằng các nghị quyết, chỉ thị trên từng lĩnh vực, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện. Nhờ đó, hoạt động văn hóa - xã hội từng bước đi vào chiều sâu, đổi mới nội dung và phương thức, tạo hiệu quả thiết thực; nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu Đại hội đề ra. Sự tiến bộ trên lĩnh vực văn hóa - xã hội đã góp phần thực hiện mục tiêu chăm lo con người, trước hết là nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của

nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực và thực hiện các chính sách xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm đến *sự nghiệp giáo dục - đào tạo*.

Tỉnh ủy chọn năm 2001 là năm giáo dục của Quảng Trị, nhằm tạo bước chuyển biến quan trọng trong toàn ngành. Đề án “Năm giáo dục 2001” được thực hiện thành công, đã huy động 46 tỷ đồng xây dựng 49 trường học và các công trình, thiết bị phục vụ ngành giáo dục. Cơ sở vật chất tăng 2,3 lần so với nhiệm kỳ 1996-2000, lĩnh vực công nghệ thông tin phục vụ giáo dục - đào tạo phát triển mạnh.

Ngày 24/6/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU về việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, yêu cầu: Chương trình hành động thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở phải gắn với việc khắc phục những yếu kém về chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Đổi mới phương pháp giáo dục, thi cử. Xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo hướng cập nhật những thành tựu mới của khoa học công nghệ, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ mở cửa hội nhập, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp, các ngành đã tập trung huy động nguồn lực đầu tư cho giáo dục, nhờ đó, quy mô, chất lượng đào tạo tăng nhanh, nhất là bậc trung học và dạy nghề. Năm học 2003-2004, có 135 trường mầm non, 168 trường tiểu học, 110 trường trung học cơ sở (trong đó có 18 trường phổ thông cơ sở), 23 trường trung học phổ thông, 4 trường cấp II-III, 10 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, 9 trung tâm giáo dục thường xuyên, 1 trường Cao đẳng sư phạm<sup>1</sup>. Ngành giáo dục - đào tạo phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh thành lập được 70 trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn toàn tỉnh.

Năm 2003, với sự đề xuất của tỉnh, Quảng Trị được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn làm thí điểm bỏ kỳ thi tốt nghiệp tiểu học. Sáng kiến này đã được Quốc hội ghi nhận, đưa vào nội dung sửa đổi *Luật Giáo dục* để thực hiện trong cả nước.

Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo Nghị quyết số 41/2000/NQ-QH10 ngày 09/12/2000 của

---

1. Tỉnh ủy Quảng Trị: *Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về giáo dục - đào tạo...*, số 135-BC/TU ngày 20/9/2004. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Quốc hội khóa X về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở và Chỉ thị số 14-CT/TU của Tỉnh ủy được tập trung đẩy mạnh với quyết tâm cao, cách làm sáng tạo, lựa chọn bước đi phù hợp, chỉ đạo duy trì sĩ số, chống lưu ban bỏ học; củng cố vững chắc thành quả phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, tổ chức các lớp bổ túc văn hóa, thành lập đoàn giáo viên tình nguyện làm công tác phổ cập. Đến năm 2004, toàn tỉnh có 6 huyện, thị xã, 112/138 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở với tỷ lệ 82,4%. Năm 2005, Quảng Trị đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở; năm 2006, đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Chất lượng giáo dục - đào tạo chuyển biến tích cực cả diện đại trà và mũi nhọn, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp học luôn ở mức cao, ngày càng có nhiều học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

Đội ngũ giáo viên được xây dựng theo hướng chuẩn hóa. Công tác xây dựng và phát triển Đảng trong các trường học được chú trọng. 80% số trường có chi bộ Đảng.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật các trường học được xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, số phòng học cao tầng, kiên cố chiếm tỷ lệ gần 60%.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo,

xây dựng “cả nước trở thành một xã hội học tập”, ngày 13/8/2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo số 52-TB/TU về việc thành lập Hội Khuyến học tỉnh Quảng Trị. Với truyền thống vượt khó, hiếu học, phong trào khuyến học toàn tỉnh phát triển mạnh. Số lượng tổ chức hội và hội viên tăng nhanh, quỹ khuyến học không ngừng phát triển, đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho hàng nghìn học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được đến trường.

Công tác quản lý và các nhiệm vụ *ngiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ* từng bước đổi mới. Nhiều đề tài, dự án khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất và đời sống được triển khai như các dự án, đề tài điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường và xây dựng luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định các chủ trương, xác định mục tiêu phát triển. Trên lĩnh vực nông nghiệp, đã tiến hành khảo nghiệm, tuyển chọn những giống cây, vật nuôi có hiệu quả và thích nghi với các tiểu vùng sinh thái, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; xác định các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả đối với vùng gò đồi và miền núi... Các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế - xã hội và cải cách hành chính đã chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin. Việc bảo vệ môi

trường được chú trọng hơn. Công tác đo lường chất lượng có tiến bộ.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ, Tỉnh ủy luôn chú trọng lãnh đạo phát triển *văn hóa, thông tin*.

Ngày 28/12/2004, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 54-CTHĐ/TU thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 10 khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong những năm sắp tới; trong đó nhấn mạnh: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII là một nhân tố quyết định để nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, làm cho văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chương trình hành động đề ra những mục tiêu chủ yếu:

- Bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

- Trong quá trình mở rộng hội nhập kinh tế quốc

tế và giao lưu văn hóa với các nước, nhất là các nước trong khu vực trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, bên cạnh việc tập trung xây dựng những giá trị văn hóa mới, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa quê hương, bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới và các nước trong khu vực, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

- Huy động mọi tiềm lực xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa; chăm lo bồi dưỡng, phát triển tài năng. Chủ động có kế hoạch, chính sách, cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho văn hóa phát triển đúng hướng, vững chắc.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao tính thống nhất trong đa dạng văn hóa các dân tộc ở địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã đem lại hiệu quả thiết thực. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở” phát triển rộng khắp. Vĩnh Linh, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị là những địa phương điển hình trong phong trào. Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng. Toàn tỉnh có 385 nhà văn hóa - giáo dục cộng đồng thôn, bản. Đến cuối năm 2005, có 71.076 gia đình, 753 đơn vị được

công nhận gia đình, đơn vị văn hóa. Hệ thống di tích lịch sử, di tích chiến tranh cách mạng được quy hoạch, phân cấp quản lý, trùng tu, tôn tạo đã phát huy tác dụng tích cực trong giáo dục truyền thống cho các tầng lớp nhân dân. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Các lễ hội quy mô lớn thể hiện nét đặc trưng của Quảng Trị được chỉ đạo tổ chức thành công, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với bạn bè trong nước và quốc tế, tạo điểm nhấn trên con đường xây dựng và phát triển quê hương như Lễ hội “Nhịp cầu xuyên Á”, Lễ hội “Thống nhất non sông”, Lễ hội Tri ân ở các nghĩa trang Quốc gia và di tích Thành Cổ Quảng Trị, đôi bờ sông Thạch Hãn.

Năm 2005, kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 115 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 30 năm Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, 60 năm thành lập lực lượng Công an nhân dân, 60 năm thành lập Lực lượng vũ trang Quảng Trị; diễn ra nhiều hoạt động lễ hội, văn hóa văn nghệ. Đặc biệt, lễ hội “Thống nhất non sông” tổ chức tại khu di tích đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải được truyền hình trực tiếp trên sóng VTV3. Lễ hội vinh dự nhận lăng hoa chúc mừng của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Chủ tịch Quốc

hội Nguyễn Văn An. Đến dự Lễ hội có đồng chí Vũ Khoan - Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ cùng đại diện lãnh đạo một số bộ, ngành Trung ương.

Phong trào thể dục thể thao, rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại phát triển sâu rộng. Nhiều vận động viên đạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia; thể thao người khuyết tật được quan tâm. Gần 15% dân số, 65% công nhân viên chức và 95% cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tham gia luyện tập thể dục thể thao.

Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 24/4/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản theo tinh thần Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 17/10/1997 của Bộ Chính trị; công tác chỉ đạo, quản lý báo chí được tăng cường. Hoạt động của các loại hình báo chí được nâng cao chất lượng, thông tin phản ánh kịp thời, góp phần định hướng tư tưởng, giáo dục truyền thống dân tộc, quê hương, đáp ứng tốt hơn nhu cầu cung cấp thông tin và giải trí của nhân dân.

Các cơ quan báo chí đã chủ động, tích cực đấu tranh với các luận điệu thù địch, chống phá đường lối cách mạng của Đảng, Nhà nước; phát hiện và đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong xã hội, góp phần làm ổn

định tình hình chính trị, an ninh tư tưởng trên địa bàn. Báo Quảng Trị đã phát hành đến các thôn, bản, vùng sâu, vùng xa; diện phủ sóng phát thanh toàn tỉnh đạt 90%, truyền hình đạt 70% địa bàn dân cư.

Về y tế, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nhấn mạnh: “Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân là một mục tiêu quan trọng phải được tập trung để tạo chuyển biến mới”. Cụ thể hóa một bước, ngày 24/6/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, trong 5 năm 2000-2005, 134/138 trạm y tế xã được nâng cấp với 66,7% xã có bác sĩ; các cơ sở y tế huyện, tỉnh được đầu tư nhiều thiết bị hiện đại, đưa công suất sử dụng giường bệnh tăng lên 90-120%. Y đức và trình độ chuyên môn của đội ngũ thầy thuốc được nâng lên. Một số dịch bệnh nguy hiểm được kịp thời khống chế. Công tác tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi và hạ thấp tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đạt mục tiêu đề ra.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Nhiều xã, phường, thị trấn xây dựng và mở rộng các quỹ hoạt động dân số, xây dựng mô hình “Làng không sinh con thứ 3”, mô hình truyền thông - tư vấn dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình ở các

vùng khó khăn. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm còn 1,25% năm 2005, vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra 0,13%.

Với mục tiêu từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, *các chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo* được Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả.

Công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế được chú trọng. Với việc triển khai thực hiện Đề án phát triển Trường dạy nghề tổng hợp tỉnh đến năm 2010, cơ sở vật chất của hệ thống đào tạo nghề được quan tâm đầu tư. Hằng năm tạo việc làm mới cho trên 6.000 lao động. Từ năm 2000 đến năm 2005, tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm từ 5,8% xuống còn 4%, đạt chỉ tiêu đề ra. Năm 2005, GDP bình quân đầu người đạt 5,16 triệu đồng, gần gấp đôi năm 2000. Thời gian sử dụng lao động tăng từ 73% năm 2000 lên 79,65% năm 2005; lao động được đào tạo đạt 23,3%, riêng đào tạo nghề đạt 13%. Xuất khẩu lao động được đẩy mạnh, trong 4 năm 2002-2005, đã đưa 2.130 người đi làm việc ở nước ngoài.

Để đạt mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, một trong những chính sách xã hội quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trên con đường lãnh đạo đất nước xây dựng chủ nghĩa xã

hội là thực hiện mạnh mẽ chính sách xóa đói, giảm nghèo. Quán triệt quan điểm của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nhấn mạnh: Bằng kế hoạch cụ thể và giải pháp đồng bộ để đưa phong trào “xóa đói, giảm nghèo” phát triển nhanh hơn nữa, ưu tiên đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn; nâng cao đời sống cộng đồng. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tùy theo điều kiện của mình để có thể nhận đỡ đầu cho từng làng, xã, khối phố, thôn, bản, giúp cơ sở thực hiện có hiệu quả Chương trình “xóa đói, giảm nghèo”.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Chương trình xóa đói, giảm nghèo được lồng ghép thực hiện ngày càng hiệu quả. 36 xã đặc biệt khó khăn và vùng biên giới được 53 cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh và doanh nghiệp đỡ đầu. Các huyện, thị xã tổ chức triển khai việc kết nghĩa với các xã đặc biệt khó khăn. Năm 2003, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chọn 3 xã: Thanh, Húc Nghi, Vĩnh Khê để xây dựng mô hình xã điểm về xóa đói, giảm nghèo; xây dựng thí điểm 100 nhà ở cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số ở hai huyện Hướng Hóa và Đa Krông để tổ chức rút kinh nghiệm nhân rộng. Phát huy truyền thống nhân đạo, “thương người như thể thương thân”, phong trào xây dựng quỹ “Ngày vì người nghèo” được đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân tham gia. Từ năm 2001 đến năm 2004, huy động

được trên 5,246 tỷ đồng. Bình quân hàng năm đầu tư cho công tác xóa đói, giảm nghèo 100 tỷ đồng, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 10% vào năm 2005<sup>1</sup>.

Đặc biệt, kỷ niệm 30 năm Ngày giải phóng Quảng Trị (1/5/1972 - 1/5/2002), 95 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn (7/4/1907 - 7/4/2002), với sự tham gia của các cấp, các ngành; cán bộ, đảng viên, nhân dân toàn tỉnh, các doanh nghiệp; sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương; Quảng Trị đã xây dựng được 446 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 6 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức 300 nhà tình nghĩa đã đề ra.

Quảng Trị cũng là địa phương đầu tiên trong cả nước chủ trương xây dựng và sửa chữa nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng miền núi. Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/7/2002 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội miền Tây đến năm 2010 nêu rõ: “Tỉnh chủ động xây dựng, triển khai thực hiện và xin Chính phủ hỗ trợ dự án về nhà ở cho các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và đặc biệt khó khăn, trên cơ sở kết hợp nhân dân và Nhà nước cùng làm”<sup>2</sup>. Với chủ trương đúng đắn của tỉnh,

trong 5 năm, hơn 5.000 hộ nghèo ở các địa phương được hỗ trợ, xây dựng và sửa chữa nhà ở, trong đó xây mới cho 1.975 hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về công tác dân tộc trong giai đoạn mới, các cấp ủy, chính quyền và các ban, ngành chức năng đã tích cực triển khai thực hiện các chương trình 134, 135, 174, chính sách trợ giá, trợ cước, các dự án hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn và huy động các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại. Kết cấu hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn từng bước được xây dựng. Tình trạng thiếu đói dài ngày không còn xảy ra.

Là địa phương chịu nhiều mất mát, đau thương trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược ở thế kỷ trước, đối tượng người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ chiếm tỷ lệ khá lớn; thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 16/10/2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 06-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác hoàn thành xác nhận người có công với cách mạng trong 3 thời kỳ. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, công tác chính sách xã hội, đền ơn đáp nghĩa, trợ giúp các gia đình chính sách, người có công và các đối tượng xã hội

---

1. Tính theo chuẩn cũ.

2. Tỉnh ủy Quảng Trị: *Các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh 2001-2004*, lưu hành nội bộ, 2005, tr.223-224.

khác được quan tâm và thực hiện tốt. 8 năm thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng 1996-2004, toàn tỉnh đã xác nhận và giải quyết các chế độ trợ cấp cho 53.420 đối tượng chính sách mới; trao tặng, truy tặng 41 Huân chương Độc lập. Trong 5 năm 2001-2005, Quỹ đền ơn đáp nghĩa huy động được gần 25 tỷ đồng. Xây mới 881 nhà, sửa chữa 209 nhà cho các đối tượng chính sách trị giá 14,525 tỷ đồng. 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống được phụng dưỡng, chăm sóc. Công tác hậu phương quân đội được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng rộng rãi. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ được triển khai tích cực, hàng nghìn hài cốt liệt sĩ ở nước Lào và các địa phương trong nước được cất bốc, quy tập, mai táng trang trọng tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.

### **3. Lãnh đạo củng cố quốc phòng - an ninh**

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX xác định: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc. Tăng cường quốc phòng, giữ vững

an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Quán triệt và nhận thức đúng đắn đường lối của Đảng, trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng - an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân vững chắc. Lãnh đạo các cấp ủy, chính quyền, lực lượng vũ trang tập trung xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, năm 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị tháng 7/1987 và Chỉ thị số 56/CT-HĐBT tháng 3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng (sau này là Chính phủ) về việc xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc (1989-2004). Hội nghị khẳng định: Quảng Trị là một tỉnh thuộc duyên hải Bắc miền Trung, có vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, vì vậy, qua các nhiệm kỳ Đại hội,

Đảng bộ tỉnh đều xác định nhiệm vụ: Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh; quốc phòng - an ninh với kinh tế trong mọi hoạt động, trên các lĩnh vực. Mỗi ngành, địa phương, đơn vị tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ, bảo vệ vững chắc biên giới vùng biển, nội địa, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh ở mỗi địa bàn và trên từng lĩnh vực quan trọng, các nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quốc phòng - an ninh. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và phát triển các ngành, lĩnh vực, chỉ đạo nhất quán về đầu tư các dự án trọng điểm xây dựng kết cấu hạ tầng tạo thế trận trên tuyến biên giới, tuyến biển và các địa bàn quan trọng trong khu vực phòng thủ.

Quán triệt và thực hiện chủ trương của Trung ương, công tác xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh trong 15 năm 1989-2004 đạt nhiều kết quả. Công tác chính trị, công tác xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang được tăng cường. Các lực lượng Quân đội, Biên

phòng và Công an tỉnh được tập trung xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng chính trị tin cậy, ngày càng nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu. Cơ quan quân sự địa phương các cấp được tập trung xây dựng vững mạnh về mọi mặt, đủ sức tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương và chỉ huy các lực lượng vũ trang hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Lực lượng Công an nhân dân luôn được quan tâm, kiện toàn củng cố từ tỉnh đến cơ sở cả về số lượng và chất lượng. Hầu hết các thôn, bản, xã, phường, doanh nghiệp, cơ quan đều có công an viên chuyên trách, lực lượng bảo vệ chuyên trách hoặc bán chuyên trách. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc thường xuyên được phát động theo tinh thần Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm nhằm phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, cảm hóa người lầm lỗi tại khu dân cư. Ngành Công an phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội quần chúng thực hiện tốt nghị quyết liên tịch, chương trình hành động liên ngành để bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hệ thống văn kiện tác chiến các cấp hàng năm được xây dựng, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ tác chiến trong khu vực phòng thủ. Căn cứ chiến đấu, hậu phương, các công trình phòng thủ tuyến biên giới, biển, đảo được quy hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo theo yêu cầu của thế trận khu vực phòng thủ. Xây dựng hệ thống kho tàng dự trữ vũ khí, trang bị. Các công trình chiến đấu còn lại sau chiến tranh được đưa vào quản lý, sử dụng cho mục đích quốc phòng.

Chủ trương phát triển kinh tế miền núi, miền biển của Tỉnh ủy được tích cực thực hiện, kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, bưu điện, y tế; đặc biệt là các công trình trọng điểm như cảng cá Cửa Việt, cảng cá và khu dịch vụ hậu cần nghề cá đảo Cồn Cỏ, cảng cá và khu neo đậu trú bão Cửa Tùng, Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, Khu công nghiệp Nam Đông Hà được đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả không chỉ góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, tăng cường tiềm lực mọi mặt của địa phương mà còn góp phần củng cố thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc hơn.

Nhiệm vụ diễn tập cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả. Trong 15 năm (1989-2004), đã tổ chức diễn tập khu vực phòng

thủ tỉnh 2 lần, phần lớn các huyện, xã, phường, thị trấn diễn tập vòng 2, vòng 3. Các đơn vị bộ đội địa phương, bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh tổ chức diễn tập hằng năm theo hình thức chiến thuật, phương án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Thông qua diễn tập, vai trò lãnh đạo của cấp ủy, điều hành của chính quyền và tham mưu của các ban, ngành, đoàn thể, lực lượng Quân đội và Công an làm nòng cốt được phát huy, trình độ chỉ huy, hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng được nâng cao. Nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, nêu cao cảnh giác cách mạng trước âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trong khu vực phòng thủ của cán bộ, đảng viên, nhân dân tăng lên.

Các cấp ủy chỉ đạo thực hiện chủ trương xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện tạo nền tảng cho thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Cụm an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu gắn với cụm liên hoàn về an ninh trật tự được hình thành, củng cố, bảo đảm công tác quốc phòng, quân sự địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác phòng, chống các loại tội phạm được thực hiện hiệu quả. Lực lượng Quân đội, Công an, Biên phòng cùng

các ngành chủ động phối hợp, kiên quyết đấu tranh với những phần tử phản động cực đoan lợi dụng tôn giáo, dân tộc để kích động chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ngăn chặn hiệu quả việc truyền đạo trái phép, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật, góp phần thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo.

Công tác giáo dục quốc phòng thực hiện có nền nếp, tạo chuyển biến quan trọng về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác giáo dục đi sâu vạch rõ đối tượng, lực lượng và những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của các thế lực thù địch trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, để có nhận thức mới về âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của chúng, từ đó nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, củng cố niềm tin trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh.

Bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng luôn đi đầu trong công tác vận động quần chúng, nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Ngày 5/6/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo

của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết 7 năm (1996-2003) thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Lực lượng dự bị động viên. Từ những kết quả đạt được và rút ra những hạn chế, yếu kém, Tỉnh ủy tăng cường công tác chỉ đạo để củng cố, phát triển lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp, đạt tỷ lệ 2,5% dân số, tổ chức biên chế, trang bị cơ bản phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể từng địa phương. 100% xã, phường, thị trấn có lực lượng cơ động, lực lượng tại chỗ và một số lực lượng chuyên trách. Đối với lực lượng dự bị động viên, thường xuyên tổ chức đăng ký, quản lý, phúc tra, sắp xếp biên chế đạt 93% chỉ tiêu, riêng sĩ quan đạt 66,7%. Lực lượng Công an xã được xây dựng theo Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23/6/1999 của Chính phủ về Công an xã. Lực lượng dân quân tự vệ, công an ở cơ sở ngày càng vững mạnh, thực sự làm nòng cốt trong việc nắm tình hình, tham mưu xử lý, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Từ kết quả đạt được và hạn chế, khuyết điểm trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, tiếp tục thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, ngày 14/10/2004, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Chương trình hành động xác định 6 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: giữ vững ổn định chính trị, phòng chống có hiệu quả “diễn biến hòa bình” - “bạo loạn lật đổ” và “tự diễn biến”, sẵn sàng đối phó với các tình huống khác; xây dựng và thực hiện các phương án bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, vùng biển, vùng trời; xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trên mặt trận chính trị, tư tưởng, dân tộc và tôn giáo; tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại.

Công tác quốc phòng - an ninh được chăm lo thực hiện tốt đã tạo môi trường thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

### III. ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH

Từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, quán triệt quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đề ra, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh hướng trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 25/01/2002 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý; Nghị quyết số 17-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 khóa IX ngày 18/3/2002 về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; Kết luận số 15-KL/TW tại Hội nghị Trung ương 6 khóa IX ngày 26/7/2002 khi tổng kết 3 Nghị quyết Trung ương về công tác tổ chức cán bộ; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên tinh thần đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung xây dựng chương trình hành động và một số nghị quyết chuyên đề nhằm tăng cường công tác chính trị tư tưởng; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch, luân

chuyển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; chăm lo củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng yếu kém; phát huy vai trò hoạt động của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng; mở rộng dân chủ; khơi dậy các phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, tạo động lực cho sự đi lên của quê hương.

### **1. Tăng cường công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh**

*Về công tác chính trị tư tưởng*, trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã nghiêm túc xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh. Xây dựng và quán triệt Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới. Công tác giáo dục, nâng cao nhận thức tư tưởng, chính trị cho cán bộ, đảng viên được tiến hành thường xuyên, đa dạng, từng bước đổi mới về nội dung và hình thức. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghị quyết của Đảng, học tập lý luận chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần nâng cao trình độ lý luận và phương pháp tư duy cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những tư tưởng lệch lạc, mơ hồ, các quan điểm sai trái, cơ hội chính trị được kịp thời uốn nắn, khắc phục.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 7/6/2001 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, ngày 28/01/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TU đã khắc phục các khuyết điểm trong thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; ý thức chính trị, tinh thần tự lực, tự cường, tính năng động, sáng tạo trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được phát huy. Đại đa số đảng viên, cán bộ giữ vững phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Từng bước đẩy lùi tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống, tệ tham nhũng, tiêu cực trong một số cán bộ, đảng viên. Công tác đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa được coi trọng. Các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở nhận

thức đúng đắn vai trò, vị trí của cuộc đấu tranh này, tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên hiểu rõ hơn về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Từ đó, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, phát huy dân chủ, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình tư tưởng, tạo sự đồng thuận và củng cố lòng tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới của đất nước, quê hương.

Về công tác tổ chức cán bộ, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX nêu rõ: Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ; làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ; từ đó xác định: thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và các địa phương. Sau Đại hội, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 25/1/2002 về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý, nhấn mạnh: tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; làm tốt công tác luân chuyển theo quy hoạch để đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, coi đây là giải pháp quan trọng, một bước đột phá trong công tác cán bộ.

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Trung ương, từ thực tiễn địa phương, ngày 4/11/2002, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Đề án Đẩy mạnh quy hoạch cán bộ và thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX.

Đề án đặt ra mục tiêu về công tác quy hoạch cán bộ: “Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương luôn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn cán bộ kế cận, dự bị các chức danh lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực công tác, có bản lĩnh chính trị vững vàng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ở từng giai đoạn và yêu cầu xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ của đơn vị. Khắc phục có kết quả tình trạng bị động, lúng túng, gượng ép trong bố trí, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, nhất là cán bộ đứng đầu”.

Về thực hiện luân chuyển cán bộ các cấp trong tỉnh, Đề án nêu rõ: đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách cán bộ, nhất là những cán bộ trẻ, có triển vọng, giúp cán bộ trưởng thành nhanh hơn, toàn diện và vững vàng hơn, vừa có trình độ, kiến thức, vừa có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn; từng bước điều chỉnh, bố trí hợp lý, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tăng cường cán bộ cho những nơi có nhu cầu; khắc phục có kết quả tình trạng, tâm lý cục bộ, bản vị, khép kín trong bố trí, sử dụng cán bộ.

Cùng với chủ trương trên, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung củng cố, kiện toàn, sắp xếp bộ máy, cán bộ các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể. Tiến hành giải thể Ban Kinh tế Tỉnh ủy; sáp nhập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy vào Ban Tổ chức Tỉnh ủy; thành lập Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và các ban quản lý các lĩnh vực mới phù hợp với xu thế phát triển; chỉ đạo, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh từ 31 xuống còn 26 đầu mối, cấp huyện từ 10-13 phòng, ban xuống còn 9-11 phòng, ban chuyên môn. Với mục tiêu gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, trên cơ sở đề xuất của tỉnh, ngày 01/10/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 174/2004/NĐ-CP về việc thành lập huyện đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh Quảng Trị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhanh chóng chỉ đạo thành lập Đảng bộ huyện đảo, nâng tổng số tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy lên 15 Đảng bộ. Đồng thời chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ sung cán bộ và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình công tác, quy chế làm việc nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Toàn tỉnh tham gia thực hiện tốt công tác bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân ba cấp nhiệm kỳ 2004-2009, góp phần quan trọng vào công

tác xây dựng, kiện toàn bộ máy tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy thực hiện việc luân chuyển, củng cố, kiện toàn các chức danh lãnh đạo chủ chốt của tỉnh. Sau khi Ban Bí thư quyết định điều động đồng chí Võ Duy Chất - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy nhận công tác ở Ban Kinh tế Trung ương; Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Viết Nền, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy, kiêm Trưởng ban Tổ chức. Ngày 29/8/2003, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp phiên bất thường bầu đồng chí Nguyễn Viết Nền giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, tiếp tục kiêm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy<sup>1</sup>. Từ tháng 9/2003, đồng chí Nguyễn Minh Kỳ - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nghỉ chờ hưu; đồng chí Lê Hữu Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đến ngày 01/4/2004, đồng chí Lê Hữu Phúc được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh

---

1. Đến tháng 02/2004, đồng chí Nguyễn Viết Nền thôi kiêm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

khóa V, ngày 18/5/2004 bầu đồng chí Lê Hữu Phúc giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tháng 4/2004, đồng chí Trần Trung Dũng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh chuyển công tác, Bộ Công an điều động đồng chí Trần Văn Nhuận vào làm Giám đốc Công an tỉnh và được Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2000-2005.

Tháng 2/2005, đồng chí Vũ Trọng Kim - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được Bộ Chính trị điều động và chỉ định làm Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương. Sau khi được Bộ Chính trị đồng ý, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 20 ngày 26/2/2005 đã bầu đồng chí Nguyễn Viết Nên - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V, nhiệm kỳ 2004-2009 giữ chức Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2000-2005. Đồng chí Nguyễn Thị Thùy My - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thay đồng chí Vũ Trọng Kim.

Ngày 15/3/2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công và điều động đồng chí Thái Vĩnh Liệu - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Đông Hà làm Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy.

Đến cuối nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 43 đồng chí, Ban Thường vụ có 11 đồng chí.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác quy hoạch cán bộ đạt kết quả quan trọng. Trên cơ sở Thông tri số 03-TT/TU ngày 26/9/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; công tác quy hoạch cán bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở được thực hiện thống nhất, có hiệu lực và đi vào nền nếp, chặt chẽ, đầy đủ ba bước A1, A2, A3. Đồng thời, trong quy hoạch đã chú ý đến tính “động”, “mở”, chú ý cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

Chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2005-2010, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành công tác thẩm định, xét duyệt quy hoạch cán bộ cho 9 huyện, thị, 10 ban, ngành cấp tỉnh theo Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương gồm 428 đồng chí, đồng thời chú trọng công tác kiểm tra, chỉ đạo các cấp, các ngành, kiện toàn, bổ sung cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và luân chuyển, điều động cán bộ tại địa phương.

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện tốt đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nhân sự Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2004-2009 và chủ động hơn trong công tác nhân sự Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2005-2010. Vì vậy, các chức danh chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được bầu đều bảo đảm tiêu chuẩn, tín nhiệm cao, đa số thuộc diện đã quy hoạch, đồng thời bảo đảm nguyên tắc quản lý cán bộ của Đảng.

Năm 2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức tổng kết 9 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16/5/1994 của Ban Bí thư về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới. Thường vụ Tỉnh ủy khẳng định: Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư, các cấp ủy đảng đã có bước chuyển biến về nhận thức, đề ra giải pháp tích cực, sát thực tế nhằm giải quyết một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ. Công tác quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ bước đầu được coi trọng. Chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ nữ đi đào tạo, bồi dưỡng được chú ý. Việc bố trí, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ nữ được quan tâm, tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp, các ngành được nâng lên cả về số lượng và chất lượng.

Nhằm tăng cường giúp đỡ, xây dựng cơ sở vùng biên giới vững mạnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 06-QĐ/TU ngày 20/10/2003 tăng cường sĩ quan bộ đội biên phòng tỉnh về làm cán bộ

chủ chốt tại các xã biên giới thuộc hai huyện Đa Krông và Hướng Hóa. 17 sĩ quan biên phòng đã về giữ chức vụ Phó Bí thư hoặc Ủy viên trực cấp ủy xã. Chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ, nhân dân các địa phương, mang lại hiệu quả thiết thực, được Trung ương đánh giá cao.

Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Đề án Đẩy mạnh quy hoạch cán bộ và thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ được tiến hành tích cực và đồng bộ. Trong nhiệm kỳ, 344 cán bộ được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại, 32 cán bộ chủ chốt các ngành cấp tỉnh và cấp huyện được trưởng thành từ luân chuyển. Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện đều xây dựng đề án, kế hoạch cụ thể và tiến hành luân chuyển, tăng cường nhiều cán bộ cấp huyện về cơ sở hoặc luân chuyển trong cùng một cấp.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã bám sát phương châm *đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là khâu vừa cấp thiết, vừa cơ bản, lâu dài*. Từ đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm quy định của Trung ương, phù hợp với điều kiện của tỉnh cũng như từng

loại cán bộ. Trong nhiệm kỳ, đã có 523 đồng chí tốt nghiệp cử nhân hoặc cao cấp chính trị, hàng trăm cán bộ được đào tạo thạc sĩ, đại học chuyên ngành, hàng nghìn cán bộ được đào tạo trung cấp chính trị. Đội ngũ cán bộ trải qua hoạt động thực tiễn và qua đào tạo ngày càng trưởng thành, vững vàng trong cơ chế mới, góp phần nâng cao chất lượng công tác.

Việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngày càng đi vào nền nếp, có tác dụng thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo trong cán bộ, đảng viên, người lao động. Nhiều tập thể, cá nhân được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới và danh hiệu khen thưởng bậc cao.

Các cấp ủy đảng đã ban hành nhiều chủ trương, quy định cụ thể và triển khai thực hiện có kết quả chính sách cán bộ. Các chế độ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã nghỉ hưu, từ trần được thực hiện chu đáo, kịp thời, đúng quy định. Công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ ngày càng hiệu quả. Chính sách, chế độ hỗ trợ cán bộ đi học được các cấp ủy quan tâm, nhất là đối với cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

Các cấp ủy nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác

bảo vệ chính trị nội bộ. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về công tác bảo vệ chính trị nội bộ có bước đổi mới, coi trọng hơn về thái độ chính trị của cán bộ, đảng viên; tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch được nâng lên. Các cơ quan chức năng chủ động tham mưu các cấp ủy xây dựng kế hoạch, rà soát, thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ yêu cầu kết nạp đảng viên và quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đúng quy trình, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh.

Về công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng; ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 28/8/2001 về nâng cao chất lượng xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Ngày 1/11/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động số 22-CT/TU thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX ngày 18/3/2002 về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Nhờ đó, công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng chuyển biến tích cực.

Giữa năm 2005, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng gắn với sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và

nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Quá trình thực hiện chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, hầu hết các tổ chức cơ sở đảng nhận thức rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở theo quy định. Các cấp ủy đảng tích cực thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đổi mới phương thức lãnh đạo trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo, chăm lo đời sống nhân dân. Tập trung xây dựng, củng cố các chi, đảng bộ ở những địa bàn trọng yếu, những nơi có biểu hiện mất ổn định, khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân; làm tốt công tác quản lý, đào tạo cán bộ cho cơ sở, phát triển đảng viên mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

Đến cuối năm 2005, toàn tỉnh có 567 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 208 đảng bộ và 359 chi bộ cơ sở. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng được nâng lên, nhiều tổ chức cơ sở đảng khắc phục được yếu kém và từ khá vươn lên đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh. Trong 5 năm, đã giảm được 19 địa bàn dân cư thôn, bản không có đảng viên và tổ chức đảng. Thành lập tổ chức đảng trong nhiều doanh nghiệp tư nhân. Công tác

phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm có bước tiến bộ. Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phần lớn các cấp ủy cơ sở và cấp trên cơ sở đã tiến hành tự đánh giá và đánh giá nghiêm túc; có sự đổi mới cả nội dung và phương pháp; tính hình thức, bệnh thành tích có giảm, nhất là tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn.

Công tác đảng viên được chú trọng. Đại bộ phận đảng viên tích cực rèn luyện, giữ vững phẩm chất, đạo đức, có lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu hoàn thành nhiệm vụ. Chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ ngày càng chiếm tỷ lệ cao, số đảng viên hoàn thành nhiệm vụ và hạn chế một số mặt giảm dần.

Việc thực hiện Quy định 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú tại tỉnh có thuận lợi vì trước đó, năm 1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chủ trương giới thiệu đảng viên đang công tác tham gia sinh hoạt tại nơi cư trú. Sau một thời gian thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị cơ bản khắc phục tình trạng đảng viên,

cán bộ, công chức thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong chấp hành chủ trương của Trung ương, của địa phương và thiếu gương mẫu trong sinh hoạt. Việc thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW còn tăng cường mối quan hệ, trách nhiệm quản lý, giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức giữa nơi cư trú và đơn vị công tác. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Trong công tác phát triển đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quán triệt quan điểm: chú trọng cả về số lượng và chất lượng, những nơi chưa có đảng viên, nơi chưa đủ đảng viên lập chi bộ; phát triển đảng viên trong độ tuổi thanh niên, vùng nông thôn và đảng viên nữ. Nhờ đó, số lượng, cơ cấu, chất lượng đảng viên kết nạp trong 5 năm 2001-2005 tiến bộ đáng kể. Trong 5 năm kết nạp được 6.255 đảng viên, tăng 41% so với số đảng viên kết nạp nhiệm kỳ trước; có 2.622 đảng viên nữ, chiếm tỷ lệ 41,9%; 3.355 đảng viên trong độ tuổi thanh niên, đạt tỷ lệ 53,6%; có 445 đảng viên là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 7,1%. Đến tháng 9/2005, đảng viên toàn tỉnh là 25.129 đồng chí, tăng so với đầu nhiệm kỳ là 4.865 đồng chí.

Về công tác kiểm tra, giám sát, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII xác định: Tạo chuyển biến mới trong nhận thức về vai trò, vị trí công tác kiểm tra của Đảng. Tổ chức quán triệt và thực hiện tốt các

nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của các cấp ủy đảng về công tác kiểm tra.

Theo tinh thần đó, trong nhiệm kỳ, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng được tiến hành thường xuyên, đạt kết quả tốt, góp phần giữ gìn kỷ luật của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Cấp ủy đảng và Ủy ban kiểm tra các cấp đã coi trọng và tăng cường kiểm tra việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; đoàn kết nội bộ; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm và giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên và khiếu nại kỷ luật đảng được tăng cường.

Trong 5 năm 2001-2005, các cấp ủy trong tỉnh đã tổ chức 931 cuộc kiểm tra, trong đó cấp tỉnh 31 cuộc, các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc và cấp ủy cơ sở 900 cuộc. Nội dung kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; quốc phòng - an ninh; việc thực

hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

Qua các cuộc kiểm tra, các cấp ủy đảng đã đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm; đề ra nhiệm vụ, giải pháp tập trung khắc phục hạn chế, khuyết điểm. Đồng thời qua đó, các cấp ủy đảng đã tự đánh giá, rút kinh nghiệm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, đề nghị, bổ sung hoặc sửa đổi chủ trương, chính sách, giải pháp cho phù hợp với tình hình của địa phương, đơn vị.

Ngoài việc kiểm tra theo kế hoạch, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo và tiến hành kiểm tra, phúc tra các chuyên đề về lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện Quy định về 19 điều đảng viên không được làm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Kế hoạch 01, 02, 03, 04 của Ban Bí thư khóa IX và Kế hoạch số 240 của Ban Chỉ đạo Trung ương tại 15 tổ chức đảng và các ban, ngành liên quan; chỉ đạo giải quyết các trường hợp vi phạm, từng bước ổn định tình hình các địa phương, đơn vị, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Về công tác dân vận, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nêu rõ: Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng toàn diện công tác dân vận. Phát huy

quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân. củng cố mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thường xuyên sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình cơ sở, đề cao trách nhiệm giải quyết những vấn đề ở cơ sở đặt ra.

Quán triệt chủ trương đó, các cấp ủy đảng đã chú trọng hướng về cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, từng bước chăm lo lợi ích tinh thần và vật chất cho công nhân, nông dân, trí thức, người có công với nước, người lao động và các đối tượng khó khăn. Tập trung giải quyết vướng mắc, tồn đọng khiếu kiện trong dân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết liệt chỉ đạo việc ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, tham nhũng, tiêu cực trong một số cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Ngày 12/7/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức tổng kết thực hiện Nghị quyết 8B khóa VI về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị về công tác dân vận, Mặt trận, dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ đổi mới. Sau hơn 10 năm thực hiện, vận dụng các quan điểm chỉ

đạo của Đảng về công tác vận động quần chúng, công tác dân vận đã có sự đổi mới và phát triển cả về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Đến năm 2005, 138/138 xã, phường, thị trấn thành lập khối dân vận và ban hành quy chế hoạt động. Nhận thức về công tác dân vận được nâng lên. Quyền làm chủ của nhân dân từng bước được mở rộng và phát huy. Các phong trào thi đua yêu nước đã khơi dậy sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân, góp phần tạo nên những thành tựu có ý nghĩa chiến lược trong thời kỳ đổi mới. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Quan hệ giữa Đảng và nhân dân ngày càng gắn bó.

Sau hơn 5 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhận thức về dân chủ, tác dụng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo sự chuyển biến tích cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về ý thức, phong cách công tác và lề lối làm việc. Nhiều chủ trương, chính sách, chương trình công tác hàng năm đã tập trung phát triển kinh tế, đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, thực hiện chế độ cho người có công và các đối tượng xã hội. Dân chủ được tôn trọng, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy. Các

tầng lớp nhân dân phấn khởi, tự giác tham gia và hưởng ứng các chủ trương của tỉnh trên các mặt đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội, khơi dậy truyền thống tốt đẹp của quê hương, góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội, tăng cường tính tự quản trong cộng đồng dân cư, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hướng vào xây dựng một xã hội đồng thuận.

Ngày 26/9/2003, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Quán triệt chủ trương đúng đắn, xuyên suốt của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị chuyên đề trên nhiều lĩnh vực: phát triển kinh tế - xã hội miền tây, vùng biển và vùng cát; nghị quyết về phát triển du lịch, phát triển đô thị; công tác tổ chức cán bộ và luân chuyển cán bộ; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với Mặt trận và các tổ chức đoàn thể nhân dân; thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo trong tình hình mới... Từ đó, việc tổ chức triển khai các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX có nhiều thuận lợi

và đạt được kết quả. Cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ hơn về đường lối, quan điểm của Đảng đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân trong thời kỳ đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất trong các tầng lớp nhân dân, giữa dân với Đảng. Các chức sắc, tín đồ tôn giáo, đồng bào các dân tộc, đồng bào có đạo phấn khởi, thi đua lao động sản xuất, làm giàu cho gia đình và quê hương.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Kết luận số 04-CT/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX ngày 19/11/2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 28/01/2002 với 10 nhiệm vụ trọng tâm trước mắt để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Sau khi được nghiên cứu, quán triệt ở tỉnh, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy đều xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, chỉ đạo tổ chức 345 lớp nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Kết luận số 04 của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX và Chỉ thị số 10-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho gần 28.000 cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Từ đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, xác định rõ

nhiệm vụ, chú trọng giải quyết các vấn đề phát sinh ở cơ sở, tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Cấp ủy các cấp tập trung giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiện toàn Ban chỉ đạo Trung ương 6 của Tỉnh ủy, lãnh đạo thành lập và kiện toàn 72 Ban chỉ đạo Trung ương 6 ở các địa phương, đơn vị.

Những biểu hiện mất đoàn kết nội bộ đã được chỉ ra trong nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh khóa XII, đến nửa nhiệm kỳ khóa XIII càng trở nên nghiêm trọng. Biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, thiếu tin tưởng đồng chí thể hiện trước hết ở các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy, nội bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nhằm ổn định tình hình, Trung ương Đảng đã chỉ đạo tiến hành kiểm tra, chỉ rõ khuyết điểm của tập thể và các cá nhân. Qua kiểm điểm, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định kỷ luật đối với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng ban hành các Quyết định kỷ luật ba đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy. Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định điều động, bố trí công tác khác đối với một số đồng chí lãnh đạo tỉnh.

Với tinh thần trách nhiệm trong việc chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương và trước Đảng bộ, nhân dân

trong tỉnh, ngày 5/11/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 34-CTHD/TU về tiếp tục thực hiện Thông báo số 59-TB/TW ngày 08/4/2002 của Ban Bí thư; tổ chức thực hiện gắn với triển khai Kế hoạch số 26-KH/TU về kiểm điểm tự phê bình và phê bình giữa nhiệm kỳ đối với cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Để khắc phục khuyết điểm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đã đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong Đảng, phát huy trí tuệ tập thể, tạo bầu không khí đoàn kết, tin tưởng lẫn nhau. Các quy định, quy chế làm việc của cấp ủy, mối quan hệ trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành giữa tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể được bổ sung, hoàn thiện. Việc điều hành của Thường trực Tỉnh ủy chặt chẽ, tuân thủ quy chế hoạt động.

Trong quá trình thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phát huy chức năng kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể nhân dân nên kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót và hiện tượng tiêu cực ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương, chỉ đạo xử lý kịp thời. Lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác xây

dựng Đảng, hệ thống chính trị và công tác vận động quần chúng, đặc biệt coi trọng việc lãnh đạo thực hiện chính sách đại đoàn kết, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền dân chủ của nhân dân, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, phát huy vai trò quản lý, điều hành của chính quyền trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cơ bản khắc phục được những khuyết điểm, đặc biệt là khuyết điểm chưa nghiêm túc tổ chức thực hiện Thông báo số 59-TB/TW ngày 08/4/2002 của Ban Bí thư, từng bước ổn định tình hình chính trị, củng cố niềm tin trong nhân dân.

Thực hiện Hướng dẫn số 33-HD/BTCTW ngày 16/11/2004 của Ban Tổ chức Trung ương về kiểm điểm tự phê bình và phê bình năm 2004 đối với cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp gắn với kiểm điểm cuối nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 27/12/2004 để tổ chức thực hiện và gợi ý kiểm điểm ở 31 đơn vị, gồm 14 Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, 2 ban cán sự Đảng và tập thể lãnh đạo 15 sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

Quá trình tổ chức kiểm điểm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cá nhân các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm túc tự phê bình và phê bình; các tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đã đề cao tính chiến đấu, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác; ý kiến phê bình thẳng thắn, có tính xây dựng cao, khắc phục được hiện tượng nể nang, né tránh hoặc qua loa, hình thức. Nhờ vậy, những vấn đề vướng mắc trong quá trình công tác, trong quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, giữa cá nhân với cá nhân được làm rõ, tạo nên sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, khôi phục niềm tin trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, mang tính chiến đấu cao, đã làm chuyển biến căn bản về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo các cấp.

Qua thực tiễn, Đảng bộ tỉnh từng bước đổi mới về *phương thức lãnh đạo*: Đã khắc phục một bước tình trạng bao biện hoặc buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo; phối hợp chặt chẽ hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức 23 kỳ họp, ban hành 16 nghị quyết, 7 chương trình hành động, 4 kết luận. Các nghị quyết, chương trình hành động

được thảo luận kỹ, tập trung chỉ đạo thống nhất, hướng vào các mục tiêu cụ thể trên nhiều lĩnh vực, xây dựng các giải pháp khả thi, khẳng định được tính đúng đắn, từ đó đưa chủ trương của Đảng bộ tỉnh sớm đi vào cuộc sống.

## **2. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền**

Trong 5 năm 2000-2005, tổ chức và hoạt động của chính quyền các cấp và các cơ quan tư pháp ở địa phương được củng cố và tiến bộ một bước; dân chủ xã hội, kỷ cương pháp luật được tăng cường.

Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được củng cố, kiện toàn. Nhiệm kỳ 1999-2004, Hội đồng nhân dân tỉnh có 50 đại biểu, do đồng chí Nguyễn Thành - Tỉnh ủy viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ngày 25/4/2004 đã bầu 50 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Nguyễn Viết Nên - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, đưa các hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước đi vào nền nếp. Các cơ

quan quản lý nhà nước cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Đảng bộ các cấp bằng các chính sách, giải pháp cụ thể; thường xuyên giữ mối quan hệ công tác chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn I (2001-2005) đã đạt một số kết quả về cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Việc phân cấp thẩm quyền quản lý ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, cải cách thủ tục hành chính phát huy hiệu quả rõ rệt. Đặc biệt, việc thực hiện cơ chế “1 cửa” về giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành. Đã rà soát 1.187 văn bản ban hành giai đoạn 1989-2003, bãi bỏ 548 văn bản hết hiệu lực thi hành; đề nghị bổ sung, sửa đổi 588 văn bản.

Hội đồng nhân dân các cấp từng bước nâng cao chất lượng các kỳ họp. Cơ chế hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, ban hành các quyết định thông qua các kỳ họp và cơ chế quản lý, điều hành có sự tiến bộ. Trước các kỳ họp Hội đồng nhân dân, các đề án, dự

án liên quan đến lợi ích nhân dân đều được đưa ra lấy ý kiến đại diện cử tri hoặc nhân dân tham gia, thể hiện rõ vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Thường trực Tỉnh ủy đã tăng cường sự lãnh đạo đối với các cơ quan tư pháp, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ; chỉ đạo rà soát, giải quyết các vụ việc tồn đọng kéo dài; tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc; định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng công tác tư pháp.

Các cơ quan tư pháp địa phương tăng cường phối hợp hoạt động. Mỗi ngành xác định những việc làm cấp bách, thiết thực, phù hợp với tình hình và điều kiện địa phương, đề xuất chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được nâng lên.

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 06/3/2002 của Ban Bí thư về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay, cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến huyện, thị đã tăng cường kiểm tra giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, khắc phục tình trạng buông lỏng lãnh đạo hoặc can

thiệt không đúng vào thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan tư pháp. Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng định kỳ nghe lãnh đạo các cơ quan chức năng báo cáo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và các lĩnh vực có vụ việc nổi cộm, đưa ra hướng giải quyết sát hợp. Với những nỗ lực của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan chức năng, từ năm 2001 đến năm 2005, đã giải quyết 1.566/1.720 đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền các cấp, phần lớn đơn, thư được giải quyết từ cơ sở.

Quá trình thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư, cấp ủy đảng và chính quyền các địa phương đã nhận thức đầy đủ hơn vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nhiều đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được các cấp, các ngành xem xét, kết luận và xử lý kịp thời, có lý, có tình nên được quần chúng chấp nhận. Nhờ vậy, những mâu thuẫn và các tranh chấp trong dân, giữa dân với cơ quan nhà nước đã được giải quyết, góp phần ổn định tình hình, không để xảy ra “điểm nóng” trên địa bàn.

Cuộc bầu cử Quốc hội khoá XI ngày 19/5/2002, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 6 đại biểu trúng cử, trong đó 2 đại biểu do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu về ứng cử tại tỉnh và 4 đại biểu của địa phương.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tích cực tham gia vào công tác xây dựng pháp luật. Thực hiện Luật về hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003, trong ba năm 2003-2005, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tiến hành 11 cuộc giám sát trên nhiều lĩnh vực, từ đó, Đoàn đã kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ giải quyết các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội, giáo dục và các vấn đề quan trọng khác. Đoàn tổ chức tiếp dân mỗi tháng 2 lần, đã xử lý được 250 đơn khiếu nại, tố cáo của công dân. Công tác tiếp xúc cử tri được mở rộng đối tượng trên nhiều địa bàn với 176 cuộc, hơn 2 vạn cử tri tham dự. Thông qua các buổi tiếp xúc cử tri, Đoàn đã góp phần giải quyết nhiều ý kiến, tâm tư, nguyện vọng và yêu cầu bức xúc của nhân dân, tạo niềm tin của nhân dân với chính quyền.

### **3. Từng bước đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Về công tác Mặt trận, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nêu rõ: “Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phát huy dân chủ, làm tốt cầu nối giữa nhân dân với Đảng, vận động các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống đại đoàn

kết dân tộc, hưởng ứng tích cực các cuộc vận động và các phong trào thi đua yêu nước, vận động thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”. Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, trong 5 năm 2000-2005, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh đã đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Các chương trình, kế hoạch công tác đề ra đều có trọng tâm, trọng điểm, hướng về địa bàn dân cư. Năm 2005, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc có ở 10 huyện, thị xã và 138 xã, phường, thị trấn, 1.077 Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, khu phố. Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác Mặt trận các cấp trong tỉnh được nâng cao chất lượng và năng lực hoạt động.

Năm 2005, Ủy ban Mặt trận các cấp trong tỉnh tiến hành tổng kết 10 năm Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, biểu dương khu dân cư điển hình tiên tiến 5 năm 2001-2005. Cuộc vận động đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, quan tâm xây dựng kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa cộng đồng. Thông qua thực hiện hương ước, quy ước và phong trào “Ông, bà, cha, mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, các hoạt động tương thân tương ái, nhân đạo từ thiện, đã góp phần làm lành mạnh các quan

hệ xã hội, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Việc thực hiện Cuộc vận động đã góp phần củng cố, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể ở cơ sở.

Cùng với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Xóa đói, giảm nghèo”, ngày hội “Đại đoàn kết dân tộc” do Mặt trận chủ trì có nhiều nội dung cụ thể, thiết thực và hình thức đa dạng. Đặc biệt, phong trào vận động nhân dân đóng góp cho “Quỹ vì người nghèo” đã huy động được 14,3 tỷ đồng, trong đó có 5,1 tỷ đồng đóng góp từ tiền của, ngày công của bà con, họ tộc, làng xóm do Mặt trận vận động, 9,2 tỷ đồng được huy động từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các tổ chức quốc tế. Nhờ đó, đã hỗ trợ xây dựng 1.075 nhà đại đoàn kết, hỗ trợ sửa chữa 204 ngôi nhà và chi hàng trăm triệu đồng để cứu đói, hỗ trợ giống cây, con phát triển sản xuất, khám chữa bệnh, học hành cho những gia đình thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo trong toàn tỉnh. Hàng nghìn tổ an ninh nhân dân, tổ hòa giải đã phát huy vai trò tự quản của nhân dân ở khu dân cư, góp phần giữ vững an ninh trật tự thôn, xóm. Công tác vận động và phát huy vai trò của các già làng, trưởng tộc, các chức sắc tôn giáo có uy tín được quan tâm.

Phong trào thanh niên làm nghĩa vụ quân sự, xây dựng quỹ quốc phòng - an ninh, phong trào phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm trong thanh thiếu niên được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực. Các phong trào, các cuộc vận động đã góp phần xây dựng sự thống nhất chính trị và phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân, bồi dưỡng tình cảm, gắn kết cộng đồng trong các tầng lớp nhân dân.

Ủy ban Mặt trận các cấp tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát các hoạt động của cơ quan và đại biểu dân cử, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ chủ chốt do Hội đồng nhân dân xã bầu và trưởng thôn, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Ủy ban Mặt trận các cấp đã chủ động tham gia tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XI (nhiệm kỳ 2002- 2007), Hội đồng nhân dân 3 cấp (nhiệm kỳ 2004-2011). Chất lượng hiệp thương lựa chọn ứng cử viên Hội đồng nhân dân của Mặt trận các cấp được nâng lên. Các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đã thực sự trở thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, trở thành ngày

hội lớn của toàn dân nhằm xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh phát triển vững mạnh. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về công tác thanh niên trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời tạo điều kiện cho các cấp bộ đoàn trong tỉnh tổ chức tốt Cuộc vận động “Nâng cao chất lượng chi đoàn”; ngày 19/11/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 31-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với tổ chức cơ sở Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp có trách nhiệm đi sâu chỉ đạo, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động cơ sở đoàn, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hướng trọng tâm vào việc xây dựng chi đoàn vững mạnh. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Đoàn cho phù hợp

yêu cầu, nhiệm vụ đoàn kết tập hợp thanh niên trong thời kỳ mới. Định kỳ tổ chức sơ kết Cuộc vận động “Xây dựng chi đoàn chủ động công tác” và biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng chi đoàn.

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc tỉnh, với nhiệm vụ trọng tâm hướng về cơ sở, nâng cao chất lượng hoạt động ở cơ sở, công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi của tỉnh có những điểm mới. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục được triển khai tích cực, nhận thức chính trị và ý thức rèn luyện phẩm chất, lối sống của tuổi trẻ được nâng lên. Phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”, “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng” phát triển sâu rộng, phát huy mạnh mẽ tinh thần xung kích tình nguyện và thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh. Đoàn đã tổ chức đưa 52 trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở 13 xã miền núi đặc biệt khó khăn thuộc hai huyện Hướng Hóa và Đa Krông. Tổ chức đoàn các cấp đã tuyên truyền, vận động thanh niên tình nguyện ra xây dựng đảo thanh niên Côn Cỏ; xây dựng làng thanh niên lập nghiệp ở tây Vĩnh Linh; phối hợp xây dựng làng thanh niên ở biên giới; tổ chức

trồng rừng phòng hộ đường Hồ Chí Minh; phối hợp với các tổ chức phi chính phủ (NGO) hoạt động xã hội, nhân đạo, mang lại hiệu quả thiết thực.

Tổ chức đoàn các cấp thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể, các cấp ủy, chính quyền, tổ chức đoàn thường xuyên làm công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú để kết nạp Đảng. Tỉnh Đoàn tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức tổng kết công tác phát triển Đảng từ đoàn viên thanh niên 5 năm 1998-2003, trên cơ sở đó, đưa ra các giải pháp để vận động, đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên thanh niên phấn đấu vào Đảng bảo đảm chất lượng, nâng cao số lượng. Trong 5 năm 2000-2005, gần 3.000 đoàn viên thanh niên vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng, tăng 30% so với nhiệm kỳ trước.

Cùng với tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh đã phát huy được thế mạnh của tuổi trẻ, tổ chức nhiều phong trào văn hóa, thể thao thu hút hàng vạn thanh niên, học sinh, sinh viên tham gia. Các hoạt động tình nguyện thu hút hàng nghìn thanh niên giúp đồng bào vùng sâu, vùng xa xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường. Phối hợp với các ngành chức năng tổ chức giới thiệu việc làm

cho hàng trăm thanh niên; đứng ra tín chấp với ngân hàng cho hàng trăm thanh niên mới lập gia đình vay vốn phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống mới.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về định hướng xây dựng, hình thành huyện đảo Côn Cỏ, ngày 21/01/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND thành lập “Tổng đội Thanh niên xung phong xây dựng đảo Côn Cỏ” gồm 43 người. Việc xây dựng *đảo Thanh niên* Côn Cỏ là cơ sở và tiền đề cho sự thành lập huyện đảo về sau.

Cùng với quá trình đổi mới và phát triển của quê hương, phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh được khẳng định, có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương.

Các cấp hội luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đề ra để không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp nêu cao vai trò đoàn kết, phát huy phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu bình đẳng giới, không ngừng chăm lo bồi dưỡng nâng cao kiến thức mọi mặt của phụ nữ; bảo vệ quyền và lợi ích chính

đáng của phụ nữ, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Trong chỉ đạo cơ sở, Hội chọn nội dung trọng tâm, trọng điểm, vùng khó để đầu tư, hỗ trợ cụ thể, thiết thực. Các phong trào thi đua, hoạt động của Hội với nhiều hình thức phong phú, thiết thực, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng cơ bản của các đối tượng phụ nữ, vì vậy đã tạo được phong trào hành động cách mạng sôi nổi, rộng khắp trên các vùng, miền. Trong đó, phong trào “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước giàu mạnh”; “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc” được hội viên hưởng ứng rất tích cực. Phụ nữ các địa phương hăng hái tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”. Đến năm 2005, bằng sự đóng góp của chị em đã có 41 nhà tình nghĩa được trao tặng cho các mẹ, vợ liệt sĩ có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 500 triệu đồng; tặng 28 sổ tiết kiệm và hàng trăm áo lụa tặng mẹ, giúp đỡ hàng nghìn ngày công cho các gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Nhận rõ vai trò quan trọng của lực lượng phụ nữ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp

tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ; đi sâu giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về vai trò của phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong đời sống xã hội. Phát hiện, tìm nguồn, giới thiệu những cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia các vị trí chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở. Đề ra chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ; đồng thời chỉ đạo Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể tăng cường đào tạo cán bộ nữ bằng nhiều hình thức để giúp chị em nâng cao trình độ.

Trong hệ thống tổ chức hội, cán bộ có trình độ đại học và tương đương ở cấp tỉnh là 78,6%, cấp huyện là 58,8%; chị em trẻ tuổi chiếm tỷ lệ lớn, có năng lực và tinh thần phấn đấu vươn lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Công tác kết nạp đảng viên mới trong lực lượng phụ nữ được quan tâm, số lượng và chất lượng đảng viên nữ tăng nhanh.

Hoạt động Công đoàn các cấp có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, tạo động lực thúc đẩy phong trào cách mạng, chăm lo bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động. Công đoàn đã phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, giáo dục công nhân, viên chức, người lao động, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, tham gia quản lý

kinh tế - xã hội. Nhiều phong trào thi đua do công đoàn phát động, nổi bật là phong trào “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo”, “Thi đua học tập nâng cao trình độ trong công nhân, viên chức”... đã góp phần tích cực vào quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải tiến kỹ thuật công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, sản xuất kinh doanh.

Hưởng ứng chương trình xây dựng 300 nhà tình nghĩa của tỉnh nhân kỷ niệm 30 năm Ngày giải phóng Quảng Trị (2002), các cấp công đoàn đã vận động, kêu gọi các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và công nhân, viên chức, người lao động ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa 300 triệu đồng, ủng hộ xây tặng 133 nhà tình nghĩa trị giá 2 tỷ đồng. Cán bộ, công nhân, viên chức toàn tỉnh quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lụt gần 200 triệu đồng, ủng hộ “Quỹ vì người nghèo” gần 1 tỷ đồng. Các cấp công đoàn tích cực triển khai thực hiện Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan và Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13/02/1999 về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước. Liên đoàn lao động tỉnh duy trì việc thực hiện quy chế phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, để thực hiện trách nhiệm của mỗi bên trong việc chăm lo đời sống, việc làm, thực hiện chế độ, chính sách cho công nhân, viên chức, lao động.

Thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 28/4/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp dân lập và công đoàn xã, phường, thị trấn; đến cuối năm 2005, toàn tỉnh đã tập hợp được 35 tổ chức công đoàn ở 35 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, đạt 32%, số lượng đoàn viên là 1.262, đạt 39%; số công đoàn xã, phường, thị trấn đã tập hợp là 11, đạt tỷ lệ 8%. Vị thế của tổ chức công đoàn ngày càng được nâng cao, thu hút đông đảo công nhân, viên chức, lao động tham gia hoạt động, góp phần quan trọng thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Tỉnh ủy ban hành chương trình hành động, nêu rõ: “Lực lượng nông dân trong tỉnh chiếm 78% dân số, với 70% lực lượng lao động xã hội, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất hàng hóa. Mặt khác, nông dân đang đứng trước những khó khăn thách thức, hộ đói nghèo còn cao, thời gian lao động nhàn rỗi còn nhiều, mức hưởng thụ

các dịch vụ và phúc lợi xã hội còn thấp”. Từ đó, cùng với các chủ trương, giải pháp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân, Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ của Hội Nông dân các cấp là: “Phát huy vai trò của Hội Nông dân làm trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên đi sâu củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức hội cơ sở, thu hút đông đảo nông dân vào tổ chức hội. Tuyên truyền vận động phong trào thi đua phát triển kinh tế, xây dựng đời sống - văn hóa. Phát huy tinh thần tương thân, tương ái giúp nhau trong sản xuất, xóa đói, giảm nghèo”.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Đảng bộ tỉnh, Hội Nông dân các cấp có nhiều hoạt động đa dạng, đạt được hiệu quả thiết thực. Hội đã tổ chức lồng ghép các dự án, chương trình, phong trào hoạt động thu hút, tập hợp đông đảo hội viên. Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh, dịch vụ giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng phát triển mạnh mẽ. Phong trào đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, tạo công ăn việc làm, giúp người dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Các vùng tập trung chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa từng bước hình

thành, tạo tiền đề cho ngành công nghiệp chế biến phát triển và xây dựng nông thôn mới.

Hội đã thể hiện vai trò nòng cốt trong việc vận động hội viên thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong việc chuyển đổi các loại hình hợp tác xã, tạo điều kiện cho hộ kinh tế gia đình phát triển, nhất là nông dân nghèo vươn lên xóa đói, giảm nghèo bền vững; tham gia tích cực chủ trương của tỉnh về dồn điền đổi thửa đối với đất nông nghiệp. Phong trào tương trợ, hợp tác, cần kiệm xây dựng nông thôn mới có chuyển biến tích cực. Hội vận động hội viên giúp nhau hàng chục vạn ngày công, hàng trăm triệu đồng và hàng chục tấn giống các loại, góp phần ổn định cuộc sống cho nhiều hộ nông dân.

Phong trào nông dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới được các cấp hội tuyên truyền, vận động gắn với thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”. Việc tham gia xây dựng hương ước, quy ước về làng, bản, khu phố, gia đình văn hóa; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị về việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc

tang, lễ hội, được nhân dân hưởng ứng tích cực. Phong trào vận động nông dân thực hiện chính sách hậu phương quân đội, thực hiện các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ... được đông đảo nông dân tham gia. Tuy đời sống còn nhiều khó khăn, nhưng bà con vẫn tự nguyện san sẻ, đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, tặng sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách với số tiền hàng trăm triệu đồng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển khắp các địa bàn nông thôn, là sân chơi bổ ích cho nông dân và tạo nên cuộc sống vui tươi lành mạnh trên địa bàn nông thôn.

Việc vận động nông dân tham gia thực hiện chương trình quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, tổ chức tập huấn, truyền thông và xây dựng câu lạc bộ nông dân trong độ tuổi sinh đẻ không sinh con thứ 3 đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp hội và hội viên. Hội đã thường xuyên phối hợp các ngành liên quan thực hiện công tác phổ cập giáo dục, chăm lo công tác khuyến học, chăm sóc sức khỏe ban đầu, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống thiên tai, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ,

chăm lo bảo vệ môi trường ở nông thôn. Hội viên nông dân là lực lượng đi đầu tham gia phong trào khuyến học, khuyến tài, vận động con em trong độ tuổi đến trường. Đến cuối năm 2005, 724/1.115 chi hội, với 41.723 hội viên nông dân ký cam kết “Gia đình không có người vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội”.

Các cấp hội đã tích cực vận động nông dân đoàn kết, tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn: trường cao tầng, trạm xá, nhà văn hóa cộng đồng, hệ thống giao thông, thủy lợi, mạng lưới điện nông thôn. Diện mạo nông thôn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc miền núi đã có những cải thiện đáng kể.

Các cấp hội đã tuyên truyền, vận động nông dân tham gia chuyển đổi 363 hợp tác xã trên lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, vận tải, dịch vụ thương mại, điện và kinh doanh tổng hợp với 253.000 xã viên, trong đó 80% là hội viên nông dân. Hoạt động kinh tế hợp tác xã đã hỗ trợ, tạo điều kiện cho hộ gia đình phát triển kinh tế, giải quyết khó khăn về giống, phân bón, kỹ thuật, thời vụ sản xuất, thủy lợi, cơ cấu cây trồng, vật nuôi... Từng bước khẳng định hợp tác xã có vai trò, vị trí quan trọng, có tác dụng thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

*Hội Cựu chiến binh* thực sự là “lực lượng tin cậy của Đảng và hệ thống chính trị trong lĩnh vực tuyên truyền và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”<sup>1</sup>. Hội đã hướng hoạt động vào các phong trào thi đua hành động cách mạng của địa phương, cơ sở, nhất là phong trào phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo vốn giúp nhau sản xuất, xóa đói, giảm nghèo. Ngày càng có nhiều mô hình kinh tế tiêu biểu cho phong trào sản xuất, kinh doanh của hội viên cựu chiến binh với 40 doanh nghiệp, 9 hợp tác xã, 55 tổ hợp tác, quy mô từ vài trăm triệu đồng đến hàng chục tỷ đồng và hàng nghìn hộ sản xuất kinh doanh giỏi, 462 trang trại.

Hội là lực lượng đi đầu tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và các nhóm, tổ an ninh nhân dân; cụm tuyến an toàn, làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh Tổ quốc, giáo dục

---

1. Tỉnh ủy Quảng Trị: *Chương trình hành động số 36-CTHĐ/TU*, ngày 5/11/2003 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

thế hệ trẻ. Thông qua các ngày lễ lớn của đất nước, quê hương, Hội đã tổ chức 391 buổi nói chuyện truyền thống, lịch sử cách mạng cho 150.480 người; bồi dưỡng 1.160 đoàn viên ưu tú để Đoàn giới thiệu kết nạp Đảng; tham gia với Đoàn Thanh niên tổ chức kết nạp đoàn viên mới, củng cố chi đoàn yếu, bồi dưỡng cán bộ Đoàn cho Đảng.

Bên cạnh việc tăng cường công tác lãnh đạo nâng cao vị trí, vai trò của tổ chức Mặt trận và các đoàn thể, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai thành lập thêm các tổ chức hội quần chúng: liên hiệp hội, câu lạc bộ, ban liên lạc... Đến năm 2005, toàn tỉnh có 31 hội hoạt động với 276.651 hội viên. Các tổ chức hội có tên gọi, mục đích, tôn chỉ khác nhau nhưng với tinh thần “tự nguyện, tự quản”, các hội đều chủ động hoạt động theo pháp luật, khắc phục khó khăn, khai thác lợi thế của tổ chức trên từng lĩnh vực, phát huy sáng tạo của hội viên tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giúp nhau trong khó khăn, hoạn nạn, góp phần quan trọng vào sự đi lên của quê hương. Hội Người cao tuổi tiếp tục phát huy phong trào “Tuổi cao chí khí càng cao, nêu gương sáng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; tích cực sưu tầm, bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa bản, làng; giúp đỡ, động viên con cháu xây dựng đời sống ở khu dân cư.

Hội Chữ thập đỏ, Hội Người mù, Hội Từ thiện tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, nhà hảo tâm trong và ngoài nước giúp đỡ người nghèo, người tàn tật học chữ, học nghề, phát triển sản xuất vượt qua đói nghèo hòa nhập cộng đồng; trợ giúp những địa phương, những vùng gặp thiên tai hoạn nạn. Hội Khuyến học tuy mới thành lập nhưng đã phát triển hội viên trên địa bàn toàn tỉnh; tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện ba phong trào: gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học và cộng đồng khuyến học, huy động được 27 tỷ đồng vào Quỹ Khuyến học, giúp hàng nghìn học sinh vượt khó, hăng say học tập.

Tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong toàn tỉnh trong nhiệm kỳ 5 năm 2000-2005 từng bước được củng cố, kiện toàn, năng lực lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị nâng lên rõ rệt.

Kết thúc nhiệm kỳ 5 năm 2000-2005, Quảng Trị đạt được những thành tựu quan trọng là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm, giúp đỡ của các bộ, ban, ngành Trung ương và các địa phương; những kinh nghiệm và kết quả của thời kỳ trước; sự vận dụng đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước vào thực tiễn địa phương của các cấp ủy đảng, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và nhân dân toàn tỉnh, đã nêu cao ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực, tận dụng tiềm năng lợi thế, khắc phục khó khăn thách thức để đi lên.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, tỉnh Quảng Trị vẫn còn những yếu kém, khuyết điểm:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng phát triển. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp. Nông nghiệp chủ yếu là sản xuất lương thực. Ngành thủy sản chưa khai thác tốt hệ thống kết cấu hạ tầng dịch vụ đã đầu tư. Ngành công nghiệp của tỉnh phát triển chậm. Hoạt động du lịch ở dạng sơ khai, tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu kinh tế thấp. Thu ngân sách trên địa bàn còn thấp, ảnh hưởng lớn đến tích lũy nội bộ nền kinh tế và đầu tư phát triển. Đầu tư xây dựng cơ bản vẫn thiếu tập trung. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị còn nhiều yếu kém. Việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tiến hành chưa thật sự kiên quyết và mạnh mẽ. Các vùng kinh

tế trọng điểm có nhiều tiềm năng nhưng chưa được đầu tư khai thác hiệu quả.

Chất lượng giáo dục - đào tạo chưa đồng đều, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập, cơ chế quản lý còn lúng túng. Chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân chưa cao. Các thiết chế văn hoá chưa hoàn chỉnh và thiếu đồng bộ. Chất lượng đơn vị văn hoá ở một số địa phương, đơn vị chưa cao. Hoạt động khoa học và công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng lao động thấp, chưa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu lao động và yêu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn còn khá lớn. Kết cấu hạ tầng vùng nghèo, xã nghèo tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ. Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực văn hoá - xã hội có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ. Thu nhập bình quân đầu người thấp, tỷ lệ hộ nghèo ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa còn cao. Tình hình tội phạm và một số tệ nạn xã hội vẫn còn gây bức xúc cho xã hội, tai nạn giao thông giảm chậm.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có

nơi, có lúc còn chậm trễ, phương pháp truyền đạt thiếu sức thuyết phục, hiệu quả chưa cao. Tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của từng tổ chức, của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa được khơi dậy mạnh mẽ. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ trong lãnh đạo tỉnh và một số địa phương, đơn vị kéo dài chậm được giải quyết dứt điểm đã ảnh hưởng đến uy tín của Đảng bộ, làm giảm lòng tin của nhân dân<sup>1</sup>. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa được quan tâm đúng mức, bố trí sử dụng cán bộ có một số khuyết điểm. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ còn nhiều hạn chế, hổng hụt. Đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh phần lớn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới. Năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu, một số nơi chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Vẫn còn 79 thôn, bản chưa có đảng viên, 29 thôn, bản chưa có tổ chức đảng<sup>2</sup>.

Hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền các cấp trong tỉnh có mặt còn bất cập, cải cách thủ tục hành chính còn chậm. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, các hội quần chúng một số nơi

còn thụ động, mang tính hình thức, hành chính, hiệu quả thấp.

Năm năm đầu thế kỷ XXI, hơn 15 năm tái lập tỉnh, Quảng Trị cùng cả nước trải qua 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tuy vẫn còn là một tỉnh nghèo nhưng so với trước thời điểm thực hiện đổi mới và ngày đầu lập lại tỉnh, đã có sự thay đổi to lớn và toàn diện. Những thành tựu đạt được có ý nghĩa quan trọng cả trước mắt cũng như lâu dài, tạo đà, tạo thế để tỉnh Quảng Trị phát triển, mở ra triển vọng và khả năng hội nhập kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

---

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV* (nhiệm kỳ 2005-2010), tr.49.

2. Số liệu tháng 5/2005.

## **Chương II**

### **TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT, VƯỢT LÊN THÁCH THỨC, LÃNH ĐẠO QUẢNG TRỊ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG (2005-2010)**

#### **I. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2005-2010**

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của Trung ương Đảng về việc tổ chức Đại hội các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005, tại thành phố Đông Hà, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XIV được tổ chức. 300 đại biểu thay mặt cho hơn 25.000 đảng viên của Đảng bộ về dự Đại hội. Đồng chí Trần Đình Hoan - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương thay mặt Bộ Chính trị dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần *tăng cường đoàn kết, chủ động sáng tạo, khai thác tiềm năng, vượt lên thách thức, phấn đấu đưa Quảng Trị phát triển toàn diện, bền vững*, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010 đã nghiêm túc đánh giá những thành tựu, hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2000-2005; ra nghị quyết về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2005-2010; đánh giá kết quả thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; đánh giá kết quả 20 năm Quảng Trị thực hiện đường lối đổi mới; thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp và các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2005-2010; bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2000-2005, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2005-2010 là: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ, toàn diện, vững chắc trên tất cả các lĩnh vực. Tập trung huy động mọi nguồn lực cho

đầu tư phát triển nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội; giữ vững quốc phòng - an ninh; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; vai trò hoạt động và giám sát của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phấn đấu đưa Quảng Trị thoát khỏi nhóm tỉnh nghèo của cả nước.

- Quan điểm, tư tưởng chỉ đạo: Phát triển nhanh gắn với bảo đảm tính hiệu quả và bền vững trên cơ sở xác định vùng kinh tế động lực, khâu đột phá, ngành kinh tế mũi nhọn. Đầu tư phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ xã hội, tạo dựng tiền đề cho bước phát triển nhanh vào thời kỳ sau năm 2010.

Các chỉ tiêu chủ yếu được Đại hội thống nhất:

- Bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục, bình quân 5 năm đạt 11-12%/năm.

- Đến năm 2010 cơ cấu kinh tế của tỉnh: thương mại - du lịch - dịch vụ chiếm tỷ trọng 38-40%; công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 33-35%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 25-27%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt trên 10 triệu VNĐ (khoảng 620-650 USD), tăng gấp 2 lần so với năm 2005.

- Tốc độ tăng thu ngân sách nội địa bình quân 14-15%/năm; phấn đấu năm 2010 thu ngân sách trên địa bàn đạt 550-600 tỷ đồng.

- Tỷ lệ hộ đói nghèo đến năm 2010 giảm còn dưới 15%.

- Tạo việc làm mới cho 7.500-8.000 lao động/năm.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu nêu trên, Đại hội thống nhất đưa ra các định hướng lớn có tính đột phá, đó là:

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa là cơ sở, nền tảng của nền kinh tế. Tập trung chỉ đạo đầu tư phát triển toàn diện, đồng bộ trên cả 3 vùng, trong đó đặc biệt chú trọng đầu tư khai thác chiều sâu, đa dạng hóa cây con, chuyên canh, thâm canh, nhằm không ngừng nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, coi đó là thước đo phát triển kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp.

- Phát triển công nghiệp - xây dựng là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên số một của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo động lực quan trọng và cơ bản cho chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế của tỉnh.

- Thương mại - du lịch - dịch vụ giữ vị trí quan trọng, phấn đấu sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tạo bước đột phá cho thời kỳ sau năm 2010.

- Xây dựng môi trường, lối sống, đời sống văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy bản chất truyền thống quý báu của con người Quảng Trị, tạo nên tảng tinh thần và động lực mới thúc đẩy sự nghiệp phát triển quê hương, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

- Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị xã hội.

- củng cố, mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác trong khu vực và thế giới; chủ động và tích cực đưa quan hệ hợp tác và phát triển với các nước, các tỉnh trên hành lang kinh tế Đông - Tây lên một tầm cao mới, đạt mục tiêu và hiệu quả thiết thực.

- Giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực điều hành, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

- Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đổi mới hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng; nâng cao chất lượng, hiệu quả Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tại Đại hội, các đại biểu đã nghe báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2000-2005, kết quả thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình. Báo cáo đã nêu bật được ưu điểm và những hạn chế, yếu kém; nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, yếu kém. Một số biện pháp khắc phục hạn chế, yếu kém được chỉ rõ, làm cơ sở cho Ban Chấp hành khóa mới nghiên cứu, bổ sung, thực hiện nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 2005-2010.

Với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị khóa XIV, nhiệm kỳ 2005-2010 gồm 49 ủy viên, đại diện cho trí tuệ, phẩm chất và năng lực, với cơ cấu hợp lý, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, được Đảng bộ và nhân dân tín nhiệm<sup>1</sup>; bầu 10 đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khóa mới.

---

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã bầu một lần đủ 49 cấp ủy viên, tăng 02 đồng chí so với khóa trước. Trong đó, có 33 đồng chí tái cử cấp ủy khóa mới, chiếm 67,3%; bầu mới là 16 đồng chí, chiếm 32,7%. 04 đồng chí là nữ, chiếm 8,16%, giảm 0,35% so với khóa XIII. 02 đồng chí là người dân tộc thiểu số, chiếm 4,08%, giảm 0,35% so với khóa XIII; tuổi đời bình quân là 50,61 tuổi, tăng 1,81 tuổi so với khóa XIII. Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIV được bầu gồm 13 đồng chí, tuổi đời bình quân là 49,38 tuổi, trẻ hơn nhiệm kỳ trước là 1,62 tuổi.

Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: Nguyễn Viết Nền, Thái Vĩnh Liệu, Lê Hữu Phúc, Phạm Đức Châu, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Đức Cường, Nguyễn Văn Hùng, Trần Văn Huỳnh, Nguyễn Chí Hướng, Trần Văn Nhuận, Lương Trung Thông, Mai Thúc và Trương Ngọc Ứng. Đồng chí Nguyễn Viết Nền tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Thái Vĩnh Liệu và đồng chí Lê Hữu Phúc được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Thái Vĩnh Liệu được phân công làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Lê Hữu Phúc - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng gồm 12 đồng chí chính thức và 2 đồng chí dự khuyết.

Trong 4 ngày làm việc nghiêm túc, khẩn trương với tinh thần dân chủ, tập trung trí tuệ và tinh thần trách nhiệm, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã diễn ra thành công tốt đẹp. Đây là sự kiện có ý nghĩa chính trị hết sức quan trọng, đáp ứng ý chí và nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân toàn tỉnh. Kết quả Đại hội đã thể hiện sức mạnh to lớn, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, tạo niềm tin và động lực mới, cổ vũ toàn dân tiếp

tục phát huy truyền thống cách mạng, vượt qua khó khăn, thử thách, đưa Quảng Trị tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ ngày 18 đến ngày 25/4/2006, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội với sự tham gia của 1.176 đại biểu thay mặt cho 3,1 triệu đảng viên trong toàn quốc. Với chủ đề: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”*<sup>1</sup>; Đại hội đã tiến hành kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, nhiệm vụ phát triển kinh tế 5 năm (2001-2005), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) và tổng kết 20 năm đổi mới; đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu cơ quan lãnh đạo của Đảng khóa X. Với tinh thần thẳng thắn, đánh giá khách quan tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế, Đại hội X đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006-2010) với mục tiêu tổng quát là: “Đẩy

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.12.

nhANH tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế<sup>1</sup>.

Tại Đại hội X của Đảng, đồng chí Lê Hữu Phúc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Thắng lợi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X là nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn; thực hiện tốt mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.185-186.

Để đưa những nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đi vào cuộc sống, cấp ủy đảng các cấp đã tổ chức nhiều hội nghị triển khai quán triệt và thực hiện Nghị quyết theo tinh thần Chỉ thị số 02 ngày 15/02/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010. Những khó khăn, vướng mắc đưa ra từ trước Đại hội được giải đáp và có giải pháp khắc phục, tạo được sự đồng thuận từ quần chúng đến các cấp chính quyền, từ đảng viên đến các cấp ủy.

Từ đầu năm 2006, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy đảng các cấp tập trung xây dựng chương trình hành động cho toàn khóa và từng năm, hướng tới mục tiêu đưa Quảng Trị phát triển toàn diện, bền vững.

## II. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH

### 1. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ

trọng tâm. Những năm 2005-2010, Đảng chủ trương tiếp tục hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng của nước đang phát triển có thu nhập thấp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị tập trung lãnh đạo nhân dân chủ động khắc phục những khó khăn, tận dụng thời cơ, phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh vốn có. Nhờ đó, nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng GDP khá cao, năm 2006 tăng 11,53% và năm 2007 tăng 11,2%. Tuy vậy, cuối năm 2007 và những tháng đầu năm 2008, do nhiều yếu tố bất lợi như khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; lạm phát tăng cao, thời tiết diễn biến không thuận lợi, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, đầu tư và thu hút đầu tư giảm sút nên đã hạn chế khả năng tăng trưởng kinh tế. Trước tình

hình đó, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 17/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều hành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và chi tiêu ngân sách năm 2008 phục vụ mục tiêu kiềm chế lạm phát, Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, tập trung vào những giải pháp chủ yếu như: hỗ trợ lãi suất tín dụng, miễn giảm thuế, khuyến khích xuất khẩu và phát triển thị trường nội địa; kích cầu đầu tư và tiêu dùng; khắc phục hậu quả thiên tai và dịch bệnh; điều hành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và chi tiêu ngân sách nhà nước hướng vào mục tiêu kiềm chế lạm phát. Nhờ vậy, tốc độ tăng trưởng GDP tăng 10,3% vào năm 2008 và 9,1% vào năm 2009.

Năm 2010, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới tuy đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất nhưng sự phục hồi chưa vững chắc, tiếp tục tác động tiêu cực, xuất hiện một số yếu tố mới gây mất ổn định kinh tế vĩ mô, chậm đà phục hồi tăng trưởng. Bên cạnh đó, tình hình giá cả tăng nhanh ở một số mặt hàng thiết yếu; dịch bệnh, nhất là bệnh lùn sọc đen hại lúa và tình trạng tiết giảm điện

thường xuyên với tần suất lớn đã ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, khẩn trương, có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 06/4/2010 của Chính phủ về những giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, không để lạm phát cao và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% trong năm 2010. Kết quả, tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh năm 2010 đạt 10,3%.

Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2006-2010 trung bình là 8,5%/năm tuy chưa đạt mục tiêu đề ra nhưng có cao hơn hoặc tương đương các giai đoạn trước<sup>1</sup>. Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2010 đạt 3.011 tỷ đồng, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2005. Tăng trưởng của các ngành kinh tế đã có nhiều chuyển biến khá tích cực.

*Về nông nghiệp:* để tạo bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế toàn diện, vững chắc, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV chỉ rõ: “Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa là cơ

---

1. Bình quân giai đoạn 1991-1995 tăng 6,2%/năm, giai đoạn 1996-2000 tăng 8,5%/năm, giai đoạn 2001-2005 tăng 8,7%/năm.

sở, nền tảng của nền kinh tế. Tập trung chỉ đạo đầu tư phát triển toàn diện, đồng bộ trên cả 3 vùng, trong đó đặc biệt chú trọng đầu tư khai thác chiều sâu, đa dạng hóa cây con, chuyên canh, thâm canh, nhằm không ngừng nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, coi đó là thước đo phát triển kinh tế trong nông - lâm - ngư nghiệp”. Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 72-CTHD/TU ngày 31/12/2008 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tiếp tục nhấn mạnh: “Xây dựng nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài”. Chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ tạo sự chuyển biến mới trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thông qua các chính sách kích cầu và những giải pháp phù hợp được ban hành, các huyện, thị xã đã tập trung chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng cây trồng, vật nuôi, gắn với công nghiệp chế biến và ngành nghề dịch vụ ở nông thôn theo chương trình “Mỗi làng một

nghe”. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh, tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác được chú trọng. Vùng trọng điểm sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao tập trung ở các huyện Triệu Phong, Hải Lăng và Vĩnh Linh. Vùng trồng sản nguyên liệu có ở Hướng Hóa, Cam Lộ, Hải Lăng. Thị xã Đông Hà phát triển vùng chuyên canh trồng rau, hoa. Các huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng phát triển vùng chuyên canh rau, đậu, thực phẩm. Vùng trồng cây công nghiệp dài ngày tiếp tục phát triển ở các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Hướng Hóa, Cam Lộ. Chuyển đổi những diện tích trồng lúa có năng suất thấp sang trồng các loại cây nông nghiệp ngắn ngày, phát triển các loại rau, quả. Các địa phương đã đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, gắn với việc đẩy mạnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; rà soát quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển cho các ngành kinh tế theo hướng tập trung, sản xuất hàng hóa.

Cơ cấu sản xuất được chuyển đổi theo hướng đẩy mạnh khai thác tiềm năng, lợi thế của từng vùng; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh, chuyên canh, hình thành các vùng nguyên

liệu gắn với công nghiệp chế biến. Nhờ triển khai các giải pháp đồng bộ, nên sản lượng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao tăng nhanh: sản lượng cao su tăng bình quân 15,2%/năm, hồ tiêu tăng 8,4%/năm, cà phê tăng 0,9%/năm, lạc tăng 4,2%/năm. Sản lượng lương thực có hạt năm 2010 đạt 22,4 vạn tấn. Diện tích trồng mới cây công nghiệp dài ngày năm 2010 là 1.748,6/1.010 ha, đạt 173,1% kế hoạch, trong đó cao su là 1.541/800 ha, cà phê là 159/150 ha, hồ tiêu là 48,6/60 ha. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 3.655 ha cà phê với sản lượng 5.579 tấn, 9.107 ha cao su với sản lượng 14.429 tấn và 1.781 ha hồ tiêu với sản lượng 1.691 tấn. Đặc biệt, cây cao su đã mang lại nguồn thu nhập lớn, góp phần giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu; các xã vùng biển, vùng cát trong chuyển đổi đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất cho thu nhập 50 triệu đồng/ha như ở Hải Lăng, Vĩnh Linh. Tiếp tục khai thác thế mạnh vùng cát, các làng sinh thái được thành lập ở Triệu Phong, Hải Lăng, bước đầu nhiều hộ có thu nhập từ 10-15 triệu đồng/ha/năm, một số hộ phát triển kinh tế theo mô hình trang trại có thu nhập 50-70 triệu đồng/hộ/năm.

Ngành chăn nuôi tiếp tục được đầu tư phát triển cả về vốn, kỹ thuật, con giống theo định hướng: "Phát triển ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng

hóa, đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng trong tỉnh, tham gia thị trường chung trong nước và từng bước tiến tới tham gia xuất khẩu”<sup>1</sup>. Triển khai nhiệm vụ, ngành nông nghiệp tập trung đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong chăn nuôi; chú trọng tìm kiếm, chọn lựa giống mới nhằm nâng cao sản lượng; học tập kinh nghiệm, triển khai các mô hình chăn nuôi mới có hiệu quả; chú trọng thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Để bảo đảm nguồn thức ăn cho vật nuôi, cùng với việc tận dụng những cánh đồng cỏ tự nhiên, nhiều địa phương đã tiếp cận kỹ thuật trồng các giống cỏ mới có năng suất cao.

Chăn nuôi lợn được triển khai theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp. Giống vịt siêu trứng, siêu thịt được nông dân chọn lựa thay thế đã phát triển ở các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong và Hải Lăng. Đến năm 2010, tổng đàn gia súc, gia cầm tăng cả về số lượng và chất lượng, bình quân tăng 4,5%/năm trong giai đoạn 2006-2010. Các mô hình trang trại chăn nuôi thủy cầm thâm canh phát triển khá tốt với gần 100 trang trại chăn nuôi vịt đẻ, vịt thịt quy mô trên 1.000 con.

---

1. Đề án phát triển chăn nuôi đến năm 2015 có tính đến năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Triển khai Chương trình hành động số 35-CTHD/TU ngày 22/5/2007 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 09/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; cùng với ban hành, bổ sung cơ chế, chính sách, quy hoạch phát triển các vùng, Quảng Trị đã tập trung các nguồn lực để phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng, theo hướng đẩy mạnh khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, sắp xếp chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng biển; phát triển nuôi thủy sản theo hướng tập trung, bền vững. Chú trọng công tác khuyến nông, khuyến ngư, đầu tư sản xuất con giống, chế biến, dịch vụ thu mua sản phẩm; xây dựng kết cấu hạ tầng nghề cá; chuyển đổi đất hoang hóa, vùng trũng trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi cá nước ngọt. Nhiều dự án nuôi trồng thủy sản được triển khai bằng nguồn vốn của Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản quốc gia như: nuôi tôm bán thâm canh ven sông Hiền Lương, ven sông Cửa Việt, sản xuất giống tôm sú 50 triệu con P15<sup>1</sup>, sản xuất giống cua xanh, xây dựng phòng kiểm dịch động vật thủy sản, nâng cấp trại cá giống Trúc Kinh với quy mô 50 triệu cá giống truyền thống và giống mới.

---

1. Tôm 15 ngày tuổi.

Được cung ứng con giống bảo đảm chất lượng, hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, phong trào nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh trên các vùng nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Quy mô đầu tư cũng như năng suất nuôi thủy sản được nâng lên. Nhiều hộ gia đình đã thành công trong nuôi tôm sú, cua, cá trắm cỏ, cá mè, cá chép, cá rô phi... mang lại nguồn thu nhập khá lớn.

Đi đôi với nuôi trồng, các nguồn lợi thủy sản được quản lý chặt chẽ và khai thác có hiệu quả, tăng bình quân 8,1%/năm. Tốc độ tăng giá trị thủy sản bình quân 16,2%/năm, tổng sản lượng đánh bắt và nuôi trồng tăng bình quân 7,9%/năm; diện tích nuôi trồng thủy sản tăng bình quân 18,8%/năm. Đặc biệt, nuôi tôm thẻ chân trắng phát triển nhanh cả về quy mô diện tích, năng suất, sản lượng, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho nhiều hộ nông ngư dân vùng biển. Nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh về diện tích, năng suất, sản lượng, trở thành ngành sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, từng bước khẳng định là một mũi nhọn quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh.

Khai thác nguồn lợi từ biển, nhiều ngư dân ở huyện Gio Linh, Triệu Phong đầu tư phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, từng bước chuyển đổi ngành nghề

khai thác gần bờ sang đánh bắt xa bờ, bám biển dài ngày, nghề khai thác ít tiêu hao nhiên liệu và nghề nuôi biển. Nhiều hộ gia đình đã thành công, làm giàu trong vườn khơi, bám biển đánh bắt thủy hải sản.

Nhằm nâng cao giá trị thu được từ đánh bắt, công tác chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều cơ sở đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc, thuê mướn công nhân để thu mua và chế biến với sản lượng bình quân 700-800 tấn sản phẩm/năm. Các cơ sở chế biến nước mắm như Tùng Vân, Huỳnh Kế, Khiêm Trọng (huyện Vĩnh Linh)... có chỗ đứng trên thị trường.

Việc khai thác khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng, Cửa Cỏ đã phát huy hiệu quả, góp phần bảo vệ an ninh biển, đảo quê hương. Không chỉ giúp nhân dân an tâm vươn khơi bám biển dài ngày mà còn thu hút nhiều ngư dân trong và ngoài tỉnh đến thu mua, chế biến, vận chuyển hàng hóa.

Trong lâm nghiệp, công tác quản lý, bảo vệ vốn rừng được cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và đông đảo nhân dân quan tâm, thu được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao độ che phủ của rừng trên toàn tỉnh từ 39,5% năm 2005 lên 47% năm 2010.

Công tác phổ biến, tuyên truyền về tổ chức quản lý rừng bền vững được chú trọng nên đã hạn chế được

tình trạng phá rừng làm nương rẫy. Nhiệm vụ trồng, chăm sóc rừng phòng hộ được đẩy mạnh, góp phần cải tạo, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết tốt chức năng phòng hộ các lưu vực sông chính và vùng cát ven biển. Việc trồng rừng kinh tế phát triển, hình thành được vùng nguyên liệu cho công nghiệp gỗ ván nhân tạo. Công tác rà soát, điều chỉnh, quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất được chú trọng và quản lý chặt chẽ. Công tác thanh tra, kiểm soát được tăng cường, đã ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các vụ vi phạm lâm luật, phòng chống nạn cháy rừng có hiệu quả. Trên 10.306 ha rừng của Công ty Lâm nghiệp Bến Hải, hộ gia đình và các tổ chức kinh doanh được cấp chứng chỉ FSC<sup>1</sup>, nhằm nâng cao giá trị sản xuất lâm nghiệp.

Lâm nghiệp phát triển đã góp phần tích cực trong việc phân bố lại dân cư, ổn định đời sống cho nhân dân từ vùng núi đến vùng cát ven biển. Các mô hình kinh tế mới, trang trại lâm nghiệp trên các vùng cát, vùng đồi thu hút, giải quyết việc làm cho người lao động, đóng góp tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

---

1. FSC: chứng nhận rừng phát triển bền vững, cân bằng các giá trị bảo vệ môi trường với lợi ích xã hội.

Sản xuất nông nghiệp ở Quảng Trị tiếp tục phát triển toàn diện và theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giá trị sản xuất của ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong giai đoạn 2006-2010 bình quân tăng 3,5%/năm. Nhờ đó, an ninh lương thực được bảo đảm.

*Về công nghiệp - xây dựng*, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV chỉ rõ: Phát triển công nghiệp - xây dựng là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo động lực quan trọng và cơ bản cho chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế của tỉnh.

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 5/4/2004 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIII về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đến năm 2010, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/12/2006 của Tỉnh ủy về đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông - Tây, Chương trình hành động số 34-CTHĐ/TU ngày 22/5/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, cơ chế, chính sách được tỉnh ban hành, các ngành

chức năng, các địa phương đã tập trung xây dựng và triển khai hoạt động đối ngoại có trọng tâm, trọng điểm gắn với việc kêu gọi đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông - Tây; hoàn thiện hệ thống pháp lý trong hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn về thương hiệu, hợp tác sâu rộng với các địa phương trên hành lang kinh tế Đông - Tây, đặc biệt là tỉnh Savannakhet, Salavan (Lào) và tỉnh Mukdahan (Thái Lan); tổ chức hội nghị cấp cao hàng năm giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Savannakhet, tỉnh Salavan (Lào), ký kết biên bản ghi nhớ về việc thiết lập quan hệ hợp tác phát triển với tỉnh Mukdahan (Thái Lan). Sự kết hợp giữa đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng với cải cách chính sách, thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các hoạt động xúc tiến đầu tư đã thu được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt mức tăng trưởng cao, từ 673,2 tỷ đồng năm 2005 lên 1.650 tỷ đồng năm 2010 (hơn gấp 3 lần năm 2004), tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2006-2010 đạt 19,64%/năm. Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP của tỉnh năm 2010 chiếm 13,6%.

Nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế và cụm công nghiệp -

làng nghề trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến. Công tác xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư vào thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực. Tháng 5/2006, tỉnh Quảng Trị đã tổ chức thành công hội nghị quảng bá thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, với sự tham dự, chỉ đạo của đồng chí Trương Tấn Sang, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng. Hội nghị đã mở ra hướng đi mới về khai thác tiềm năng, thế mạnh trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 2 khu công nghiệp, 1 khu kinh tế và 13 cụm công nghiệp - làng nghề. Kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề được tập trung xây dựng và hoàn thiện. Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang đã có 30 dự án đăng ký với tổng mức đầu tư hơn 3.000 tỷ đồng. Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo có 16 dự án sản xuất công nghiệp đăng ký và triển khai đầu tư với tổng số vốn đăng ký gần 2.500 tỷ đồng. Các dự án đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế đã góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương. Giá trị sản xuất công nghiệp do các đơn vị công nghiệp thuộc Trung ương quản lý và công nghiệp ngoài quốc doanh tăng trưởng khá cao tương ứng 54,55%/năm và 18,57%/năm, nổi bật là Nhà máy ván

gỗ MDF, Nhà máy thủy lợi, thủy điện Quảng Trị. Công nghiệp chế biến tăng trưởng bình quân 18,65%/năm và chiếm tỷ trọng cao, năm 2010 chiếm 79,63% với các sản phẩm chủ yếu như: gỗ ván MDF, cao su mủ tấm. Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước có tốc độ tăng trưởng bình quân 40,17%/năm và tỷ trọng ngày càng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, năm 2004 chiếm 6,22% đến năm 2010 chiếm 13,05%.

Công tác thăm dò, khai thác khoáng sản được quản lý chặt chẽ. Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 01/3/1996 của Bộ Chính trị khóa VII về định hướng chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác quản lý, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn toàn tỉnh. Qua đó, việc quản lý khoáng sản được chính quyền địa phương cùng các ngành chức năng thực hiện khá đồng bộ, tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật Khoáng sản, các quy hoạch có liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên, khoáng sản. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát được tiến hành thường xuyên. Nhận thức về bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong cán bộ, đảng viên và đa số người dân được nâng lên. Các hoạt động thăm dò, khai thác,

chế biến khoáng sản cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đã giải quyết việc làm thường xuyên cho gần 2.000 lao động. Ngành khai khoáng đã có đóng góp nhất định vào sự phát triển công nghiệp của tỉnh. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khai thác trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 là 5,89%. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp khai thác giai đoạn 2001-2010 tăng 15,21%/năm.

Trong những năm 2005-2010, ngành công nghiệp đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của tỉnh và là động lực tăng trưởng của nhiều ngành kinh tế cơ bản. Một số doanh nghiệp đầu tư thay đổi dây chuyền chế biến, như: que hàn Xuyên Á 5.000 tấn/năm tại cụm công nghiệp Diên Sanh, Ilmenite hoàn nguyên 20.000 tấn/năm, nghiền Zircon siêu mịn 4.500 tấn/năm, sản xuất que hàn điện 7.200 tấn/năm tại khu công nghiệp Quán Ngang, 2 nhà máy chế biến phân hữu cơ vi sinh 40.000 tấn/năm. Nhiều sản phẩm mới được đầu tư sản xuất và phát triển khá ổn định trên thị trường như: xi măng, điện, ván gỗ ép, săm lốp xe máy, nước giải khát, tinh bột sắn, phân bón NPK... Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 21%/năm.

*Hoạt động thương mại - dịch vụ* có bước chuyển biến tích cực. Tuy vậy, quy mô hoạt động vẫn còn nhỏ, phát triển mang tính tự phát, hình thức kinh doanh còn chậm đổi mới. Để đưa “thương mại - du lịch - dịch vụ giữ vị trí quan trọng, sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tạo bước đột phá cho thời kỳ sau năm 2010”<sup>1</sup>, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/4/2006 của Tỉnh ủy về phát triển thương mại Quảng Trị đến năm 2010 đã đưa ra mục tiêu: Tốc độ tăng trưởng GDP của ngành thương mại bình quân đạt 8,4-9%/năm; cơ cấu GDP chiếm 12,5-13% tổng GDP toàn tỉnh; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ thương mại đạt trên 4.000 tỷ đồng; xuất khẩu đạt 50 triệu USD và nhập khẩu đạt 40 triệu USD; thu hút từ 25.000 đến 27.000 lao động.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các lĩnh vực kinh doanh thương mại của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh ngày càng đổi mới, đa dạng, phong phú, kích thích sản xuất, lưu thông phát triển, đóng góp quan trọng vào việc ổn định giá cả thị trường và ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có cổ phần của Nhà nước tiếp tục giữ vai trò, vị trí chủ đạo trong bình ổn giá, phục vụ tốt

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

nhu cầu vật tư hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và đời sống nhân dân, đặc biệt là đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa. Thương mại quốc doanh phát triển, mặt hàng kinh doanh đa dạng, phong phú, kích thích sự cạnh tranh, thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, thu hút lực lượng lớn lao động của tỉnh. Kết cấu hạ tầng thương mại tiếp tục được đầu tư và phát triển. Các ngành dịch vụ có lợi thế được quan tâm phát triển như: thương mại nội địa, xuất khẩu, vận tải, du lịch, khách sạn, nhà hàng, bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng. Hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, các trung tâm cụm xã được chú trọng đầu tư; mạng lưới phân phối đảm bảo thực hiện tốt chức năng cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, kể cả vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Hệ thống khách sạn, nhà hàng, cây xăng trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu. Một số siêu thị được hình thành và đi vào hoạt động có hiệu quả, từng bước thay đổi thói quen mua sắm của người dân.

Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thương mại, dịch vụ được tăng cường, nhất là quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, mẫu mã, giá cả hàng hóa. Công tác quản lý thị trường và đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương

mại đã góp phần ổn định và lành mạnh hóa thị trường. Việc hướng dẫn thực hiện cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) được triển khai tích cực. Tốc độ tăng trưởng của ngành bình quân trong giai đoạn 2005-2010 đạt 8,4%/năm.

Hoạt động xuất nhập khẩu đạt được nhiều kết quả nổi bật. Thị trường xuất khẩu được củng cố, mở rộng; chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế là cà phê, cao su, lạc nhân, tinh bột sắn, titan, điện thương phẩm... Để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, tỉnh đã ban hành các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu, đẩy mạnh cải tiến thủ tục và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp kiểm tra hàng hóa ra vào Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 13,7 triệu USD năm 2006 lên 31 triệu USD năm 2008 và 42 triệu USD vào năm 2010. Giá trị xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2005-2010 đạt 160 triệu USD. Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo sau nhiều năm đầu tư, kết cấu hạ tầng phát triển nhanh đã thu hút được một số dự án đầu tư kinh doanh. Hoạt động thương mại sôi động, thu hút một lượng lớn khách thập phương mua sắm và trao đổi hàng hóa. Giá trị hàng hóa nhập khẩu trong giai đoạn 2006-2010 đạt 221,99 triệu USD,

bình quân đạt 44,3 triệu USD/năm, tăng bình quân 3,9%/năm.

Phát huy lợi thế của địa phương có nhiều di tích lịch sử chiến tranh cách mạng, cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đã tập trung đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, tăng cường quảng bá hình ảnh và con người Quảng Trị trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các hoạt động ngoại giao. Kinh doanh du lịch phát triển đa dạng, khởi sắc. Lượng khách du lịch đến Quảng Trị tăng hàng năm. Giá trị gia tăng ngành du lịch năm 2010 đạt 590 tỷ đồng. Cùng với sự tăng trưởng lượng khách đến Quảng Trị, khách du lịch trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đang đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu khách đến các tỉnh miền Trung nói chung và đến Quảng Trị nói riêng.

Công tác quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và các nghị quyết chuyên đề, Quảng Trị đã thực hiện tốt vai trò của Nhà nước về định hướng phát triển các thành phần kinh tế, thông qua việc ban hành hệ thống các quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch phát triển các ngành, các kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm... Các quy hoạch, kế hoạch phát triển trong giai đoạn 2005-2010 được đổi mới về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường; đồng thời định hướng cho các thành phần kinh tế trong đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh thông qua hệ thống các chương trình, dự án đầu tư của Nhà nước; ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các địa bàn, lĩnh vực mà Nhà nước khuyến khích với các giải pháp như: đào tạo nguồn nhân lực, tạo mặt bằng sản xuất kinh doanh, ưu đãi về thuế, tiền thuê đất; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Để tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, tỉnh Quảng Trị đã ban hành các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư không phân biệt các thành phần kinh tế; thực hiện cải cách hành chính theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, cải tiến các quy trình để rút ngắn thời gian giải quyết cho người dân và doanh nghiệp; thực thi pháp luật nghiêm minh, công bằng đối với các thành phần kinh tế; tạo cơ hội cho các thành phần kinh tế bình đẳng trong tham gia cung ứng các dịch vụ cho Nhà nước như đấu thầu, đấu giá, tiếp cận với các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước.

Trong giai đoạn 2005-2010, nhiều ngân hàng thương mại được mở rộng và thành lập mới. Hoạt

động của các ngân hàng thương mại từng bước được hiện đại hóa bằng công nghệ trong quản lý; triển khai thực hiện nghiêm chỉnh sách tiền tệ của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; kinh doanh năng động và hiệu quả, bảo đảm an toàn hệ thống, phục vụ tốt phát triển sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội và hội nhập kinh tế. Công tác huy động vốn của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2010 đạt 6.100 tỷ đồng, gấp 4 lần so với năm 2005. Tổng dư nợ cho vay đến cuối năm 2010 đạt 7.300 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với năm 2005. Tỷ trọng dư nợ cho vay trung hạn và dài hạn khá lớn, đến cuối năm 2010 đạt 50,7% tổng dư nợ. Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm dần, đến cuối năm 2010 chỉ chiếm 1,5% tổng dư nợ. Năng lực quản lý của Ngân hàng Nhà nước tỉnh đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng được nâng cao; hệ thống các ngân hàng thương mại được quan tâm phát triển đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

*Lĩnh vực tài chính* đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng dự toán ngân sách có nhiều đổi mới, trong đó chú trọng việc phân cấp cho cấp huyện và cấp xã để tạo sự chủ động cho các cấp tập trung khai thác nguồn thu từ nội bộ và từng bước điều chỉnh, bố trí hợp lý các khoản chi. Tổng thu ngân

sách trên địa bàn trong 5 năm 2006-2010 đạt 3.487 tỷ đồng, tăng 1,85 lần giai đoạn 2001-2005, tăng bình quân 17,6%/năm, trong đó thu nội địa đạt trên 2.340 tỷ đồng, tăng bình quân 14,3%/năm.

Chi ngân sách hàng năm có sự kiểm soát, quản lý chặt chẽ, trong đó tập trung ưu tiên chi cho các công trình trọng điểm, vùng động lực, ngành mũi nhọn trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tích cực cho đầu tư phát triển, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các chương trình, dự án, chính sách của tỉnh.

Từ năm 2005 đến năm 2010, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Trị chuyển dịch đúng hướng. Cơ cấu ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 25,6% lên 37,5% năm 2010; nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 35,9% năm 2005 xuống 27,4% năm 2010; thương mại - dịch vụ giữ tỷ trọng 35,1%. Trong nội bộ từng ngành kinh tế cũng có sự thay đổi cơ cấu sản xuất theo hướng tăng hàm lượng sử dụng công nghệ mới, các ngành có giá trị gia tăng cao, gắn sản xuất với thị trường.

Cơ cấu kinh tế vùng có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, đã từng bước hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, động lực, vùng sản xuất tập trung, các khu, cụm công

ngiệp, làng nghề. Những chính sách, chương trình đầu tư xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, miền biển, vùng khó khăn đã phát huy tác dụng, bước đầu khai thác tiềm năng, lợi thế của từng vùng.

Nguồn lực *các thành phần kinh tế* được khai thác tốt hơn. Doanh nghiệp nhà nước được đổi mới, tổ chức sắp xếp lại; hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng lên. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; đến năm 2010, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành cổ phần hóa 26 doanh nghiệp, hợp nhất 6 doanh nghiệp, sáp nhập 2 doanh nghiệp, chuyển 3 doanh nghiệp về Trung ương quản lý, chuyển sang đơn vị sự nghiệp có thu 5 doanh nghiệp, giải thể 4 doanh nghiệp, tuyên bố phá sản 1 doanh nghiệp, giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động 1 doanh nghiệp và 8 doanh nghiệp chuyển sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã tạo ra động lực mới trong sản xuất kinh doanh và hình thành cơ chế kiểm soát có hiệu quả hơn của cổ đông và người lao động đối với doanh nghiệp; cán bộ quản lý và người lao động đã gắn bó hơn. Nhờ đó, hiệu quả

kinh doanh tăng lên, cơ sở vật chất của doanh nghiệp được khai thác sử dụng tốt, tiết kiệm hơn trước. Trong số 25/26 công ty nhà nước thực hiện cổ phần đi vào hoạt động trên 1 năm, năng suất lao động tăng bình quân 18,3%; nộp ngân sách bình quân tăng 22,9%; đầu tư tài sản cố định tăng 10,5%; lương bình quân doanh nghiệp tăng 10,7%; lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá tăng bình quân 5,6%; cổ tức bình quân của các doanh nghiệp đạt 10,6% và hầu hết các doanh nghiệp đều có mức cổ tức cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng, các chỉ số tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước.

Kinh tế tập thể được tỉnh quan tâm hỗ trợ và tạo điều kiện để phát triển. Số lượng tổ hợp tác tăng khá (7.150 tổ với 58.265 thành viên); thành lập mới nhiều hợp tác xã. Các hợp tác xã chuyển đổi được củng cố về phương thức, bộ máy quản lý, về trách nhiệm và quan hệ giữa xã viên với hợp tác xã, vốn quỹ của nhiều hợp tác xã được tăng thêm, tư cách xã viên được xác lập đích thực. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ hợp tác, hợp tác xã không ngừng nâng cao chất lượng, thiết thực hỗ trợ cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển đúng hướng, bước đầu khẳng định là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội,

hoàn thành được một số mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về tiếp tục đổi mới phát triển kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong Chương trình hành động số 22-CTHĐ/TU ngày 01/11/2002 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Cùng với khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân phát triển nhanh và hoạt động có hiệu quả, có những đóng góp quan trọng vào nền kinh tế của tỉnh. Trong thời kỳ 2000-2008, tổng sản phẩm của khu vực kinh tế tư nhân tạo ra bình quân đạt 3.098 tỷ đồng/năm (chiếm trên 70% giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn); huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất kinh doanh tương đối lớn (trên 31% vốn đầu tư); hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng từ 1,5 đến 2 nghìn lao động, cải thiện đời sống nhân dân, tăng nguồn thu ngân sách (chiếm 18% thu ngân sách trên địa bàn). Kinh tế tư nhân góp phần giải phóng năng lực sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo việc làm cho người lao động. Tỷ trọng giá trị GDP của khu vực kinh tế ngoài nhà nước từ 72,9% năm 2005 tăng lên 83% năm 2010.

Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động đã có những chuyển dịch phù hợp. Tỷ lệ lao động ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong tổng số lao động xã hội giảm từ 62,8% năm 2005 xuống 55% năm 2010; lao động trong ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 37,2% năm 2005 lên 45% năm 2010.

Kết quả đầu tư đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường kết cấu hạ tầng và thay đổi cơ bản diện mạo của tỉnh. Từ đầu năm 2006, tỉnh đã chú trọng huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư và phát triển nhanh ở đồng bằng, ven biển và miền núi. Nguồn vốn đầu tư khá đa dạng, từ ngân sách Trung ương, địa phương, nguồn vốn ODA, NGO và sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006-2010 là 17.446 tỷ đồng, tăng bình quân 20%/năm, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 6.401 tỷ đồng, chiếm 36,58% và đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trên 20%/năm. Bố trí đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển và tập trung hơn cho các mục tiêu quan trọng, nhu cầu bức thiết của xã hội, từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại

hóa; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm nhẹ thiên tai, nâng cao đời sống nhân dân.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển. Hệ thống giao thông được nâng cấp, mở rộng cả về mạng lưới, quy mô và chất lượng các tuyến đường bộ, đường sắt và đường thủy. Giao thông nông thôn tiếp tục được cải thiện. Đến năm 2010, đã bê tông kiên cố trên 32% tổng số chiều dài đường giao thông nông thôn. 100% xã, phường, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm. Nhiều tuyến đường chiến lược ở biên giới, ven biển, nội thị, đường đến các trung tâm kinh tế - xã hội của các vùng và nhiều công trình quan trọng như: cầu Cửa Tùng, Cửa Việt, Bắc Phước, Vĩnh Phước... được đầu tư, trong đó có nhiều công trình được đưa vào sử dụng, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, cải thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Hệ thống hạ tầng phục vụ nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng đầu tư xây mới và nâng cấp. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 237 công trình thủy lợi, so với năm 2005 năng lực tưới tăng thêm 4.000 ha, năng lực tiêu tăng thêm 1.500 ha. Hệ thống thủy lợi bảo đảm tưới, tiêu chủ động cho 37.000 ha

lúa đông xuân và hè thu, đạt trên 70% diện tích canh tác 2 vụ, ngăn mặn và chống lũ tiểu mãn cho 10.000 ha. Công trình thủy lợi - thủy điện Quảng Trị, thủy lợi Lìa, hồ Nghĩa Hy, hồ Ái Tử, hồ Thác Heo đã hoàn thành; nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn, đập Sa Lung, hồ Đá Mài - Tân Kim, hệ thống chống úng vùng trũng Hải Lăng đã phát huy tác dụng tích cực trong điều tiết tưới tiêu, ứng phó với biến đổi khí hậu, phục vụ sản xuất của nhân dân.

Hệ thống nguồn điện được tăng cường, nhất là việc đưa vào hoạt động công trình thủy lợi - thủy điện Quảng Trị có công suất 64 MW, nâng cấp trạm biến áp Đông Hà và xây dựng mới các trạm biến áp Vĩnh Linh, Lao Bảo, Hải Lăng. Chương trình điện khí hóa được tỉnh tập trung đầu tư mở rộng. Đến năm 2010, 100% xã có điện lưới quốc gia, 98% tổng số hộ được sử dụng điện lưới.

Mạng lưới bưu chính, viễn thông phát triển nhanh, từng bước hiện đại hóa. Toàn tỉnh có 63 tổng đài điện thoại với tổng dung lượng 82.791 số và 109 tuyến truyền dẫn nội tỉnh, 164 trạm thu phát sóng di động. Tổng số thuê bao điện thoại là 435.000 thuê bao (trong đó có 95.000 thuê bao cố định); mật độ điện thoại đạt 66,5 máy/100 dân, tăng 6,7 lần so với năm 2005. Toàn tỉnh có 190 điểm phục vụ bưu chính,

trong đó có 44 bưu cục, 110 điểm bưu điện - văn hóa xã. Mạng internet phát triển nhanh với 3,8 thuê bao/100 dân.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 28/10/2002 của Tỉnh ủy khoá XIII về quy hoạch, quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2010, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và ban hành các văn bản về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010, tầm nhìn 2020; gắn với thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2020. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, các ngành và địa phương đã chủ động triển khai thực hiện và đạt một số kết quả tích cực, góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; gắn phát triển các ngành, vùng, các địa phương với quy hoạch, quản lý quy hoạch và phát triển đô thị. Năm 2010, quy hoạch chi tiết đô thị tỉnh Quảng Trị đã hoàn thành, đồng thời tiếp tục điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của một số đô thị theo hướng liên kết chuỗi đô thị Đông Hà - Ái Tử - Quảng Trị; xây dựng thị trấn, thị tứ trên

tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, tuyến biển và quy hoạch mới một số thị trấn, thị tứ thuộc các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh, tạo đô thị trung tâm cho từng vùng, phù hợp với yêu cầu phát triển và phát huy lợi thế của hành lang kinh tế Đông - Tây.

Kết cấu hạ tầng các đô thị được tập trung đầu tư phát triển. Thị xã Đông Hà được công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã Quảng Trị được mở rộng địa giới hành chính, đã thành lập thị trấn Cửa Việt và thị trấn Cửa Tùng. Các khu đô thị Khe Sanh - Lao Bảo, Cửa Việt - Cửa Tùng từng bước được đầu tư, xây dựng. Hạ tầng đô thị được chú trọng đầu tư. 12/12 đô thị trên địa bàn tỉnh có hệ thống cấp, thoát nước tập trung và tỷ lệ dân số được cấp nước tại các đô thị là 80%. Chương trình nước sạch nông thôn, miền núi được thực hiện với tổng số vốn là 12,35 tỷ đồng. Hệ thống thoát nước tại đô thị Đông Hà, thị xã Quảng Trị được nâng cấp. Giao thông và chiếu sáng đô thị tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị được quan tâm thực hiện. Hệ thống các công trình phúc lợi công cộng như trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa, thể thao được đầu tư, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống nhân dân.

*Kinh tế đối ngoại* tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Việc thu hút và sử dụng các nguồn vốn nước

ngoài trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân và bảo vệ môi trường. Từ năm 2006 đến năm 2010, Quảng Trị đã thu hút được 25 dự án ODA với tổng vốn đầu tư 1.425 tỷ đồng; trong đó vốn nước ngoài là 1.166 tỷ đồng và vốn trong nước là 259 tỷ đồng; 4 dự án ODA quy mô lớn chuyển tiếp từ giai đoạn 2001-2005 với tổng vốn đầu tư khoảng 920 tỷ đồng. Tổng vốn ODA ký kết trong giai đoạn 2006-2010 đạt 2.345 tỷ đồng. Vốn thực hiện các dự án ODA trong giai đoạn này đạt khoảng 1.580 tỷ đồng, đóng góp khoảng 10% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và khoảng 19% tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Nhiều chương trình và dự án ODA có quy mô vốn lớn, được triển khai thực hiện có hiệu quả như: chương trình phát triển nông thôn Quảng Trị - giai đoạn 3, dự án Chia Sẻ, dự án giảm nghèo miền Trung, dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn, dự án chống lũ vùng trũng huyện Hải Lăng, dự án phát triển nông thôn tổng hợp và các dự án thuộc nguồn vốn JBIC (Nhật Bản). Tổng vốn FDI đăng ký đầu tư là 458,7 tỷ đồng, tăng 3,12 lần so với giai đoạn 2001-2005. Tuy vậy do khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, lạm phát tăng cao và giá cả biến động, một số dự án FDI được cấp phép

nhưng không có vốn để thực hiện hoặc chậm triển khai. Tổng vốn NGO thu hút trong giai đoạn 2006-2010 đạt khoảng 500 tỷ đồng để thực hiện các hoạt động về xoá đói, giảm nghèo, rà phá bom mìn, tăng cường năng lực và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai. Các nguồn vốn ODA, FDI, NGO đóng góp trên 15% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Số lượng các văn bản ký kết giữa tỉnh Quảng Trị với các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt Nam tăng. Nhiệm vụ giám sát thực hiện cam kết, văn bản thỏa thuận hợp tác được tăng cường nhằm triển khai nghiêm túc và có hiệu quả các cam kết, giữ vững hình ảnh Quảng Trị là “đối tác tin cậy” trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

## **2. Lãnh đạo phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân**

Đi cùng nhiệm vụ tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn chú trọng lãnh đạo phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã chỉ rõ: Xây dựng môi trường, lối sống, đời sống văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy bản chất truyền thống quý báu của

con người Quảng Trị, tạo nền tảng tinh thần và động lực mới thúc đẩy sự nghiệp phát triển quê hương, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

*Trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo*, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nêu rõ: Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, kết hợp với việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá, kiểm tra, thi cử. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người được học tập, nâng cao trình độ. Nâng dần độ đồng đều chất lượng giữa các vùng. Tạo nền tảng để đến năm 2015, toàn tỉnh cơ bản đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học phổ thông theo độ tuổi.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, ngành giáo dục - đào tạo ở Quảng Trị trong những năm 2006-2010 tiếp tục phát triển về quy mô và nâng cao về chất lượng, bảo đảm tính bền vững của công tác phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Mạng lưới trường học được phân bố theo hướng hợp lý hơn, phù hợp với điều kiện từng vùng, miền. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học từng bước được đầu tư theo hướng chuẩn hóa. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng được yêu cầu, nâng tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn: giáo viên nhà

trẻ đạt 93,3%, mẫu giáo đạt 96,5%, tiểu học đạt 98,9%; trung học cơ sở đạt 99,03%; trung học phổ thông đạt 99,94%. Năm 2006, Quảng Trị đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

Đầu tư cơ sở vật chất cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tăng lên đáng kể, đặc biệt là vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ trường học được cao tầng hóa và kiên cố hóa tăng nhanh so với giai đoạn trước; tỷ lệ phòng học mầm non được kiên cố hóa đạt 29,67%, phòng học phổ thông được kiên cố hóa đạt 80% và đã cơ bản xóa được trường học tạm, tranh tre, nứa lá. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm. Năm học 2009-2010, toàn tỉnh có 40 trường mầm non, 132 trường tiểu học, 37 trường trung học cơ sở, 3 trường trung học phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Chất lượng giáo dục được chú trọng nâng cao. Năm học 2006-2007, ngành giáo dục đã phủ kín chương trình đổi mới giáo dục cấp tiểu học, thực hiện tốt Cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”. Từ năm học 2008-2009, tiếp tục chương trình đổi mới và nâng cao chất lượng dạy và học; thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Hai không”, Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, phong

trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Chất lượng các ngành học, cấp học có nhiều chuyển biến.

Nhận thức của phụ huynh và học sinh về học tập ngày càng được nâng cao. Năm học 2009-2010, tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 96,5% (năm học 2008-2009 chỉ đạt 82,5%), trung học cơ sở đạt 98,8%; tiểu học đạt 100%; học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp chiếm 17-20%. Đặc biệt, nhiệm vụ hướng nghiệp và phân luồng cho học sinh sau trung học cơ sở bước đầu có sự chuyển biến. Đã tổ chức lại các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, các cơ sở dạy nghề và thành lập các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề trên địa bàn tỉnh. Năm 2010, toàn tỉnh có 162 trường tiểu học, 111 trường trung học cơ sở, 17 trường cấp I và II, 33 trường trung học phổ thông; 1 trường cao đẳng, 5 trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, 6 trung tâm dạy nghề tổng hợp và Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị. Công tác dạy nghề đã gắn với nhu cầu sử dụng lao động phục vụ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và góp phần xóa đói, giảm nghèo. Hệ thống các trường dạy nghề được nâng cấp, đầu tư, từng bước

nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo nghề. Công tác đào tạo nghề cho nông dân, thanh niên, học sinh dân tộc nội trú và người tàn tật được chú trọng. Chất lượng lao động trong các ngành kinh tế được nâng lên. Giáo dục đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cho tỉnh, phục vụ sự nghiệp xây dựng quê hương.

Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục - đào tạo được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực trong xây dựng xã hội học tập. Công tác khuyến học, khuyến tài được duy trì thường xuyên và có hiệu quả. Các chính sách hỗ trợ, xây dựng nhà ở đối với giáo viên công tác tại vùng khó khăn, chế độ phụ cấp và hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho giáo viên mầm non, giáo viên vùng sâu, vùng xa, giáo viên tình nguyện làm công tác phổ cập giáo dục được quan tâm thực hiện và đạt được nhiều kết quả.

Thực hiện định hướng phát triển *khoa học và công nghệ* trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Quảng Trị đã tăng cường nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, thay đổi bộ mặt nông thôn. Đã tiến hành

khảo nghiệm, tuyển chọn các bộ giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao và thích nghi với các tiểu vùng sinh thái trong tỉnh. Việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào đầu tư thâm canh trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đã giúp các huyện, thị, thành phố chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung; xây dựng được nhiều mô hình bố trí cây trồng, xen canh, luân canh trên các chân đất cát ở Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng làm tăng thu nhập cho người nông dân trên đơn vị diện tích canh tác. Qua áp dụng khoa học và công nghệ, tỉnh đã tuyển chọn được một số cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây trồng rừng làm cây đầu dòng để lấy mắt ghép đưa vào sản xuất; sản xuất một số cây giống bằng phương pháp dân hom, nuôi cấy mô tế bào thực vật. Nhiều dự án khoa học và công nghệ đã góp phần làm thay đổi tập quán sản xuất, tạo ra nghề mới và nâng cao thu nhập cho người dân. Đồng thời, qua nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, y tế, giáo dục - đào tạo đã đề xuất nhiều giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh đến năm 2020; áp dụng phương pháp tổ chức thi công xây dựng hiện đại; xây dựng các đề án làm cơ sở cho việc hoạch định phát triển giáo dục - đào tạo; y tế, nổi bật là các nghiên cứu về

bệnh lao, bệnh phổi, bệnh mắt và sốt rét. Sơu tầm, biên soạn các bài thuốc dân gian cổ truyền nhằm hỗ trợ trong việc khám chữa bệnh.

*Trên lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân.* Định hướng về y tế được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhấn mạnh: Tập trung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Tăng cường công tác dự phòng, khống chế dịch bệnh có hiệu quả. Thực hiện tốt các chương trình y tế, bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 26/7/2006 của Tỉnh ủy về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư. 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế, trong đó 75% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế; 78% xã đồng bằng, ven biển có bác sĩ; 37% xã vùng núi có bác sĩ. Năm 2010, số giường bệnh đạt 22 giường/1 vạn dân, tăng 1,4 lần so với năm 2005; có 7 bác sĩ/1 vạn dân, tăng 1,4 lần so với năm 2005.

Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai đồng bộ và

đạt kết quả tích cực. Y tế chuyên sâu được coi trọng, các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện đã triển khai nhiều kỹ thuật mới trong điều trị, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai đúng tiến độ và nhiều chương trình đạt kết quả tốt. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm từ 25,9% năm 2005 xuống còn dưới 20% năm 2010; tỷ lệ trẻ em được tiêm đầy đủ 6 loại vacxin hàng năm đạt trên 98,5%. Quảng Trị đã thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng đặc biệt khó khăn. Công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được đẩy mạnh. Hiệu lực quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân và kinh doanh thuốc, dược phẩm được tăng cường. Việc kết hợp quân - dân y trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân và lực lượng vũ trang ở các vùng biên giới, hải đảo được quan tâm. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng đa dạng, ý thức của mỗi người dân tự chăm lo và bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng được nâng lên một bước, bảo hiểm y tế, nhất là bảo hiểm y tế học đường có nhiều tiến bộ, xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân

dân có chuyển biến tích cực. Quảng Trị đã triển khai thực hiện tốt chính sách thu hút, đào tạo để tăng cường lực lượng cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và đạo đức thầy thuốc. Công tác y tế dự phòng được triển khai tích cực và có hiệu quả. Nhiều năm liên tục tỉnh Quảng Trị không để xảy ra dịch bệnh.

Hạ tầng y tế được chú trọng đầu tư, cơ sở vật chất từng bước được tăng cường, bảo đảm cho nhân dân ở các vùng được phục vụ tốt hơn từ các dịch vụ y tế cơ bản. Bệnh viện đa khoa tỉnh với quy mô 500 giường bệnh, Bệnh viện lao và các bệnh về phổi được triển khai xây dựng; 7/10 bệnh viện tuyến huyện, thị xã được xây dựng bằng nguồn vốn trái phiếu chính phủ. Nhiều cơ sở khám chữa bệnh ở cơ sở được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/7/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân số - gia đình và trẻ em trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhấn mạnh: Phấn đấu đến năm 2010 đạt mức sinh thay thế và duy trì trong những năm tiếp theo. Từng bước nâng cao chất lượng dân số, cơ cấu, đáp ứng nguồn nhân lực cho quá trình phát triển của quê hương. Ổn định, củng cố và xây dựng gia đình theo tiêu chí mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con nhằm ổn định dân số, nâng cao chất lượng đời sống.

Chăm lo toàn diện cho trẻ em về sức khỏe, trí tuệ, đạo đức, văn hóa, tinh thần.

Nghị quyết 03 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được triển khai sâu rộng và đạt được những kết quả rất quan trọng. Nhận thức của toàn xã hội đã có bước chuyển biến rõ rệt. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp đã xác định được trách nhiệm và vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Quy mô gia đình ít con được chấp nhận và trở thành một trong những chuẩn mực xã hội. 354 làng trong toàn tỉnh được tổ chức phát động xây dựng “Làng không sinh con thứ ba”. Tổ chức bộ máy làm công tác dân số - gia đình - trẻ em từng bước được củng cố. Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông kết hợp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình từng bước được đổi mới, mở rộng và ngày càng đáp ứng nhu cầu của người dân. Đến năm 2010, tỉnh Quảng Trị đạt mức giảm tỷ suất sinh 0,5‰. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%, 55,2% số người trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai.

Công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Tình hình sức khỏe, học tập, đời sống văn hóa, tinh thần của trẻ em đã có những chuyển biến tích cực. Các quyền cơ bản

của trẻ em được bảo vệ, tôn trọng và thực hiện ngày càng tốt hơn. Nhiều mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em được triển khai và thực hiện có hiệu quả. Trẻ em được tạo mọi điều kiện để học tập tiến bộ. Tỷ lệ trẻ em được huy động vào các bậc học, cấp học ngày càng cao. Đời sống văn hóa, tinh thần của trẻ em ngày càng tốt hơn, sức khỏe trẻ em được cải thiện; tỷ lệ chết ở trẻ sơ sinh giảm còn 8,5‰; 81,5% trẻ em 5 tuổi được đi học mẫu giáo và 96,9% trẻ 6 tuổi được vào học lớp 1. Các chế độ, chính sách dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Việc chăm lo, hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm quan tâm, mang lại hiệu quả thiết thực.

Thông qua việc lồng ghép các chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và giáo dục trẻ em, phát triển kinh tế hộ gia đình với công tác xóa đói, giảm nghèo và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân. Nhiều hộ gia đình thoát nghèo. Tỷ lệ gia đình có mức sống cao được nâng lên. Vai trò của gia đình đối với xã hội và trách nhiệm xã hội đối với gia đình ngày càng được khẳng định.

Các hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh phát triển đa dạng và đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và thể chất cho nhân dân. Những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của con người Quảng Trị tiếp tục được khơi dậy, phát huy. Các thiết chế văn hóa, công trình văn hóa được tăng cường đầu tư, nâng cấp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý văn hóa của Nhà nước được nâng cao. Sự gắn kết giữa Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của toàn xã hội, thực hiện nếp sống văn minh, từng bước đẩy lùi hủ tục. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 1.551 làng, bản, đơn vị được công nhận là đơn vị văn hóa, chiếm 81,1% trong tổng số làng, bản, đơn vị và 97.395 gia đình được công nhận là gia đình văn hóa chiếm 82% số hộ gia đình trong toàn tỉnh.

Hoạt động kỷ niệm các sự kiện chính trị quan trọng, các phong trào thi đua yêu nước đã góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, tạo động lực để nhân dân tích cực thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ quê hương. Nhiều lễ hội cách mạng, lễ hội văn hóa truyền thống, lễ hội văn hóa dân gian được tổ

chức thành công; đặc biệt là Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn, Lễ hội Thống nhất non sông và Lễ hội Nhịp cầu xuyên Á... được tổ chức trang trọng có tính giáo dục cao về truyền thống yêu nước, gắn kết giữa quá khứ và hiện tại trong dòng chảy văn hóa và lịch sử. Năm 2010, “Lễ hội Thống nhất non sông” được công nhận là lễ hội cấp quốc gia và tổ chức tại Khu Di tích đôi bờ Hiền Lương nhân kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước có ý nghĩa quan trọng nhằm tôn vinh các giá trị truyền thống lịch sử và cách mạng, khát vọng hòa bình của dân tộc. Hình ảnh con người và mảnh đất Quảng Trị anh dũng, kiên cường trong kháng chiến, nỗ lực vượt khó xây dựng và phát triển trong sự nghiệp đổi mới được lan tỏa.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh. Số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 20%. Giáo dục thể chất trong các nhà trường thực hiện nền nếp. Các giải thể thao do tỉnh tổ chức có quy mô ngày càng lớn và chất lượng chuyên môn được nâng cao.

Các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được chú trọng xây dựng. Nhiều công trình văn hóa, thể thao, di tích lịch sử quan trọng của tỉnh được xây mới, tôn tạo như Công viên Lê Duẩn, cầu và đường

vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Di tích Thành Cổ Quảng Trị, Đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, Sân bay Tà Cơn, Quảng trường Nhà văn hóa trung tâm, Bảo tàng tỉnh, Sân vận động Đông Hà, Khu liên hợp thể thao tỉnh. Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện và cấp cơ sở có bước phát triển.

Văn học nghệ thuật tiếp tục phát triển đã góp phần giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống nhân văn của dân tộc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 24/4/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản theo tinh thần Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 17/10/1997 của Bộ Chính trị, Báo *Quảng Trị* đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế của địa phương, tập trung đào tạo nhân lực và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tăng số lượng phát hành, nâng cao chất lượng nội dung và hình thức, đề cao tính chiến đấu, tính định hướng, tính văn hóa, tính khoa học, tính đại chúng của báo chí cách mạng, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cấp ủy, chính quyền địa phương. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh không ngừng cải tiến nội dung, chương trình đáp ứng tốt

hơn nhu cầu của nhân dân trong việc nắm bắt tình hình thời sự chính trị trong nước và quốc tế, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, văn nghệ, khoa học, công nghệ và mọi mặt của đời sống xã hội.

Công tác *chính sách xã hội* đạt nhiều kết quả tích cực. Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên rà soát, bổ sung, kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng được thụ hưởng. Việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công và thân nhân người có công được các ngành, các cấp triển khai đầy đủ, kịp thời; đã quan tâm đúng mức đến chế độ chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, ưu đãi trong giáo dục - đào tạo và dạy nghề, tạo việc làm. Việc thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho người có công với cách mạng kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ. Nghĩa trang liệt sĩ, các công trình tri ân liệt sĩ được nâng cấp, tôn tạo. Công tác tìm kiếm và quy tập hài cốt liệt sĩ về an táng tại các nghĩa trang trong tỉnh được triển khai tích cực.

Với sự chung tay, góp sức của cả cộng đồng, quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” đạt kết quả tích cực, góp phần chăm lo tốt hơn các đối tượng có công với cách mạng. Các phong trào “Chung tay chăm sóc nghĩa trang”, “Xây dựng nhà tình nghĩa”, “Phụng dưỡng Bà mẹ

Việt Nam Anh hùng”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ” tiếp tục được duy trì, đi vào chiều sâu, có hiệu quả thiết thực, đời sống người có công ổn định và từng bước được cải thiện.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể thường xuyên chỉ đạo triển khai, thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội như tạo việc làm, giảm nghèo, ưu đãi người có công, giáo dục, đào tạo, y tế, trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đời sống các đối tượng chính sách được cải thiện rõ rệt, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội ở địa phương, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm. Chương trình mục tiêu việc làm giai đoạn 2006-2010 triển khai thực hiện tích cực, bình quân giải quyết việc làm mới cho hơn 8.500 người/năm. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% năm 2006 xuống còn 4,45% năm 2010. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực (trọng tâm là đào tạo nghề cho người lao động) giai đoạn 2007-2015 đạt được những kết quả đáng kể, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 32% năm 2010; trong đó, đào tạo nghề đạt 23,5%.

Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh giai đoạn 2006-2010 được tích cực triển khai thực hiện và mang lại hiệu quả. Tỉnh Quảng Trị đã thực hiện tốt chính sách cho hộ nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi; miễn giảm viện phí cho người nghèo, miễn giảm học phí và các khoản đóng góp cho học sinh nghèo; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và các chính sách hỗ trợ sản xuất cho các gia đình bị thiệt hại do thời tiết, dịch bệnh. Đặc biệt, sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu, Quảng Trị đã hoàn thành Đề án Xây dựng nhà ở cho đồng bào nghèo dân tộc thiểu số theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh với 5.385 ngôi nhà được xây dựng. Đây là một nỗ lực rất lớn của tỉnh Quảng Trị trong điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Đến năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 13%<sup>1</sup>; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trung bình đạt 3,3%/năm. Thu nhập của người dân tăng lên rõ rệt, nhất là ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ được sử dụng nước hợp vệ sinh ở các vùng nông thôn tăng từ 60,5% năm 2006 lên 80% năm 2010; trong đó, khu vực các xã miền núi tăng từ 40,5% năm 2006 lên 76,62% năm 2010.

---

1. Theo chuẩn mới.

*Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường:*  
Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các cấp, các ngành đã đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tập trung thanh tra, kiểm tra và xử lý 11/12 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn. Hoạt động giám sát, quan trắc về môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm, các khu vực nhạy cảm, xung yếu và các khu công nghiệp được chú trọng.

Công tác thu gom, xử lý chất thải y tế, cấp nước sinh hoạt được quan tâm và triển khai thực hiện có hiệu quả. Đến năm 2010, tỷ lệ chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt 90% (tăng 10% so với năm 2005); tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 75% (tăng 48% so với năm 2005); tỷ lệ dân thành thị được sử dụng nước sạch đạt 72,6% (kế hoạch là 95%); tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 65,3% (kế hoạch là 75%).

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên được tăng cường; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006-2010 được phê duyệt; hoàn thành việc lập bộ hồ sơ địa chính cho 102/141 xã, phường, thị trấn trong tỉnh; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ bản hoàn thành.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, đời sống nhân dân Quảng Trị giai đoạn 2005-2010 từng bước được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,5 triệu đồng/năm (năm 2005) lên 16 triệu đồng/năm (năm 2010). Tình trạng thiếu đói giáp hạt hàng năm cơ bản được giải quyết. Bộ mặt nông thôn, miền núi ngày càng khởi sắc; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm; hơn 90% số xã có công trình thủy lợi nhỏ; 100% số xã có trạm y tế, 100% số xã có trường tiểu học; 81,3% số xã có trường trung học cơ sở; 58% số xã có chợ xã/liên xã; 88% số xã có bưu điện văn hoá xã; 99% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; 82% số hộ ở khu vực nông thôn sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.

### **3. Tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Thời gian từ năm 2005 đến năm 2010, tình hình an ninh chính trị cả nước nói chung và Quảng Trị nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp. Nhiều thông tin, tài liệu có nội dung xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước tán phát hoặc lan truyền trên mạng xã hội. Một số loại tội phạm như cướp giật, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích, hành xử

côn đồ, chống người thi hành công vụ có chiều hướng gia tăng; đáng chú ý là đã xuất hiện tội phạm kinh tế có yếu tố nước ngoài, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Mặt khác, từ cuối năm 2007, nhất là từ giữa năm 2008, tình hình kinh tế vĩ mô của đất nước có những biểu hiện xấu, lạm phát tăng cao, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra, đình công ở các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khiếu kiện của nông dân về đất đai gia tăng. Tham nhũng, lãng phí và suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Các thế lực thù địch tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta dưới các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo”, kích động bạo loạn, lật đổ, đẩy mạnh “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy nội bộ ta “tự diễn biến”... đã tác động không nhỏ đến tình hình trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng - an ninh.

Quản triệth nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Quảng Trị luôn coi trọng lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường tiềm lực cho quốc phòng - an ninh. Đã tập trung chỉ đạo, quán triệth và thực hiện các chương trình hành động về

chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh được chú trọng. Nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo quy định được thực hiện nghiêm túc. Năng lực chỉ đạo, quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh của cán bộ các cấp, các ngành được nâng lên. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc và bảo vệ an ninh trật tự thôn, bản” đạt kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Các lực lượng Quân đội, Công an, Bộ đội biên phòng thường xuyên rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đã tham mưu kịp thời cho cấp ủy, chính quyền, đồng thời phối hợp với các cấp, các ngành triển khai tích cực nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn toàn tỉnh. Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân được tăng cường. Thường xuyên nắm chắc tình hình, duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ

giữa lực lượng Quân đội, Công an, Bộ đội biên phòng trên địa bàn; tổ chức, thực hiện tốt các phương án chống địch xâm nhập, cài cắm, móc nối, chống phá; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới, biển, đảo. Các công trình quốc phòng, khu căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, các khu vực phòng thủ của tỉnh, huyện và thị xã tiếp tục được xây dựng ngày càng vững chắc. Thế trận khu vực phòng thủ ngày càng liên hoàn; tiềm lực quốc phòng được củng cố và tăng cường. Đặc biệt, tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với Quân khu IV tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Quảng Trị năm 2006 (QT-06) được Quân khu IV đánh giá đạt loại giỏi, có mặt xuất sắc. Công tác tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện và diễn tập phòng, chống bão lụt đạt kết quả tốt. Hoạt động xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn, cụm an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu và an ninh trật tự có hiệu quả thiết thực, góp phần củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Chương trình phối hợp giữa các lực lượng vũ trang, các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn với các ngành, đoàn thể, nhất là trong công tác dân vận đem lại kết quả tốt, góp phần xây dựng cơ sở chính trị, củng cố “thế trận lòng dân”, phòng, chống các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị. Công tác

tuyên truyền, giáo dục kiến thức quốc phòng - an ninh được triển khai sâu rộng. Công tác tuyển chọn, gọi thanh niên nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu với chất lượng tốt; đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công tác hậu phương quân đội được thực hiện nghiêm túc, chu đáo. Lực lượng vũ trang, các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn phối hợp làm tốt công tác dân vận, xây dựng cơ sở chính trị, giữ vững ổn định từ cơ sở.

Trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, Tỉnh ủy đã tổ chức quán triệt nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 14/10/2006 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh, trong đó tập trung nghiên cứu, giới thiệu sâu các nội dung về âm mưu, thủ đoạn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; ban hành Chương trình hành động số 48-CTHĐ/TU ngày 10/12/2007 về thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 3/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, các đảng bộ trực thuộc đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đến các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và tuyên truyền

trong nhân dân nhằm huy động tổng hợp sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm ổn định chính trị trên địa bàn.

Lực lượng Công an nhân dân đã thể hiện tốt vai trò tham mưu, nòng cốt cho cấp ủy đảng và chính quyền; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng hữu quan trong việc giữ gìn an ninh chính trị, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh có hiệu quả trong phản bác các quan điểm sai trái, các luận điệu xuyên tạc của số đối tượng cơ hội chính trị, số bất mãn, phản động trong nước và các thế lực thù địch bên ngoài. Đã phát hiện, vô hiệu hóa nhiều hoạt động tán phát tài liệu phản động gửi từ nước ngoài về, ngăn chặn một số trang web, blog chuyển tải những nội dung chống phá Đảng, Nhà nước. Các cơ quan làm công tác tư tưởng, truyền thông đã thực hiện đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, bảo vệ đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, chống sự chia rẽ, tấn công chính trị của số đối tượng phản động trong nước, góp phần làm rõ các quan điểm của Đảng về dân chủ, về an ninh tôn giáo, nhân quyền, về các vấn đề biên giới, biển, đảo, đặc biệt là vấn đề Biển Đông. Tăng cường thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định về quan hệ, tiếp xúc với cá

nhân và tổ chức nước ngoài. Phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề về chính trị nội bộ, không để kẻ địch lợi dụng chia rẽ, phá hoại nội bộ. Từng bước chấn chỉnh và xử lý theo quy định những người tiết lộ bí mật nhà nước; viết, tán phát, lưu truyền, phổ biến các quan điểm sai trái.

Các cơ quan, ban, ngành, các lực lượng chức năng đã tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cấp nhiều chủ trương, biện pháp nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, bảo vệ an toàn các hoạt động chính trị, kinh tế diễn ra trên địa bàn tỉnh. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan, ban, ngành liên quan quan tâm giải quyết quyền lợi, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, của các tổ chức tôn giáo một cách thỏa đáng. Công tác vận động quần chúng, tranh thủ người có uy tín trong cộng đồng khu dân cư, già làng, trưởng bản, chức sắc trong tôn giáo được chú trọng, góp phần phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

Công tác bảo vệ nội bộ được tăng cường bằng việc quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ; chủ động đối phó và ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động lợi dụng hợp tác, đầu tư để thâm nhập, tác động phá hoại nội bộ, thu thập tin tức

tình báo... Đấu tranh có hiệu quả với số đối tượng chống đối cực đoan, ngăn chặn móc nối, liên kết trong - ngoài, tập hợp lực lượng, kích động biểu tình, bạo loạn, gây rối, tạo cơ cho bên ngoài lợi dụng can thiệp chống phá về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo.

Hoạt động hợp tác quốc tế với các lực lượng chức năng tỉnh Savannakhet, Salavan (Lào) trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, đặc biệt là bảo vệ an ninh biên giới, đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, phòng, chống khủng bố ngày càng hiệu quả.

Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đã phát huy sức mạnh của toàn xã hội, góp phần giữ vững kỷ cương pháp luật, xây dựng môi trường sống lành mạnh. Công tác điều tra, xử lý tội phạm ngày càng hiệu quả. Điều tra, khám phá 4.209/5.262 vụ, đạt tỷ lệ trên 80%, trong đó có hàng trăm vụ án lớn về kinh tế, hình sự, ma túy; bóc gỡ nhiều đường dây, ổ nhóm tội phạm nghiêm trọng; giải quyết được nhiều vụ án tồn đọng kéo dài gây bức xúc trong dư luận xã hội. Công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm được thực hiện nghiêm minh, không bỏ lọt tội phạm, tạo lòng tin trong nhân dân. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm soát

trên các tuyến giao thông và địa bàn trọng điểm, phức tạp luôn bảo đảm. Đặc biệt, các lực lượng đã khai thác, sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, góp phần kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm.

Công tác phòng, chống ma túy theo tinh thần Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 58-CTHĐ/TU ngày 15/5/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được đẩy mạnh. Đi cùng với nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Luật phòng, chống ma túy và những tác hại của ma túy; các cơ quan chức năng tăng cường phối hợp, đẩy mạnh công tác rà soát, nắm tình hình, tập trung lực lượng xác lập nhiều chuyên án đấu tranh với các đường dây vận chuyển, tàng trữ và buôn bán ma túy có số lượng lớn; triệt phá các tụ điểm phức tạp về buôn bán và nghiện hút ma túy. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về phòng, chống và kiểm soát ma túy với các tổ chức quốc tế, các nước, nhất là các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây và các tỉnh bạn Lào có chung đường biên giới với tỉnh Quảng Trị được tăng cường; công tác phối hợp phòng ngừa tội phạm ma túy được đẩy mạnh, tranh thủ được nguồn lực, kinh nghiệm để đấu tranh chống ma túy từ xa hiệu quả.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có những bước phát triển mới. Qua phong trào, quần chúng nhân dân đã cung cấp cho cơ quan chức năng gần 2.000 nguồn tin có giá trị, giúp điều tra, làm rõ và tham mưu cấp ủy, chính quyền xử lý kịp thời hàng trăm vụ việc. Từ 5 loại mô hình phòng, chống tội phạm được xây dựng và phát động ở 35 xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp năm 1998 thì đến năm 2010 có 14 loại mô hình ở 160 xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, trường học. Các mô hình đã góp phần kiềm chế tội phạm và tệ nạn xã hội, hạn chế tình trạng mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nhân dân, nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân về nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự, thúc đẩy các phong trào cách mạng ở các địa phương, cơ quan, doanh nghiệp phát triển. Nhiều mô hình cũ và mới được duy trì, nhân rộng phát huy hiệu quả tốt như: Mô hình “Làng không có tội phạm và tệ nạn xã hội nghiêm trọng”, “Khu dân cư, trường học không có tội phạm”, “Xứ, họ đạo bình yên”, “Niệm Phật đường kiểu mẫu”, “Cơ quan, doanh nghiệp, trường học an toàn về an ninh trật tự” ở nhiều địa phương đã nâng tầm các mô hình phòng, chống tội phạm lên thành mô hình chỉ đạo toàn diện.

### III. PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

#### 1. Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Quán triệt quan điểm “xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã chỉ rõ: Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ vững mạnh trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư tưởng, chính trị, bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Kiên quyết khắc phục những biểu hiện mất đoàn kết, cục bộ, bè cánh, cá nhân chủ nghĩa trong tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Sau Đại hội, các cấp ủy, các ban cán sự Đảng, đảng đoàn bổ sung quy chế làm việc, quy chế phối hợp hoạt động, xây dựng nhiều chương trình, đề án cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội trên các lĩnh vực: phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội vùng nông thôn; xây dựng cơ sở đảng

trong sạch, vững mạnh; quy hoạch, đào tạo cán bộ; hướng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể về cơ sở. Trong giai đoạn 2005-2010, toàn Đảng bộ tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, gắn với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

*Công tác chính trị, tư tưởng* được đổi mới và chú trọng hơn. Nhiệm vụ giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tập trung vào việc nghiên cứu, quán triệt gắn với xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Trung ương, các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hình thức tuyên truyền cổ động trực quan góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng được coi trọng, xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các cấp ủy đảng. Từ đó, tăng cường sự thống nhất về tư

tưởng, chính trị trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Nhiều tổ chức đảng và đảng viên đã trưởng thành hơn về tư duy lý luận cũng như năng lực lãnh đạo công tác xây dựng Đảng. Công tác tổng kết, sơ kết theo chuyên đề được chú trọng từ đó tiếp tục đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện sát với tình hình của địa phương.

Các cấp ủy đảng thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, diễn biến tư tưởng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy đảng trong việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, thực hiện tốt kỷ luật phát ngôn, bảo vệ bí mật của Đảng và đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, phản bác các quan điểm sai trái, các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, chủ động phòng ngừa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng.

Năm 2006, Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được phát động trong toàn Đảng, toàn dân. Hưởng ứng chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy tổ chức phát động và xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Cuộc vận động đến cơ sở, các cấp, các ngành bằng nhiều hình thức như: thi kể

chuyện về tấm gương đạo đức của Bác; gặp mặt, giao lưu những điển hình tiêu biểu làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tổ chức cho cán bộ, công chức, đảng viên, hội viên, đoàn viên viết thu hoạch, liên hệ bản thân để đề ra phương hướng phấn đấu trong thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, vô cảm trong công tác và cuộc sống. Các cấp ủy triển khai các hoạt động kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tổ chức hội nghị biểu dương điển hình tiêu biểu “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tạo phong trào thi đua sâu rộng ở mỗi địa phương, đơn vị. Từ năm 2006 đến năm 2010, toàn tỉnh có 592 tập thể, 1.461 cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được biểu dương. Phong trào gia đình treo ảnh Bác Hồ nơi trang trọng; trụ sở cơ quan, đơn vị có khẩu hiệu hành động làm theo gương Bác được đẩy mạnh. Có trên 80% số hộ gia đình thờ ảnh Bác, 85% số hộ gia đình treo cờ Tổ quốc dịp lễ, Tết; nhiều cơ quan, đơn vị tổ chức chào cờ vào thứ 2 hằng tuần, viết nhật ký làm theo tấm gương đạo đức của Bác để động viên, phấn đấu. Điển hình trong phong trào là các Đảng bộ Vĩnh Linh, Hải Lăng, Hướng Hoá, thị xã Quảng Trị, huyện đảo Cồn Cỏ, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh.

Nhận thức, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của đa số cán bộ, đảng viên, nhân dân được nâng lên; nhất là nâng cao ý thức trách nhiệm, sự tận tụy đối với công việc, ý thức phục vụ nhân dân, tinh thần khắc phục vượt qua khó khăn, gian khổ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; ý thức tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, giữ gìn, bảo vệ tài sản của Nhà nước; ý thức tổ chức kỷ luật; xây dựng lối sống trung thực, khiêm tốn, giản dị; yêu thương nhân dân, thương yêu đồng chí, đồng đội; phát huy tinh thần đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực.

Công tác giáo dục lý luận chính trị được quan tâm thực hiện. Trường Chính trị Lê Duẩn và trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị, thành phố được củng cố và tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên. Từ năm 2006 đến năm 2010, đã mở được 658 lớp với 46.052 học viên<sup>1</sup>, bao gồm 41 lớp trung cấp, sơ cấp lý luận chính trị, 174 lớp nhận thức về Đảng, 105 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên mới, 29 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cơ sở, 226 lớp bồi dưỡng chuyên đề các tổ chức, đoàn thể như Mặt

---

1. Tổng hợp từ số liệu báo cáo kết quả công tác giáo dục lý luận chính trị giai đoạn 2006-2010.

trận, Hội Cựu chiến binh, Nông dân, Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Công đoàn, trưởng thôn, trưởng bản, 83 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí cấp ủy viên, báo cáo viên đã tổ chức hàng trăm buổi thông tin thời sự, nói chuyện, đối thoại cho đông đảo cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên tham dự; từ đó góp phần làm tốt công tác tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công tác, công vụ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thông qua việc đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã góp phần vào việc giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và toàn xã hội. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và công cuộc đổi mới; đồng thuận, phấn khởi thực hiện các phong trào cách mạng của địa phương.

*Công tác tổ chức cán bộ tiếp tục được đổi mới, có những chuyển biến tích cực.* Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, việc củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở được các cấp ủy quan tâm. Đã triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của

Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, tạo ra bước chuyển biến mới trong tổ chức và hoạt động trong hệ thống chính trị các cấp.

Chỉ đạo thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII, nhiệm kỳ 2007-2012<sup>1</sup> và bầu cử Hội đồng nhân dân huyện đảo Côn Cỏ. Tập trung chỉ đạo hoàn thành việc sáp nhập tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các phòng, ban cấp huyện theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa X, Nghị quyết Trung ương 5 khóa X và Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008, Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ. Sau kiện toàn, sắp xếp lại, cấp tỉnh còn 25 cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó có 19 cơ quan chuyên môn, 2 cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 4 đơn vị sự nghiệp, giảm 7 cơ quan (gồm 6 cơ quan chuyên môn, 1 đơn vị sự nghiệp giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ); cấp huyện: có 110 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, giảm được 13 cơ quan. Đây là bước tiếp theo quan trọng trong kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Sau khi được kiện toàn, cấp ủy đảng các cấp kịp thời tham

---

1. Năm 2009, Quốc hội đã quyết định rút ngắn nhiệm kỳ này thành 2007-2011.

mu, thực hiện bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động, làm việc của cấp ủy và của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị; chuyển giao các tổ chức đảng cho các đơn vị sáp nhập theo địa giới hành chính tại thị xã Quảng Trị.

Các cấp ủy đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc kiện toàn, sắp xếp, tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động. Đã triển khai thực hiện thí điểm Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tại 1 huyện và 11 xã, phường, thị trấn; triển khai thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân ở 7 huyện, 13 phường; kiện toàn, bổ sung kịp thời cấp ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ các cấp khuyết trong nhiệm kỳ.

Công tác quản lý cán bộ tiếp tục có những đổi mới về phương pháp và nội dung. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã từng bước cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc quản lý cán bộ bằng các quy định và quy chế cụ thể. Công tác cán bộ được tiến hành ngày càng bảo đảm quy trình, công khai, dân chủ, chặt chẽ hơn, phát huy vai trò của các tổ chức, người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đã phân cấp mạnh hơn công tác quản lý cán bộ theo hướng tăng trách nhiệm và

quyền hạn cho cấp dưới. Công tác bố trí, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện hợp lý và đúng quy định. Qua rèn luyện trong thực tiễn kết hợp làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bố trí sử dụng, đội ngũ cán bộ của tỉnh cơ bản vững vàng về chính trị, trình độ, năng lực công tác, có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu vị trí công tác được phân công.

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày 2/10/2006 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong tỉnh giai đoạn 2006-2015. Các cấp ủy đảng đã hoàn thành xây dựng và bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2010-2015. Trên cơ sở đó, nhiều cấp ủy đảng đã chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, điều động, luân chuyển và thực hiện chính sách cán bộ; đồng thời chuẩn bị tốt đội ngũ kế cận, khắc phục được một bước tình trạng hẫng hụt về cán bộ. Kết quả quy hoạch cán bộ đã tạo cơ sở xây dựng và thực hiện tốt hơn kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, đề bạt cán bộ.

Trong nhiệm kỳ 2005-2010, đã thực hiện luân chuyển 194 đồng chí lãnh đạo, quản lý các ngành, các

cấp từ tỉnh đến cơ sở. Những đồng chí cán bộ được luân chuyển đều hoàn thành nhiệm vụ, nhiều đồng chí trưởng thành, đảm nhận chức vụ cao hơn.

Ngày 01/4/2009, đồng chí Nguyễn Viết Nên, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nghỉ hưu; đồng chí Lê Hữu Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được Bộ Chính trị phân công giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

Tại kỳ họp thứ 17 ngày 10/6/2009, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V, đồng chí Lê Hữu Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Cường - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 16/6/2009, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu đồng chí Nguyễn Đức Cường, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Trong nhiệm kỳ, 6 đồng chí được Ban Bí thư chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, 3 đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy thay thế các đồng chí nghỉ hưu hoặc chuyển công tác<sup>1</sup>. Công

---

1. Gồm các đồng chí: Ngô Văn Tiếu, Lê Hữu Thắng và Lê Công Dung.

tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượng cán bộ đăng ký đi học lý luận chính trị ngày càng tăng. Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh đã cử hàng trăm cán bộ đi đào tạo các lớp cao cấp, cử nhân chính trị, cử nhân chuyên ngành công tác xây dựng Đảng tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Đề án 165 của Ban Tổ chức Trung ương; hàng nghìn cán bộ được học trung cấp lý luận chính trị. 5.556 lượt cán bộ, công chức đi bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng - an ninh, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học và các loại hình nghiệp vụ khác. Chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên. Hầu hết cán bộ, đảng viên thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng; tích cực học tập, nghiên cứu nâng cao năng lực công tác và từng bước đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được chú trọng. Các cấp ủy đã ban hành nhiều văn bản và tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Hầu hết các tổ chức cơ sở đảng có chuyển biến tích cực; nhận thức rõ hơn về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và các mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; từng bước sắp xếp các loại

hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với tình hình mới. Tích cực triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố các chi bộ, đảng bộ trực thuộc ở những địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa; những nơi có biểu hiện nội bộ mất đoàn kết; khắc phục các biểu hiện quan liêu, xa dân. Đã có nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở khắc phục được yếu kém; nhiều chi bộ, đảng bộ từ danh hiệu khá vươn lên đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh và thu hẹp địa phương, đơn vị không có tổ chức đảng, đảng viên.

Công tác đảng viên tiếp tục được chú trọng, vừa đáp ứng yêu cầu chung, vừa kịp thời giải quyết những vấn đề cụ thể trên cả 3 mặt: quản lý, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng. Nhiều cấp ủy đảng đã có các giải pháp phù hợp để phát triển đảng viên, nhất là ở những vùng trọng yếu, vùng đồng bào có đạo và những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên. Số lượng đảng viên kết nạp mới hàng năm đều tăng, tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên, nữ, trí thức ngày càng cao. Từ năm 2006 đến năm 2010, toàn tỉnh đã kết nạp được 7.500 đảng viên (vượt 50% chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra), đưa tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên trên 32.000 đồng chí. Việc đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên hàng năm ngày càng chặt chẽ, nghiêm túc, thực

chất hơn, giảm dần bệnh hình thức và chạy theo thành tích. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 75%. Các cơ quan, đơn vị đều thực hiện giới thiệu đảng viên về sinh hoạt ở nơi cư trú, tạo mối liên hệ mật thiết và có trách nhiệm với địa phương.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ luôn được chú trọng, thường xuyên rà soát, phát hiện, giải quyết kịp thời những cán bộ, đảng viên có liên quan đến chính trị nội bộ và lịch sử chính trị theo quy định; giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng, chủ động ngăn ngừa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng; thẩm tra, xác minh hồ sơ cán bộ diện cấp ủy quản lý trước khi đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm; thẩm định hồ sơ kết nạp đảng viên; giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại, xác minh, minh oan cho cán bộ, đảng viên kịp thời, đúng quy định và thẩm quyền. Công tác rà soát, thẩm định, thẩm tra, xác minh về chính trị của cán bộ, đảng viên góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng, hệ thống chính trị.

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị về thí điểm đại hội cấp trên cơ sở bầu bí thư cấp ủy và Thông báo số 210-TB/TW của Bộ Chính trị về thí điểm đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng tập

trung chỉ đạo, làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên. 16 đảng bộ cơ sở được chọn thực hiện thí điểm đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; chọn Đảng bộ huyện Hải Lăng và Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện thí điểm Đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy. Các đơn vị được chọn thí điểm đã làm tốt công tác chuẩn bị, chủ động rà soát các công việc; những khó khăn, hạn chế, bất cập được tập trung tháo gỡ. Các đại hội thực hiện thí điểm đã được tổ chức thành công, trong đó có nội dung nhân sự. Ở các địa phương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân và thí điểm Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, các nhiệm vụ chính trị của địa phương vẫn tiếp tục được thực hiện hoàn thành tốt; bộ máy được tổ chức, kiện toàn, bổ sung theo yêu cầu thí điểm và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*Công tác kiểm tra, giám sát:* Quán triệt Quyết định số 25-QĐ/TW ngày 24/11/2006 của Bộ Chính trị ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong chương VII, VIII Điều lệ Đảng khóa X, Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 30/7/2007 của Hội nghị Trung ương 5 khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của

Đảng, nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát được nâng lên rõ rệt, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện, góp phần ổn định tình hình, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Hàng năm, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đều xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát; đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; tập trung vào việc kiểm tra, giám sát thực hiện chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công tác kiểm tra, giám sát được tổ chức triển khai có trọng tâm, trọng điểm, bám sát sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ủy ban Kiểm tra Trung ương; đồng thời, phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Bình quân hàng năm, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra, giám sát 427 tổ chức đảng, trong đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát 28 tổ chức đảng. Việc thi hành kỷ luật trong Đảng bảo đảm nghiêm minh, chính xác, kịp thời. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban kiểm tra các cấp đã xử lý 29 tổ chức đảng,

895 đảng viên vi phạm kỷ luật đảng. Công tác kiểm tra, giám sát đã góp phần quan trọng trong việc uốn nắn, chấn chỉnh, cảnh báo, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra khuyết điểm, vi phạm.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên được cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng quy định, quy trình. Đã tiếp nhận và giải quyết 144 thư tố cáo liên quan đến 12 tổ chức đảng và 132 đảng viên; giải quyết khiếu nại, kỷ luật 23 đảng viên.

*Công tác dân vận* có nhiều chuyển biến tích cực. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình hành động liên quan trực tiếp đến công tác dân vận. Đã tổ chức nhiều cuộc kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác vận động quần chúng. Nội dung, nhiệm vụ công tác dân vận của Đảng ngày càng toàn diện, thiết thực hơn. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai thực hiện trong hệ thống dân vận cấp ủy. Các cấp ủy đã tăng cường đổi mới phương thức hoạt động, có giải pháp sát đúng, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, góp phần giải quyết các nguyện vọng, những bức xúc trong nhân

dân, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, chính quyền với nhân dân.

Phương thức và nội dung lãnh đạo của các cấp ủy đảng tiếp tục được đổi mới. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị; các cấp ủy đảng đã xây dựng, ban hành nhiều quy chế, quy định, xác định rõ nguyên tắc, cơ chế, mối quan hệ trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đã tăng cường và bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội với phương châm “không buông lỏng, nhưng không bao biện làm thay”, phát huy tốt vai trò của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nhất là trong việc bàn và quyết định các chủ trương và giải pháp của cấp ủy các cấp.

Công tác vận động quần chúng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng bộ tỉnh coi trọng, triển khai sâu rộng ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới về nội dung, phương thức, cơ bản đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên; hướng về

cơ sở, cùng với Đảng, chính quyền thực hiện các mô hình “*Dân vận khéo*”, lồng ghép những nội dung hoạt động các phong trào, các cuộc vận động. Vận động nhân dân tham gia thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời phản ánh kịp thời ý kiến của quần chúng nhân dân với Đảng và chính quyền; chủ động tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Tổ chức hiệp thương và vận động cử tri đi bầu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đạt kết quả cao, thực hiện tốt các cuộc tiếp xúc cử tri để phản ánh nguyện vọng của nhân dân đối với Đảng, chính quyền; tích cực vận động đoàn viên, hội viên phát huy dân chủ tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng và thực hiện pháp luật, duy trì các hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội.

## **2. Tăng cường xây dựng, củng cố chính quyền**

Công tác xây dựng, củng cố chính quyền các cấp được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo; coi trọng việc xây dựng chính quyền thực sự là chính quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy đảng luôn nâng cao nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,

chính quyền thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế và đời sống xã hội; giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân.

Giai đoạn 2005-2010, Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường các ban làm việc chuyên trách và bộ máy giúp việc; đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng góp phần thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đề ra. Các nghị quyết ban hành phù hợp với tình hình thực tế địa phương, tính khả thi cao, tạo được niềm tin trong nhân dân.

Hoạt động giám sát được thực hiện thường xuyên tại các kỳ họp, giữa hai kỳ họp, giám sát chuyên đề, tổ chức đối thoại với các cơ quan nhà nước và cử tri... Đặc biệt thực hiện quy định lấy phiếu tín nhiệm những người do Hội đồng nhân dân bầu đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và tinh thần trách nhiệm trước nhân dân của đại biểu dân cử có chức vụ.

Chính quyền các cấp tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của địa phương trong từng thời kỳ, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành; kịp thời thể chế hóa các chủ

trương, nghị quyết của cấp ủy, Hội đồng nhân dân cùng cấp và của cấp trên, quyết định những vấn đề mới phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của yêu cầu hội nhập và đòi hỏi của xã hội, tạo bước chuyển biến mới trên nhiều lĩnh vực.

Cơ cấu, tổ chức bộ máy Ủy ban nhân dân các cấp từng bước được kiện toàn, củng cố, hiệu lực, hiệu quả hoạt động được nâng lên. Các cơ quan chuyên môn được sắp xếp, điều chỉnh, thu gọn đầu mối theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; chức năng, nhiệm vụ được rà soát, phân định rõ ràng hơn, giảm chồng chéo. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước cho ngành và chính quyền cấp dưới, nhằm tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của cơ sở và đề cao vai trò người đứng đầu. Ứng dụng tin học vào quản lý nhà nước được thực hiện rộng rãi. Triển khai thực hiện đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh luôn thể hiện vai trò, trách nhiệm, có nhiều đổi mới phương thức hoạt động. Hằng năm, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tổ chức từ 5 đến 7 nội dung giám sát và 15 đến 20 cuộc hội thảo để lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân, các cấp, các

ngành đóng góp vào các dự án luật. Thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của cử tri; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; làm tốt vai trò cầu nối giữa nhân dân trong tỉnh với Quốc hội, Chính phủ...; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Về tổ chức, sau khi đồng chí Nguyễn Thị Thùy My, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nghỉ hưu, từ tháng 7/2007, đồng chí Phạm Đức Châu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, nhiệm kỳ 2007-2011.

Công tác cải cách hành chính đã có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là việc thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong những khâu có nhiều bức xúc, liên quan nhiều đến người dân và doanh nghiệp; rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính; tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng nhằm thu hút đầu tư trên địa bàn. Đến năm 2010, đã có 16/21 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (Công an, Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan, Kho bạc Nhà nước), 9/10 huyện, thành phố, thị xã và 141/141 xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”.

Công tác kiểm tra, giám sát, điều tiết thị trường, tạo sự ổn định cho nền kinh tế; nhất là các hoạt động bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh, bình ổn thị trường như: chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, trốn thuế, buôn lậu; bảo vệ người tiêu dùng thông qua ban hành và kiểm tra thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo vệ sản xuất nội địa, các quy định về thương hiệu, nhãn mác, quyền sở hữu trí tuệ thường xuyên được tiến hành. Thực hiện các biện pháp điều hòa cung cầu thị trường, chống đầu cơ tăng giá, nhất là trong các thời kỳ cao điểm, Tết Nguyên đán. Thực hiện các biện pháp kích cầu tiêu dùng thông qua các giải pháp về đầu tư, tăng chi tiêu của Nhà nước, khuyến khích đầu tư xã hội.

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo giải quyết từ cơ sở nên đã hạn chế đơn, thư vượt cấp, khiếu kiện đông người. Chính quyền các cấp đã thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết dứt điểm, không để kéo dài các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, điển hình là vụ đổi tên làng Đơn Duệ (xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh).

Tổ chức và hoạt động tư pháp có nhiều đổi mới. Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005

của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, công tác cải cách tư pháp đã được các cấp ủy đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, chặt chẽ, đúng lộ trình. Hệ thống tổ chức được sắp xếp, kiện toàn phù hợp với yêu cầu tăng thẩm quyền xét xử của tòa án cấp huyện theo định hướng cải cách tư pháp. Nhận thức và sự quan tâm của các cấp, các ngành đối với công tác tư pháp có sự chuyển biến tích cực. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong khối tư pháp ngày càng chặt chẽ hơn; trách nhiệm trong thực thi công vụ và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp được nâng cao. Đội ngũ cán bộ tư pháp được củng cố, kiện toàn; cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị được quan tâm đầu tư. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xử lý tội phạm, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp có nhiều tiến bộ. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý được triển khai tích cực, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân và năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Chất lượng các phiên tòa xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp ngày càng được nâng cao. Việc thụ lý, xét xử, thi hành án bảo đảm đúng luật; hạn chế số

vụ tồn đọng kéo dài; số án sơ thẩm sửa, hủy ngày càng giảm góp phần giữ vững kỷ cương, pháp luật, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí đạt kết quả tích cực. Đã tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến về Luật và những quy định về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí nên nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên, hạn chế sai phạm. Đã thành lập bộ máy chuyên môn và ban hành các quy định để thực hiện tốt hơn nội dung trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác thanh tra, kiểm tra và việc thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng đã góp phần chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót trong quản lý, điều hành tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng.

### **3. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

*Ủy ban Mặt trận Tổ quốc* các cấp trong tỉnh không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động,

thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tổ chức nhiều chương trình hoạt động cụ thể, thiết thực như tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Ngày vì người nghèo”, Chương trình “Xóa nhà ở tạm bợ, dột nát cho người nghèo”, “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc” ở khu dân cư hàng năm; thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quan tâm đến việc triển khai các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giải quyết việc làm. Nhiều phong trào thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia, khơi dậy ý thức chính trị, tạo ra khí thế thi đua mới.

Các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn đạt kết quả tốt. Trong giai đoạn 2005-2010, quỹ “Vì người nghèo” các cấp đã huy động được 68,8 tỷ đồng để hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã chủ động gắn Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với Cuộc vận động

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”... mang lại hiệu quả cao và ngày càng đi vào chiều sâu. Số khu dân cư điển hình tiên tiến tăng lên rõ rệt, chủ trương xóa nhà tạm bợ, dột nát, xây nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo được các địa phương, đơn vị, các tầng lớp nhân dân đóng góp, hưởng ứng tích cực. Đến năm 2010, đã xây dựng mới 6.558 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo trị giá 45,19 tỷ đồng... Ngoài ra hỗ trợ thêm cho 3.396 hộ nghèo xây dựng nhà mới và 2.692 hộ nghèo sửa chữa lại nhà, trị giá hơn 7,5 tỷ đồng. Đã hoàn thành vượt mức 155,8% kế hoạch Đề án “Hỗ trợ xóa nhà ở dột nát, tạm bợ cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh” giai đoạn 2005-2010 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra.

Công tác dân tộc, công tác tôn giáo được Mặt trận các cấp chú trọng, góp phần xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền và nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết trong từng cộng đồng dân cư.

Chiếm 24,7% dân số và 45% lực lượng lao động của tỉnh, *Đoàn Thanh niên tỉnh Quảng Trị* là lực lượng trẻ xung kích trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, tiếp thu khoa học - kỹ thuật mới; xứng đáng là lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng; bổ sung nguồn cán bộ trẻ có chất lượng cho

Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Thực hiện nhiệm vụ được giao, công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi trong tỉnh có những chuyển biến, tiến bộ mới. Hệ thống tổ chức đoàn tiếp tục được kiện toàn, củng cố, phát triển. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được các cấp bộ đoàn triển khai sâu rộng đến đoàn viên, hội viên. Đã xuất hiện nhiều tấm gương đoàn viên, thanh niên điển hình trong sản xuất, kinh doanh, vượt khó vươn lên làm giàu chính đáng. Công tác đoàn tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, được các cấp bộ đoàn thực hiện với nhiều nội dung, giải pháp đồng bộ, xây dựng được quy chế phối hợp với chính quyền thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các kiến nghị đề xuất của đoàn viên thanh niên.

Cùng với việc đầu tư cho công tác giáo dục phổ thông, đào tạo nghề, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh đã phát huy vai trò nòng cốt trong việc tập hợp thanh niên, chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng tổ chức đoàn, hội, đội ngày càng vững mạnh. Tỷ lệ tập hợp thanh niên đạt 80%. Phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, phong trào “4 đồng hành cùng thanh niên lập nghiệp” được thanh niên tích cực hưởng ứng tham gia. Đoàn Thanh niên đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa

như đỡ đầu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vận động xây dựng gần 100 nhà tình nghĩa, nhà tình thương, trị giá 1,5 tỷ đồng, đẩy mạnh phong trào thanh niên tình nguyện, uống nước nhớ nguồn, vận động 100.000 ly nến tri ân ở các nghĩa trang liệt sĩ trong tỉnh, tổ chức hàng trăm công trình, phần việc thanh niên làm theo lời Bác.

*Hội Liên hiệp Phụ nữ* tỉnh không ngừng đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng về cơ sở với các chương trình phù hợp với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ. Tổ chức bộ máy các cấp hội thường xuyên được củng cố, kiện toàn, nhất là chi hội, tổ, nhóm ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Đội ngũ cán bộ hội từng bước được chuẩn hóa, có tri thức, năng động, sáng tạo, gắn bó với cơ sở. Nhiều cán bộ hội trưởng thành, được đề bạt vào vị trí lãnh đạo cơ quan đảng, chính quyền các cấp. Đến năm 2010, tỷ lệ nữ tham gia Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh chiếm 16,6%, tham gia Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đạt 22%, cấp huyện đạt 19,9%, cấp xã đạt 15,9%. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng ở cấp tỉnh đạt 8,16%, cấp ủy đảng ở cấp huyện đạt 12,9%, cấp ủy đảng ở cấp xã đạt 13,3%. Tỷ lệ nữ tham gia ban lãnh đạo ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh là 13,4%, ở các tổ chức chính trị - xã

hội là 29,1%, ở cấp huyện là 22,8%, ở cấp xã là 22%, ở các doanh nghiệp nhà nước (diện Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) là 19,4%.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã bám sát các chương trình công tác trọng tâm của Trung ương Hội, của tỉnh, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực được đông đảo hội viên tham gia, góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hội Liên hiệp Phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở đã gắn kết Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động và sáng tạo xây dựng gia đình hạnh phúc”, xây dựng “Mái ấm tình thương cho phụ nữ nghèo”... được đông đảo hội viên tham gia, tạo khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp trong các tầng lớp phụ nữ. Đặc biệt là đẩy mạnh phong trào “Thực hành tiết kiệm”, chị em giúp nhau xóa đói, giảm nghèo. Hội đã đoàn kết, tập hợp, động viên các tầng lớp phụ nữ phát huy khả năng, trí tuệ tham gia có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh và các nhiệm vụ của Hội đề ra trong sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo; chăm sóc sức khỏe của phụ nữ và trẻ em; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; nuôi dạy con và giữ gìn giá trị văn hóa dân tộc.

Hoạt động *công đoàn* có chuyển biến tích cực. Tổ chức Công đoàn ngày càng được củng cố và phát triển. Hoạt động các cấp công đoàn luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch công tác, phù hợp với đặc điểm tình hình của phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn trong tỉnh. Liên đoàn Lao động tỉnh với phong trào “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo”, “Giải việc nước, đảm việc nhà” trong mỗi cán bộ, công nhân, viên chức lao động; phong trào “Thể dục thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại”, v.v.. xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức “*trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu*”, nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy tài năng sáng tạo nhằm hoàn thành nhiệm vụ trên từng vị trí công tác. Các cấp công đoàn phát huy tốt hơn vai trò tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, giải quyết việc làm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cán bộ chuyên trách; động viên tính chủ động, sáng tạo của công nhân, viên chức và người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả làm việc; quan tâm xây dựng đời sống văn hóa trong công nhân, viên chức và người lao động.

*Hội Nông dân* các cấp đã tích cực tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước, những cơ hội và thách thức trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nông thôn khi Việt Nam là thành viên của WTO theo tinh thần Chỉ thị số 59-CT/TW ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; gắn việc triển khai Chỉ thị số 59-CT/TW với thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đến năm 2010, nông dân tỉnh Quảng Trị chiếm khoảng 70% dân số và 50% lao động xã hội và tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt hội thường xuyên chiếm trên 80% lực lượng nông cốt. Các hội viên nông dân luôn tích cực, gương mẫu đi đầu trong các phong trào, đặc biệt là phong trào "Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi", "Đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng", "Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới", xây dựng nhiều mô hình "Chi hội Nông dân học tập và làm theo lời Bác". Các cấp hội nông dân đã thực hiện có hiệu quả phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Lồng ghép tốt các dự án, chương trình, phong trào hoạt động của nông dân như: khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao khoa học, công nghệ, mở

rộng các hình thức bồi dưỡng kiến thức, đào tạo nghề, khôi phục được thế mạnh của các vùng chuyên canh cây lương thực, rau màu, thực phẩm, cây công nghiệp có giá trị hàng hóa cao; phát triển chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, phát triển kinh tế trang trại; thực hiện các chính sách hỗ trợ nông dân như: chính sách miễn giảm thủy lợi phí, phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, miễn thuế nông nghiệp, hỗ trợ lãi suất cho vay theo các quyết định 443, 479, 457 của Thủ tướng Chính phủ đã góp phần giảm bớt khó khăn, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho nông dân. Đặc biệt chủ trương "*dồn điền đổi thửa*" để đi vào sản xuất chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa được hội viên hưởng ứng tích cực. Đời sống của người nông dân Quảng Trị ngày càng được cải thiện.

*Hội Cựu chiến binh* tỉnh chủ động, tích cực đẩy mạnh xây dựng tổ chức hội vững mạnh. Hội viên nêu cao truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", gương mẫu, đi đầu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, được quần chúng tín nhiệm, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy đảng, chính quyền. Các cấp hội trong tỉnh đã vận động hội viên thi đua đẩy mạnh phong trào "Sáng mãi phẩm chất bộ đội Cụ Hồ", "Nghĩa tình đồng đội", "Làm kinh tế giỏi",

“Xóa đói giảm nghèo”, chú trọng khai thác có hiệu quả từ các nguồn vốn vay phát triển kinh tế, chuyển đổi ngành nghề.

Các tổ chức hội quần chúng không ngừng phát triển về tổ chức, đa dạng về lĩnh vực hoạt động đã tích cực góp phần cùng Nhà nước chăm lo cho công tác giáo dục - đào tạo, làm từ thiện, cứu trợ nhân đạo, giúp đỡ người nghèo, bất hạnh, người gặp nạn trong thiên tai, dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, dịch vụ tư vấn, phản biện xã hội, nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ và góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao...

Kết quả đạt được trong xây dựng, củng cố hệ thống chính trị đã tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được sức mạnh tổng hợp của nhân dân và toàn xã hội thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra.

Từ năm 2006 đến năm 2010, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị không ngừng nỗ lực phấn đấu, đạt được những thành tựu quan trọng và tương đối toàn diện. Năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng được nâng lên; bộ máy chính quyền các cấp được củng cố. Sức mạnh khối đại đoàn kết trong Đảng và toàn dân được

tăng cường. Chính trị, xã hội ổn định. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, huy động vốn đầu tư tăng khá, các thành phần kinh tế đều phát triển; đầu tư có trọng điểm hơn, kết cấu hạ tầng tăng nhanh. Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, đô thị phát triển. Quốc phòng - an ninh không ngừng được tăng cường. Việc thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đạt được những kết quả quan trọng. Nhiều chỉ tiêu quan trọng do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra đã đạt và vượt. Nhân dân tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng; ủng hộ sự nghiệp đổi mới; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Từ những thành tựu trên khẳng định: đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, định hướng và kế hoạch phát triển của tỉnh là đúng đắn và đã đi vào cuộc sống; các giải pháp lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả, sức mạnh toàn dân đã được huy động. Đặc biệt, Đảng bộ tỉnh, trước hết là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tạo được sự đoàn kết, thống nhất cao, vận dụng đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với địa

phương, biết tranh thủ thời cơ, khai thác tiềm năng, lợi thế, vượt qua khó khăn, thách thức để tập trung phát triển kinh tế - xã hội, kịp thời đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cho sự phát triển của tỉnh; kịp thời tìm ra các giải pháp và tổ chức triển khai quyết liệt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh. Trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Quảng Trị còn những hạn chế nhất định như: Chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế chưa cao, thiếu bền vững. Cân đối ngân sách còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quy hoạch chưa bao quát toàn diện, thiếu tính chiến lược dài hạn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Thu hút đầu tư còn khó khăn. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn một số hạn chế, khó khăn; kết quả xóa đói, giảm nghèo thiếu bền vững. Nhiệm vụ phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng - an ninh có nơi, có lúc chưa được thực hiện nghiêm túc. Công tác quản lý, điều hành của các cấp chính quyền còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính chuyển biến chưa mạnh. Công tác cải cách tư

pháp còn một số nội dung thực hiện chậm. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ và vững chắc. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu ở một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu. Giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thực sự chủ động, sức thuyết phục chưa cao. Kết quả làm theo trong thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” chưa rõ nét.

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đạt được trong giai đoạn 2005-2010 không chỉ đánh dấu bước phát triển mới mà còn chứng tỏ năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, cũng như sự lớn mạnh và đoàn kết, nhất trí cao của toàn Đảng bộ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện các mục tiêu để xây dựng Quảng Trị ngày càng phát triển trong các chặng đường tiếp theo.

### *Chương III*

## **ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN (2010-2015)**

### **I. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XV, NHIỆM KỲ 2010-2015**

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 4/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, từ ngày 24 đến ngày 26/9/2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XV được tiến hành tại thành phố Đông Hà với sự tham dự của 331 đại biểu, đại diện cho hơn 32.000 đảng viên của Đảng bộ. Đồng chí Hà Thị Khiết - Bí thư Trung ương Đảng dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; kiểm điểm 5 năm

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010, khẳng định những thành tựu đạt được, chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm; trên cơ sở đó đi sâu phân tích, dự báo tình hình, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển giai đoạn 2010-2015; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV và Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu đạt được và những khuyết điểm, hạn chế sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2010-2015: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; tăng cường hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân; huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn phát triển kinh tế với giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, môi trường, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh; phấn đấu đưa Quảng Trị

phát triển nhanh, bền vững, đến năm 2015, GDP bình quân đầu người gấp hơn 2 lần năm 2010.

Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2015 được Đại hội xác định:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GDP) bình quân 5 năm đạt 12-13%/năm.

Đến năm 2015 cơ cấu kinh tế của tỉnh (theo GDP): công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 43-45%; thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng 34-36%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 20-22%.

GDP bình quân đầu người đạt 34-35 triệu đồng, tương đương 1.650-1.700 USD, gấp hơn 2 lần năm 2010.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tăng trên 17%/năm; năm 2015 đạt 1.700-1.800 tỷ đồng.

Kim ngạch xuất khẩu bình quân tăng 18,6%/năm; năm 2015 đạt 100 triệu USD.

Sản lượng lương thực có hạt năm 2015 đạt 23-23,5 vạn tấn.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm đạt khoảng 45.000 tỷ đồng.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,5-3%/năm.

Tạo việc làm mới cho trên 9.500 lao động/năm; trong đó tạo việc làm mới tại địa phương trên 7.000 lao động/năm.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%; trong đó, đào tạo nghề đạt trên 33%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 17%.

Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch ở thành thị trên 95%; sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đạt 90%.

Tỷ lệ che phủ rừng đạt xấp xỉ 50%.

Tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh hàng năm đạt trên 75%.

Đến năm 2015 có trên 95% thôn, bản, khu phố có tổ chức đảng.

Tổng số đảng viên được kết nạp trong 5 năm đạt trên 6.500 đảng viên.

Đại hội xác định một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra: Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tích cực đầu tư chiều sâu, gắn với giải quyết các vấn đề nông dân, nông thôn; tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; đẩy mạnh phát triển công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại, vững chắc gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng và hiệu quả các loại hình dịch vụ, tạo bước phát triển mạnh dịch vụ du

lịch; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV gồm 55 đồng chí. Trong đó, có 29 đồng chí tham gia cấp ủy lần đầu, chiếm tỷ lệ 52,7%; tái cử 26 đồng chí chiếm tỷ lệ 47,3%; 4 đồng chí là nữ, chiếm tỷ lệ 7,3%; 2 đồng chí là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 3,6%. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tiến sĩ 1 đồng chí, thạc sĩ 9 đồng chí, cao đẳng, đại học 45 đồng chí. Về độ tuổi: từ 34-40 tuổi 3 đồng chí, chiếm tỷ lệ 5,45%; từ 41-45 tuổi 4 đồng chí, chiếm tỷ lệ 7,27%; từ 46-50 tuổi 18 đồng chí, chiếm tỷ lệ 32,73%; từ 51 tuổi trở lên 30 đồng chí, chiếm tỷ lệ 54,55%. Tuổi bình quân của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV là 50 tuổi, người cao tuổi nhất là 56 tuổi, người trẻ tuổi nhất là 34 tuổi.

Đại hội bầu 11 đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khóa XV, nhiệm kỳ 2010-2015; bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng gồm 15 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 14 đồng chí: Lê Hữu Phúc, Thái Vĩnh Liệu, Nguyễn Đức Cường, Phạm Đức Châu, Nguyễn Đức Chính, Lê Công Dung, Nguyễn Hữu Dũng, Nguyễn Văn Hùng,

Trần Văn Huỳnh, Nguyễn Chí Hướng, Lê Bá Nguyên, Lương Trung Thông, Mai Thúc, Trương Ngọc Ứng. Đồng chí Lê Hữu Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Thái Vĩnh Liệu và đồng chí Nguyễn Đức Cường được bầu lại làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Thái Vĩnh Liệu được phân công làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Đức Cường - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng diễn ra từ ngày 12 đến ngày 19/01/2011. Đại hội xác định mục tiêu tổng quát 5 năm 2011-2015 là: *“Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại<sup>1</sup>”*.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.322.

Tại Đại hội, đồng chí Lê Hữu Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng khóa X, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, nhiệm kỳ 2011-2015.

## II. LÃNH ĐẠO TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH, GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI THỰC HIỆN TIẾN BỘ XÃ HỘI, GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG - AN NINH

### 1. Lãnh đạo tập trung phát triển kinh tế

Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị xây dựng, phát triển nền kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tác động sâu sắc đến nền kinh tế đất nước. Lạm phát tăng, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ ban hành chính sách cắt giảm đầu tư công<sup>1</sup>; tăng cường quản lý ngân sách nhà nước; điều chỉnh chính sách thu lĩnh

---

1. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

hoạt, phù hợp, góp phần tháo gỡ khó khăn của đất nước, tạo sự đồng thuận, tin tưởng trong các tầng lớp nhân dân.

Bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy, quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV: “Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững của nền kinh tế”<sup>1</sup>, cấp ủy, chính quyền các cấp, quân và dân tỉnh Quảng Trị nêu cao ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, phát huy những thuận lợi cơ bản, khắc phục khó khăn vươn lên trong xây dựng và phát triển kinh tế, đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Về sản xuất nông nghiệp, trong giai đoạn 2010-2015, Đảng bộ tỉnh ban hành nhiều chủ trương quan trọng, nhằm khai thác, phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, đưa sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chính quyền các cấp triển khai

---

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015, tr.53. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ, trong đó, trọng tâm là thực hiện quy hoạch sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lại các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; phát triển, hình thành các vùng sản xuất tập trung. Đẩy mạnh chính sách dồn điền, tích tụ ruộng đất, hình thành cánh đồng lớn, tạo thuận lợi cho cơ giới hóa nông nghiệp. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện đồng loạt các chương trình trọng tâm như: ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, khảo nghiệm các giống cây trồng mới, bảo vệ thực vật... Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp của tỉnh phát triển ổn định và khá toàn diện; nông nghiệp và kinh tế nông thôn có những chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa. Tốc độ tăng trưởng giá trị ngành nông, lâm, ngư nghiệp trung bình đạt 3,7%/năm.

Trong sản xuất lương thực, thực phẩm, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Giữ ổn định diện tích lúa nước 2 vụ hiện có, mở rộng vùng lúa chất lượng cao; nâng cao chất lượng và giá trị lương thực hàng hóa. Thực hiện các biện pháp sản xuất an toàn để đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm sạch cho người tiêu dùng. Tổ chức sản xuất nông nghiệp phải gắn với thị trường”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015*, tr.53-54. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và các chủ trương của Tỉnh ủy, ngày 27/7/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án 2021/ĐA-UBND về phát triển một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực của tỉnh giai đoạn 2010-2015 có tính đến năm 2020, hỗ trợ 100% vốn đối với giống lúa chủ lực, giống lúa chất lượng cao cho các hộ nông dân. Chỉ đạo hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao với diện tích trên 12.500 ha ở các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh. Quan tâm đầu tư, nâng cấp, xây mới đồng bộ nhiều công trình kênh, mương thủy lợi lớn: hệ thống đê và thủy lợi vùng lũ Hải Lăng, nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn, Sa Lung, công trình hồ Đá Mài - Tân Kim, hồ Triệu Thượng 1 và 2; nâng cấp, xây mới 371,3 km kênh mương các loại, bảo đảm tưới, tiêu nước chủ động cho gần 40.000 ha lúa đông xuân và lúa hè thu, ngăn mặn và chống lũ tiểu mãn, tiêu úng, cải tạo vùng cát ven biển. Công tác dự báo thời vụ, khuyến nông, bảo vệ thực vật, ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất thực hiện tốt nên sản xuất lương thực của tỉnh luôn đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Năm 2011, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 24,3 vạn tấn, tăng 8,6% so với năm 2010 và vượt 8,6% so với kế hoạch. Năm 2014, toàn tỉnh gieo trồng trên 54 nghìn ha

cây lương thực, sản lượng lương thực đạt 27 vạn tấn, vượt 14,9% chỉ tiêu kế hoạch. Khi tình hình thời tiết, khí hậu diễn biến bất lợi, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời chỉ đạo việc chuyển đổi cây trồng, góp phần giải quyết khó khăn cho nông dân, ổn định sản xuất.

Các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày phát triển ổn định, tăng nhanh diện tích, khai thác tốt tiềm năng đất đai các địa phương trong tỉnh. Đến năm 2015, tổng diện tích cây công nghiệp đạt 27.180 ha; sản lượng cà phê đạt trên 6.600 tấn, cao su đạt 11.465 tấn, hồ tiêu đạt gần 3.000 tấn. Cao su, cà phê và hồ tiêu là những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

Về chăn nuôi, Đảng bộ tỉnh chủ trương phát triển theo hướng tập trung, thâm canh, bán thâm canh và công nghiệp, gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường; cải tạo chất lượng đàn, khuyến khích du nhập những vật nuôi có hiệu quả kinh tế, phục hồi, phát triển những giống gia súc, gia cầm bản địa có giá trị kinh tế cao. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị đến năm 2015 có tính đến năm 2020”, đề ra 10 chương trình trọng tâm của ngành chăn nuôi đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, các địa phương, đơn vị thực hiện quy hoạch lại chăn nuôi phù hợp với đặc điểm, lợi thế của từng vùng gắn với an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác khuyến nông, chú trọng chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi. Triển khai các chương trình tập huấn, xúc tiến thương mại để giúp nông dân phát triển thị trường. Ban hành chính sách hỗ trợ về giống, chính sách cho thuê đất, tín dụng, hỗ trợ kết cấu hạ tầng, chính sách về thị trường, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi.

Những chủ trương, giải pháp phù hợp của tỉnh đã phát huy thế mạnh của địa phương, động viên, khích lệ, tạo điều kiện cho người chăn nuôi đầu tư sản xuất. Nhiều hộ gia đình đã chuyển từ tập quán chăn thả rong gia súc sang chăn dắt, nuôi nhốt kết hợp trồng cỏ, thực hiện zebu hóa đàn bò, quản lý chặt chẽ dịch bệnh. Chăn nuôi lợn phát triển theo hướng gia trại, trang trại, với hàng trăm mô hình trên 50 con, một số mô hình trên 1.000 con, mang lại thu nhập, hiệu quả kinh tế cao cho nhân dân. Chăn nuôi gia cầm phát triển theo hướng gia trại gắn với vệ sinh, an toàn sinh học. Nuôi dê phát triển mạnh, nhất là vùng gò đồi của tỉnh. Tỷ trọng giá trị ngành chăn nuôi trong tổng giá trị nông nghiệp chiếm 29,6% năm 2015, tăng 9,2% so với năm 2010.

Về lâm nghiệp, công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được đẩy mạnh. Trong 5 năm 2010-2015, diện tích trồng rừng tập trung đạt 29.705 ha, vượt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ che phủ của rừng năm 2015 lên đến 49,5%. Việc trồng rừng kinh tế ngày càng hiệu quả, giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2015 đạt 459 tỷ đồng, toàn tỉnh có 20.966 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC và là địa phương đứng đầu cả nước về diện tích rừng trồng được tổ chức quốc tế cấp chứng chỉ. Giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân tăng 12,7%/năm. Lâm nghiệp phát triển đã góp phần phân bố lại dân cư, ổn định đời sống cho nhân dân, nhất là vùng núi, vùng cát ven biển. Các mô hình kinh tế mới, trang trại lâm nghiệp trên vùng cát, vùng đồi đóng góp tích cực vào công tác xóa đói, giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện tập trung, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Các cấp chính quyền thành lập ban chỉ huy thực hiện các biện pháp cấp bách bảo vệ và phát triển rừng, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về ý thức bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng. Nhờ vậy, mặc dù thời tiết diễn biến thất thường, có những thời điểm hạn hán kéo dài nhưng trên địa bàn

tỉnh không để xảy ra các vụ cháy rừng lớn, các vụ cháy rừng nhỏ được phát hiện và kịp thời ứng cứu, giảm thiểu tối đa thiệt hại kinh tế.

Về ngư nghiệp, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV chỉ rõ: "... Nâng cao năng lực và hiệu quả đánh bắt trung, xa bờ gắn với bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản"<sup>1</sup>. Thực hiện chủ trương đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phát triển đội tàu xa bờ có công suất lớn khai thác ở tuyến lộng và tuyến khơi. Chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan tập huấn, chuyển giao khoa học - công nghệ cho ngư dân; nhân rộng các mô hình khai thác biển hiệu quả; ban hành chính sách ưu đãi vay vốn cho ngư dân; tuyên truyền, vận động nhân dân vươn khơi, bám biển. Các lực lượng chức năng chủ động ứng cứu ngư dân lúc thiên tai, bão lũ kịp thời. Hạ tầng thủy sản được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng yêu cầu. Nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh, diện tích nuôi tôm tăng trưởng nhanh. Diện tích nuôi cá nước ngọt ở sông, ao hồ tự nhiên, ao hồ đào tăng dần qua các năm.

---

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Chủ trương và những chính sách đúng đắn của tỉnh thúc đẩy ngành thủy sản tiếp tục phát triển, trở thành ngành kinh tế mạnh của tỉnh. Tổng sản lượng thủy, hải sản từ 24.668 tấn năm 2010 tăng lên 32.000 tấn năm 2015. Giá trị sản xuất thủy sản năm 2015 đạt 1.126,67 tỷ đồng, tăng bình quân 6,5%/năm.

*Về lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, tiểu thủ công nghiệp*, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV xác định: “Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại, vững chắc gắn với bảo vệ môi trường là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh”<sup>1</sup>. Trên tinh thần đó, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh, có ý nghĩa chiến lược với sự phát triển của tỉnh, gắn với bảo vệ môi trường. Đó là công nghiệp sạch, các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn; công nghiệp, thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn; khai thác tài nguyên gắn với chế biến, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu. Tăng cường thu hút đầu tư, phát

---

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015*, tr.55. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

triển sản xuất kinh doanh gắn với xử lý tốt vấn đề môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trong toàn tỉnh.

Việc triển khai phù hợp, đồng bộ các giải pháp đã thúc đẩy sản xuất công nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển. Cơ cấu ngành công nghiệp có sự chuyển dịch, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển. Trong 5 năm 2011-2015, tỉnh đã hoàn thành 7 quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch, 4 đề án lớn liên quan đến phát triển công nghiệp. Sau nhiều năm triển khai kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy xi măng có công suất lớn trên địa bàn không thực hiện được và qua kết quả giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy không còn phù hợp, Tỉnh ủy đã đưa dự án nhà máy xi măng ra khỏi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

Đến năm 2015, toàn tỉnh có gần 100 dự án sản xuất công nghiệp được khởi công với tổng số vốn đầu tư 4.000 tỷ đồng, trong đó có 80 dự án với số vốn đầu tư 3.500 tỷ đồng đi vào hoạt động, tiêu biểu là Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị, Nhà máy MDF số 2, các nhà máy sản xuất viên nén năng lượng, tinh bột sắn, sản xuất phân hữu cơ vi sinh, sản xuất phân bón NPK. Khu công nghiệp Đông Hà, Quán Ngang và 13

cum công nghiệp trên địa bàn tỉnh được đầu tư kết cấu hạ tầng, góp phần tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp. Nhiều doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm hàng hóa và quy mô doanh nghiệp, đổi mới công nghệ và thiết bị sản xuất. Một số sản phẩm như viên nén năng lượng, tinh bột sắn, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh NPK tiếp tục đứng vững trên thị trường. Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 6.651 tỷ đồng, tăng 70% so với năm 2010, bình quân tăng 11,2%/năm. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2011-2015 bình quân đạt 8,9%/năm.

Ngày 16/9/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 42/2015/QĐ-TTg về thành lập Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 23.792 ha, bao gồm 17 xã, thị trấn thuộc 3 huyện: Triệu Phong, Hải Lăng và Gio Linh. Việc hình thành Khu kinh tế Đông Nam theo hướng kết nối Quảng Trị với tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, mở ra cơ hội lớn để thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tạo đà phát triển trong tương lai của tỉnh.

Về thương mại, dịch vụ, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đã đưa thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu nền kinh tế thế giới, nhất là các nước phát triển.

Đối với Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng xác định: “Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao”<sup>1</sup>. Trên tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV chỉ rõ: Nâng cao chất lượng và hiệu quả các loại hình dịch vụ, tạo bước phát triển mạnh về dịch vụ du lịch, đưa tốc độ tăng trưởng giá trị thương mại, dịch vụ bình quân từ 10-11%/năm. Chủ trương đó được cụ thể hóa một bước trong Chương trình hành động số 15-CTHD/TU ngày 27/6/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV ngày 12/01/2012 tiếp tục ra thông báo kết luận chuyên đề về phát triển thương mại Quảng Trị đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 đã khẳng định vai trò, tầm quan trọng của thương mại đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh trong thời kỳ mới.

Thực hiện định hướng của Trung ương, của tỉnh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.199-200.

về phát triển thương mại - dịch vụ, cấp ủy, chính quyền các cấp tích cực, chủ động chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị tập trung khai thác và phát huy lợi thế của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. củng cố, mở rộng thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn gắn với quy hoạch phát triển hệ thống chợ và các trung tâm dịch vụ. Mở rộng thị trường xuất khẩu, hình thành các doanh nghiệp thương mại có quy mô lớn và khả năng cạnh tranh cao. Phát triển hệ thống các siêu thị, nhà hàng cao cấp, các khu vực chuyên kinh doanh ngành nghề thương mại, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại; tăng cường công tác dự báo, cung cấp các thông tin kinh tế, thị trường, pháp luật và thông lệ quốc tế đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trên địa bàn toàn tỉnh. Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu kinh doanh, trao đổi hàng hóa và mua sắm của nhân dân; đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống chợ ở các địa bàn...

Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, ngăn chặn nạn đầu cơ găm hàng, tăng giá bất hợp lý được tiến hành thường xuyên, kịp thời nhằm kiềm chế, ổn định

thị trường hàng hóa. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, hoạt động thương mại - dịch vụ diễn ra sôi động, hàng hóa trên thị trường ngày càng phong phú, đa dạng. Tốc độ tăng trưởng giá trị thương mại - dịch vụ bình quân đạt 8,4%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 18,9%/năm. Kim ngạch xuất khẩu từ 63,4 triệu USD năm 2010 lên 210 triệu USD năm 2015, tăng bình quân 27%/năm, vượt chỉ tiêu đề ra.

Là địa phương có thế mạnh về dịch vụ du lịch, tuy nhiên sự phát triển dịch vụ du lịch của tỉnh vẫn chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế. Với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình dịch vụ, tạo bước phát triển mạnh dịch vụ du lịch, tỉnh chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, trọng tâm là hạ tầng khu dịch vụ - du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng; xây dựng hạ tầng du lịch đảo Cồn Cỏ. Tranh thủ tối đa các nguồn lực để tôn tạo các di tích lịch sử quan trọng, bảo tồn và khai thác tốt các khu bảo tồn thiên nhiên, các di sản văn hóa của tỉnh. Tích cực xúc tiến, quảng bá, thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết du lịch. Chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch là thế mạnh của tỉnh như: du lịch lịch sử cách mạng, du lịch hoài niệm, tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cảnh quan, du lịch mua sắm. Việc triển khai đồng bộ các

giải pháp đã đưa ngành du lịch ngày càng phát triển đúng hướng. Tổng lượng khách đến Quảng Trị tăng dần qua các năm, doanh thu tăng bình quân 11,5%/năm. Riêng năm 2015, tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt 1.650.000 lượt, tăng 3,1% so với kế hoạch; tổng doanh thu xã hội về du lịch đạt 1.300 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng dần qua các năm, tốc độ tăng bình quân trong 5 năm là 12%/năm; từ 950 tỷ đồng năm 2010 lên 2.336 tỷ đồng năm 2015. Thu nội địa hàng năm đều vượt chỉ tiêu, kế hoạch năm của tỉnh. Năm 2015 đạt 1.556 tỷ đồng, tăng 15,7% dự toán địa phương.

Hệ thống các ngân hàng trên địa bàn thực hiện nghiêm túc các chính sách tiền tệ linh hoạt, chặt chẽ và thận trọng theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước; phục vụ tốt nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Năm 2015, huy động tiền gửi trên địa bàn tỉnh đạt 12.988 tỷ đồng, tăng 106%; tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đạt 16.951 tỷ đồng, tăng 123% so với năm 2010.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển các loại hình doanh nghiệp;

thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; xây dựng kết cấu hạ tầng đạt nhiều kết quả quan trọng. Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. So với năm 2010, năm 2015, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm 6,4%, công nghiệp - xây dựng tăng 2,4%, thương mại - dịch vụ tăng 4% trong cơ cấu kinh tế; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm 6,2%, công nghiệp - xây dựng tăng 0,5%, thương mại - dịch vụ tăng 5,7%.

Thực hiện chủ trương “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp”<sup>1</sup>, ngày 19/12/2012, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV ra Kết luận số 29-KL/TU về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, với quan điểm chỉ đạo: “Doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, là lực lượng vật chất quan trọng và công cụ hỗ trợ để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất

---

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV*, 2010, tr.59.

nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Doanh nghiệp nhà nước phải tiếp tục được sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả để có cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và trọng yếu...”<sup>1</sup>. Trên tinh thần đó, giai đoạn 2010-2015, doanh nghiệp nhà nước được tổ chức, sắp xếp lại còn 9 doanh nghiệp; hình thành và sắp xếp lại 4 lâm trường quốc doanh; thực hiện cổ phần hóa đối với 2 đơn vị sự nghiệp có thu thành các công ty cổ phần.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước được quan tâm, tập trung vào việc mở rộng liên doanh, liên kết từ sản xuất đến thị trường tiêu thụ, hình thành một số doanh nghiệp mạnh, có mức tăng trưởng cao, sản xuất, kinh doanh những sản phẩm, mặt hàng chủ lực để tăng cường xuất khẩu. Nhờ vậy, doanh nghiệp nhà nước phát triển cả về quy mô, số lượng, phát huy hiệu quả tích cực, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tổng tài sản tăng 2 lần, vốn điều lệ tăng 2,95 lần, vốn đầu tư mở rộng sản xuất tăng 17 lần, doanh thu tăng 4,7 lần, nộp ngân sách

---

1. Tỉnh ủy Quảng Trị: *Kết luận Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*, số 29-KL/TU ngày 19/12/2012. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

tăng 3,66 lần, tiền lương tăng 3,44 lần, số lao động tăng 3%<sup>1</sup>. Nhiều doanh nghiệp nhà nước đã đứng vững trên thị trường, cung ứng các sản phẩm, hàng hoá dịch vụ công ích thiết yếu phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

Kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển. Toàn tỉnh thành lập mới trên 1.500 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp lên 2.838, tổng vốn đăng ký 17.200 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 35.650 lao động, tăng bình quân 2,3%/năm, đóng góp 65% GDP của tỉnh<sup>2</sup>. Đến năm 2015, có trên 37.000 hộ kinh doanh cá thể, tăng 10,4% so với năm 2010, sử dụng 54.000 lao động.

Trên cơ sở đánh giá vai trò, vị trí, những ưu điểm và hạn chế của kinh tế tập thể, ngày 10/7/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án số 1855/ĐA-UBND về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2009-2015. Ngày 30/7/2009, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND về một số chính sách hỗ

---

1. Số liệu so sánh năm 2015 với năm 2010.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị: *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016-2021*, số 111/BC-UBND ngày 1/8/2016, tr.9. Tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2009-2015. Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh nhấn mạnh các nhóm chính sách liên quan đến hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, hỗ trợ đào tạo nghề; chính sách về hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội; hỗ trợ công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục pháp luật; khuyến khích thành lập mới hợp tác xã và xây dựng hợp tác xã điển hình tiên tiến; hỗ trợ tín dụng, đất đai, thuế, ứng dụng khoa học - công nghệ; xúc tiến thương mại, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng... và 5 nhóm giải pháp về phát triển kinh tế tập thể.

Thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị khóa XI về kinh tế tập thể, ngày 11/7/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV ban hành Chương trình hành động số 71-CTHĐ/TU thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khẳng định quyết tâm đổi mới mạnh mẽ kinh tế tập thể, đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu của Đảng về kinh tế tập thể gắn với tình hình thực tế của địa phương, Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế

tập thể đúng hướng, hiệu quả. Năm 2015, toàn tỉnh có 341 hợp tác xã, liên minh hợp tác xã, khoảng 7.150 tổ hợp tác với trên 58.265 thành viên. Trong đó, có trên 80% hợp tác xã chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Doanh thu bình quân của hợp tác xã đạt trên 770 triệu đồng, năm/hợp tác xã; lợi nhuận bình quân đạt trên 85 triệu đồng/hợp tác xã/năm; tỷ suất lãi (lãi/vốn) của hợp tác xã đạt từ 8-12%/năm.

Việc huy động nguồn vốn đầu tư phát triển đạt kết quả quan trọng. Tỉnh tích cực tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, các bộ, ngành, các tỉnh, thành bạn; kêu gọi, huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phục vụ nhiệm vụ đầu tư phát triển. Tích cực đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, tạo môi trường pháp lý ổn định cho việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp của tỉnh. Tăng cường thực hiện các chương trình, dự án đầu tư với phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm; đẩy mạnh xã hội hóa trong một số ngành thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường. Khai thác hợp lý, hiệu quả quỹ đất, thực hiện đấu giá đất để xây dựng kết cấu hạ

tầng. Tích cực thực hiện việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhờ vậy, trong 5 năm 2011-2015, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 41.250 tỷ đồng, gấp 2,35 lần so với giai đoạn 2006-2010, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 12.835 tỷ đồng, chiếm 31,1%. Song song với huy động vốn, tỉnh triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, thực hiện đầu tư theo đúng quy hoạch, ưu tiên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, phân bổ vốn ngân sách cho các địa phương bảo đảm tính công bằng, hài hòa, hợp lý.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, nguồn hỗ trợ của Trung ương hạn chế, tỉnh tích cực, chủ động triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để huy động vốn từ nguồn ngoài Nhà nước. Với nỗ lực của cấp ủy, chính quyền các cấp, đến năm 2015, có trên 22 đối tác tài trợ song phương, đa phương, 30 tổ chức NGO, 12 doanh nghiệp FDI của 9 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư, hỗ trợ tỉnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, phát triển bền vững. Tổng vốn ODA trong giai đoạn 2010-2015 đạt 207,86 triệu USD; số lượng dự án ODA thực hiện gấp 1,17 lần so với giai đoạn 2005-2010. Tổng vốn huy động từ nguồn vốn của các NGO đạt 18,81

triệu USD; 11 dự án FDI hoạt động với tổng vốn đầu tư 36,725 triệu USD.

Với chủ trương “Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”<sup>1</sup>; cấp ủy, chính quyền các cấp đã phát huy nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, nỗ lực kêu gọi, thu hút đầu tư nguồn lực trong toàn xã hội, tạo sự phát triển khá toàn diện, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Bộ mặt đô thị, đồng bằng, ven biển, miền núi, hải đảo ngày càng khang trang, khởi sắc, tạo niềm tin và động lực mới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã hình thành 2 chuỗi đô thị theo các trục Bắc - Nam, Đông - Tây với 13 đô thị, tỷ lệ dân cư thành thị chiếm 29,4% dân số toàn tỉnh. Quốc lộ 1A, cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu, đường cơ động ven biển, đường cứu hộ, cứu nạn phát triển kinh tế Tây Triệu Phong - Nam Cam Lộ được nâng cấp, xây dựng.

Thực hiện chủ trương: “Ưu tiên đầu tư phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị của thành phố Đông Hà tương xứng với vị thế của một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật của tỉnh”<sup>2</sup>,

---

1, 2. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

ngày 28/5/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về xây dựng và phát triển thành phố Đông Hà đến năm 2020. Nghị quyết khẳng định: “Nhiệm vụ phát triển thành phố Đông Hà là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống chính trị của tỉnh... Xây dựng thành phố Đông Hà phát triển theo hướng bền vững;... đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại; quy hoạch và xây dựng thành phố có dấu ấn riêng, là đô thị động lực trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây”<sup>1</sup>.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XV và 3 năm thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV, kết cấu hạ tầng thành phố Đông Hà từng bước được nâng cấp và xây dựng mới, bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, khởi sắc; khẳng định vị thế là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật của tỉnh.

Hệ thống điện được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của toàn tỉnh. Mạng lưới điện trung, hạ áp, nhất là lưới điện nông thôn được chú trọng nâng cấp, xây dựng mới. Quảng Trị trở thành một trong những tỉnh hoàn thành sớm mục tiêu 100%

---

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị: *Nghị quyết số 02-NQ/TU về xây dựng và phát triển thành phố Đông Hà đến năm 2020, ngày 28/5/2013*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

thôn, bản có điện lưới quốc gia ở khu vực miền Trung. Hạ tầng trường học, bệnh viện, trạm y tế, công trình phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao... tiếp tục được đầu tư đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của nhân dân.

Hạ tầng bưu chính viễn thông được đầu tư phát triển mạnh. 100% xã có mạng điện thoại cố định, internet, di động và phủ sóng phát thanh, truyền hình. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 1.205 trạm phát sóng di động (BTS), 529.082 thuê bao điện thoại, đạt trên 85 thuê bao/100 dân; 48.300 thuê bao internet, tăng 2,6 lần so với năm 2010. Cổng thông tin điện tử của tỉnh bảo đảm cung cấp 100% các dịch vụ hành chính công trực tuyến, trên 50% số dịch vụ hành chính công đạt mức độ 3 và 4 đáp ứng yêu cầu phục vụ cải cách hành chính ở các sở, ngành, địa phương.

Chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh được nâng lên. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 7,4%/năm, cao hơn mức bình quân của cả nước. Chất lượng nền kinh tế dần được cải thiện, năng suất lao động xã hội từ 40 triệu đồng/lao động năm 2011 tăng lên 57,3 triệu đồng/lao động năm 2015. Việc phát huy vai trò doanh nghiệp trong kết nối và nâng cao chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa trong tỉnh được quan tâm.

*Hoạt động đối ngoại* được Đảng bộ tỉnh chú trọng. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV khẳng định: “Giữ vững và phát huy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống, tích cực mở rộng phạm vi quan hệ hợp tác với các địa phương trong nước và các nước trên thế giới. Nâng cao hơn nữa mối quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh bạn Lào có chung đường biên giới. Tăng cường quan hệ hợp tác với các tỉnh thuộc các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Tích cực vận động, tìm kiếm, thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ ODA, NGO”. Thực hiện chủ trương đó, giai đoạn 2010-2015, bên cạnh duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các tỉnh, thành bạn trong cả nước, tỉnh còn tranh thủ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, tạo ra các nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển đi lên của tỉnh.

Quan hệ đối ngoại giữa Quảng Trị với các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, nhất là tỉnh Savannakhet, Salavan (Lào), Mukdahan (Thái Lan); quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế ngày càng mở rộng. Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng, trong đó có những sự kiện mang tầm quốc tế như: Hội nghị giữa

kỳ Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG), Hội nghị Thứ trưởng 03 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan, Lễ hội Nhịp cầu xuyên Á, Hội nghị xúc tiến đầu tư Hàn Quốc vào Quảng Trị... Tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại các cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay để nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây. Quan hệ hợp tác với các tỉnh Savannakhet, Salavan (Lào) tiếp tục được tăng cường, tạo điều kiện cho các cơ quan, ban, ngành, địa phương xúc tiến các quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong giữ vững quốc phòng - an ninh, hợp tác toàn diện về giáo dục - đào tạo, thương mại, đầu tư, khoa học - công nghệ, y tế, giao thông vận tải... góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của 3 tỉnh, giữ vững hòa bình, ổn định ở khu vực biên giới.

## **2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới**

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: “Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020

của Chính phủ đề ra mục tiêu: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Đối với Quảng Trị, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới được Đảng bộ tỉnh chú trọng, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ngày 18/10/2011, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV ra Kết luận số 04-KL/TU nhấn mạnh: “Tiếp tục và tăng cường tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Chương trình hành động số 72-CT/TU của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn... Đặc biệt, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Chính phủ giai đoạn 2010-2020 đến tất cả các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở và sâu rộng trong toàn thể người dân nông thôn”<sup>1</sup>. Ngày 14/11/2012, Ban Thường vụ Tỉnh

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Kết luận Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV, số 04-KL/TU ngày 18/10/2011*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy

ủy tiếp tục ban hành Chỉ thị số 11-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chỉ đạo đồng bộ, toàn diện, thống nhất việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong toàn tỉnh.

Tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, thành lập Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới; 8/8 huyện, thị xã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới<sup>1</sup> và Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới cấp huyện (riêng thị xã Quảng Trị thành lập tổ giúp việc); 100% các xã thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện.

Để phong trào xây dựng nông thôn mới ngày càng đi vào chiều sâu, đạt kết quả thiết thực, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, hướng về cơ sở nhằm huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân. Hàng nghìn tin, bài, ảnh, phóng sự đăng tải, phát sóng; hàng chục

---

1. Thành phố Đông Hà và huyện đảo Cồn Cỏ không có xã (không thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới).

nghìn tờ rơi, sổ tay xây dựng nông thôn mới được ban hành. Nhiều cuộc đối thoại, hội thảo, hội thi, sân chơi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới được tổ chức. Các hoạt động đó đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước; khơi dậy sự tích cực, chủ động, sáng tạo của cộng đồng dân cư, tạo động lực to lớn thúc đẩy phong trào phát triển.

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh nỗ lực kêu gọi tổ chức hợp tác quốc tế Hàn Quốc (Koica) hỗ trợ thực hiện các hợp phần nâng cao thu nhập và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn cho người dân 7 xã Hải Thượng, Triệu Trách, Cam Thủy, Gio Phong, xã Thuận, Mò Ó, Vĩnh Thành; huy động nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và nâng cao năng lực một số lĩnh vực về văn hóa, xã hội và môi trường. Đồng thời, tích cực chỉ đạo các địa phương tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực; thực hiện lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu và các nguồn lực chương trình, dự án khác để xây dựng nông thôn mới. Trong 5 năm 2010-2015, tổng nguồn

vốn huy động đầu tư xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh đạt trên 7.000 tỷ đồng.

Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình công tác, phân công thành viên đơn đốc, kiểm tra các địa phương. Các sở, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra, giám sát, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bổ sung giải pháp chỉ đạo nhằm thực hiện có hiệu quả hơn các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện của các địa phương để tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh có chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời.

Công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Toàn tỉnh tổ chức 5 lớp tập huấn cho những người làm công tác xây dựng nông thôn mới của sở, ban, ngành cấp tỉnh, thành viên Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và lãnh đạo, chuyên viên các huyện; 123 lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cấp huyện, cán bộ chủ chốt ủy ban nhân dân các xã và ban phát triển các thôn với 6.386 lượt người tham gia. Khối Mặt trận và

các đoàn thể tổ chức 19 lớp tập huấn cho cán bộ hội, đoàn thể với 2.235 lượt người tham gia. Ban Chỉ đạo tỉnh, các huyện, thị xã còn tổ chức các chuyến tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các tỉnh bạn để tiếp thu những kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới, chỉ đạo áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Quảng Trị chọn phạm vi thực hiện 117 xã, 1 xã chỉ đạo điểm của Trung ương, 8 xã chỉ đạo điểm của tỉnh và 21 xã chỉ đạo điểm của huyện để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và rút kinh nghiệm nhân rộng. Cuối năm 2015, toàn tỉnh có 19 xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, chiếm 16,2% tổng số xã; 4 xã Vĩnh Thủy, Vĩnh Thạch, Vĩnh Kim (Vĩnh Linh), Triệu Thành (Triệu Phong) là các địa phương về đích đạt chuẩn nông thôn mới đầu tiên của tỉnh. Trong đó, xã Vĩnh Thạch (Vĩnh Linh) vinh dự là một trong ba xã trong cả nước được Chủ tịch nước Trương Tấn Sang nhận đỡ đầu xây dựng nông thôn mới.

Điểm nổi bật trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở Quảng Trị là đã huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Phong trào chung sức xây

dựng nông thôn mới được các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, qua đó phát huy sự năng động, sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; nội lực, ý thức trách nhiệm, quyết tâm của các tầng lớp nhân dân. Từ phong trào xuất hiện nhiều tấm gương điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội; tự nguyện hiến đất, hiến kế, hiến cây, tháo dỡ các công trình, đóng góp kinh phí xây dựng nông thôn mới. Phong trào hiến ngày công bê tông hóa giao thông nông thôn, nạo vét kênh mương nội đồng, xây dựng các công trình phúc lợi, bảo vệ môi trường lan tỏa đến mọi vùng nông thôn trong toàn tỉnh, góp phần xây dựng bộ mặt nông thôn khang trang, khởi sắc.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã tác động tích cực đến tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng; đời sống vật chất, tinh thần, chất lượng cuộc sống của nhân dân vùng nông thôn tiếp tục được nâng lên. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn ngày càng được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Dân chủ ở cơ sở

ngày càng được phát huy, ý thức và trách nhiệm làm chủ của nhân dân được thể hiện rõ nét. Hệ thống chính trị ở cơ sở, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới của đất nước ngày càng được củng cố. Phong trào xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào thi đua thường xuyên, sâu rộng, lan tỏa trên khắp các vùng nông thôn trong toàn tỉnh.

### **3. Lãnh đạo phát triển văn hóa - xã hội**

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực phát triển của đất nước, có vai trò quan trọng trong hình thành nhân cách con người và bản sắc, cốt cách của một dân tộc, là quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta. Tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước trong thời kỳ mới, Nghị quyết của Đảng chỉ rõ: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững

chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>1</sup>.

Nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, cụ thể hóa tinh thần chỉ đạo của Trung ương, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, ngày 16/10/2014, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV ban hành Chương trình hành động số 100-CTHD/TU về thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước nhấn mạnh 5 nhiệm vụ: xây dựng con người Quảng Trị phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế; nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đồng thời chỉ ra 4 giải pháp trọng tâm về phát triển văn hóa theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW: Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa, xây dựng con người

---

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014.*

Quảng Trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa.

Với quyết tâm đưa nghị quyết, chương trình hành động của Đảng bộ tỉnh vào thực tiễn cuộc sống, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tích cực, chủ động triển khai nhiều giải pháp phù hợp, thiết thực, góp phần xây dựng văn hóa, con người Quảng Trị đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh và công tác gia đình từng bước đi vào chiều sâu, tác động tích cực đến mọi mặt đời sống xã hội. Trong đó, thành quả nổi bật là nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về xây dựng con người mới, nếp sống văn minh, tiến bộ được nâng lên; những tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan được ngăn chặn, đẩy lùi không chỉ ở vùng nông thôn, đồng bằng mà còn có hiệu quả rõ nét ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn, phát huy. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc

cưới, việc tang được triển khai, nhân rộng, tác động tích cực đến đời sống xã hội.

Phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa đi vào chiều sâu, trở thành phong trào thi đua sôi nổi trong toàn tỉnh. Đến năm 2015, có 142.650/159.958 hộ được công nhận gia đình văn hóa (đạt 89,1%), 995/1.070 làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị được công nhận đạt chuẩn văn hóa (đạt 92,9%); 314/2.046 làng, bản, khu phố, cơ quan đơn vị, trường học được công nhận đạt đơn vị văn hóa xuất sắc; 21 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

Hoạt động văn học - nghệ thuật ngày càng khởi sắc. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ Quảng Trị luôn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nhiệm vụ chính trị trọng yếu của địa phương, sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, góp phần bồi dưỡng nhân cách, phát triển tâm hồn các tầng lớp nhân dân. Nhiều chương trình nghệ thuật được tổ chức với quy mô quốc tế, quốc gia; các hội thi, hội diễn văn hóa, văn nghệ, trưng bày, triển lãm được tổ chức thành công đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; quảng bá hình ảnh đẹp về mảnh đất, con người Quảng Trị đến với bạn bè quốc tế và trong nước. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được duy trì và phát triển sâu rộng, tạo không

khí vui tươi, phấn chấn, thắt chặt tình đoàn kết, gắn bó trong các tầng lớp nhân dân.

Hoạt động thể dục thể thao gắn với mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện được chú trọng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, thể chất của nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 28%.

Nhiều hoạt động lễ hội của tỉnh đã hình thành, tạo nét đặc trưng riêng. Các lễ hội như: “Thống nhất non sông”, “Nhịp cầu xuyên Á”, “Hoa đăng trên sông Thạch Hãn”... để lại nhiều ấn tượng trong bạn bè quốc tế và nhân dân cả nước. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản vật thể, di sản phi vật thể được chú trọng. Các di tích, danh thắng quan trọng của tỉnh tiếp tục được đầu tư tôn tạo, khai thác và phát huy giá trị.

Hoạt động báo chí, thông tin, truyền thông phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu về thông tin của người dân. Quy mô, chất lượng các loại hình báo chí được nâng lên, chương trình, nội dung phong phú hơn, phản ánh kịp thời, đúng định hướng của Đảng trong tình hình mới. Tỷ lệ phủ sóng của Đài Phát thanh - Truyền hình

tỉnh đạt 98% địa bàn dân cư. Nội dung, chương trình ngày càng phong phú, đa dạng, chất lượng được nâng lên. Việc đưa thông tin về cơ sở, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được chú trọng. Việc thực hiện Kế hoạch số 1105/KH-UBND ngày 16/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2011-2015 đã góp phần tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; chuyển tải thông tin kinh tế - xã hội đến nhân dân các địa phương trong toàn tỉnh. 9 đội thông tin lưu động duy trì hoạt động, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ nhân dân.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở đã được quan tâm đầu tư xây dựng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong giai đoạn 2010-2015, tỉnh đầu tư xây dựng mới Quảng trường và Trung tâm văn hóa tỉnh, Nhà thi đấu đa năng, Thư viện tỉnh, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao Vĩnh Linh, Thư viện và sân vận động thị xã Quảng Trị, Nhà Thiếu nhi huyện Cam Lộ; đồng thời đầu tư xây dựng mới 32 cơ sở văn hóa thể thao cấp xã, phường, thị trấn, 110 cơ sở văn hóa làng, bản, khu phố. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã xây dựng được 77

nhà văn hóa cấp xã, đạt tỷ lệ 54,6%; 909 nhà văn hóa cấp thôn, đạt tỷ lệ 85,8%.

Về giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV khẳng định: Tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo toàn diện trên tất cả các mặt: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và xây dựng trường chuẩn quốc gia ở tất cả các cấp học, bậc học. Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV kết luận: Giáo dục và đào tạo là nhân tố quyết định để phát huy tiềm năng, trí tuệ và năng lực sáng tạo của mỗi con người, là động lực quan trọng để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển toàn diện sự nghiệp giáo dục - đào tạo cả về quy mô lẫn chất lượng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Ngày 23/7/2014, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV tiếp tục ban hành Chương trình hành động số 95-CTHD/TU về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thực hiện Nghị quyết số 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các nghị quyết, kết luận, chương

trình hành động của Đảng bộ tỉnh, chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo từng bước được nâng cao. Đội ngũ nhà giáo tích cực trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức, tác phong, tâm huyết với nghề và lòng yêu trẻ. Nhiều cán bộ, giáo viên nêu cao tinh thần, nghị lực vượt lên khó khăn, quyết tâm “mang con chữ” đến với học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, miền biên giới, lưu lại hình ảnh đẹp về người giáo viên nhân dân thời kỳ mới. Các phong trào “Nhà giáo mẫu mực, học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương về tự học và sáng tạo”, khơi dậy không khí thi đua sôi nổi trong các nhà trường. Năm 2015, 100% cán bộ, giáo viên trong hệ thống giáo dục đạt chuẩn, trong đó 63% đạt trên chuẩn. Quy mô, mạng lưới trường học đáp ứng nhu cầu học tập của toàn xã hội, với 162 trường mầm non, 166 trường tiểu học, 160 trường trung học; 6 trường trung cấp, cao đẳng<sup>1</sup>; phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị. Tỉnh đã chỉ đạo hoàn thành việc chuyển đổi tất cả các trường mầm non và trung học phổ thông bán công sang loại hình công lập, thành lập

---

1. Gồm: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị, Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị, Trường Trung cấp Nghề Quảng Trị, Trường Trung cấp Nông nghiệp Quảng Trị, Trường Trung cấp Nghề giao thông vận tải Quảng Trị, Trường Trung cấp Mai Lĩnh - Quảng Trị.

mới 6 trường dân tộc bán trú để phục vụ nhu cầu học tập cho con em đồng bào dân tộc. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi, học sinh đạt giải tại các kỳ thi cấp tỉnh, quốc gia tăng dần qua các năm. Với 244/482 trường học đạt chuẩn quốc gia, Quảng Trị trở thành một trong những tỉnh nằm trong tốp đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên về phong trào xây dựng trường học đạt chuẩn; năm 2013 được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi, vượt trước 2 năm so với kế hoạch của toàn quốc. 40/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học. Phong trào xã hội hóa học tập phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Truyền thống vượt khó, vươn lên trong học tập của quê hương tiếp tục được khơi dậy và phát huy.

Công tác đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn được tỉnh chú trọng, triển khai tích cực, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV ban hành Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 17/8/2011 về tăng cường sự lãnh đạo công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Chương trình hành động số 76-CTHT/TU, ngày 6/9/2013 về “Thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 5/11/2012 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo

của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn”. Quán triệt và thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh hoạt động khá hiệu quả, năm 2015, tổ chức tuyển sinh và đào tạo cho 17.018 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 32,8%, tăng 8,4% so với năm 2010.

*Về lĩnh vực y tế:* Chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên. Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai đồng bộ và đạt kết quả khá. Đội ngũ cán bộ y tế từng bước được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Năm 2015, tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 85%, đạt tỷ lệ 9 bác sĩ/1 vạn dân, 100% thôn, bản có nhân viên y tế cộng đồng và nữ hộ sinh. Cơ sở vật chất phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được củng cố và phát triển, nhiều công trình quan trọng được đầu tư xây dựng mới và đã đưa vào sử dụng: Bệnh viện đa khoa tỉnh với quy mô 500 giường bệnh; Bệnh viện chuyên khoa lao và các bệnh về phổi, 8 bệnh viện tuyến huyện quy mô từ 70-100 giường bệnh, bệnh viện khu vực Triệu Hải, Vĩnh Linh quy mô trên 200 giường bệnh. Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế trong tỉnh là 1.673, đạt tỷ lệ 17 giường/1 vạn dân, có trên 70% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Nhiều kỹ thuật mới, hiện đại phục vụ khám, chữa bệnh được triển khai, góp phần nâng cao sức khỏe và tuổi thọ cho người dân.

Công tác y tế dự phòng được triển khai thực hiện tốt, kịp thời kiểm soát và khống chế dịch bệnh. Chăm sóc sức khỏe ban đầu, sức khỏe sinh sản có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 19,5% năm 2010 xuống còn 15% năm 2015. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, mô hình không có người sinh con thứ ba trở lên tiếp tục được triển khai nhân rộng.

Công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em được tỉnh quan tâm, chú trọng. Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, ngày 2/7/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 69-CTHD/TU thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 5/11/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới, khẳng định quan điểm: Chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em là vấn đề có tính chiến lược lâu dài... Đầu tư cho trẻ em là đầu tư cho tương lai của đất nước...; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của cấp ủy đảng, của hệ thống chính trị, gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều chính sách quan trọng liên quan đến chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Năm 2015, tỷ lệ trẻ em bị tai nạn thương tích giảm 50%,

tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm gần 2% so với năm 2010. Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi đến lớp đạt 94,1%, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non đạt 99,6%; 98,4% học sinh trong độ tuổi tốt nghiệp tiểu học, 98,5% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng công tác trẻ em đã có tiến bộ trên cả ba mặt: bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Nhiều chỉ tiêu, mục tiêu đề ra tại Chương trình hành động số 69-CTHD/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều đạt và vượt kế hoạch, góp phần quan trọng để công tác trẻ em của tỉnh ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, thiết thực.

Về công tác bảo hiểm xã hội, quán triệt và thực hiện quan điểm: “Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế là hai chính sách xã hội quan trọng, là trụ cột chính của hệ thống chính sách an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững”<sup>1</sup>, các cấp, các ngành, địa phương,

---

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị: *Chương trình hành động số 70-CTHD/TU ngày 2/7/2013 về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

đơn vị tích cực tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của nhân dân về tham gia các loại hình bảo hiểm. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 475.539/619.948 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 76,7%; 36.142 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, tăng hơn 33.000 người so với năm 2012; 43.843 người tham gia bảo hiểm bắt buộc và 1.091 người tham gia bảo hiểm tự nguyện, tăng gần gấp đôi so với năm 2010.

*Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội* được thực hiện có hiệu quả. Năm 2015, GRDP bình quân đầu người đạt 34 triệu đồng, nhiều tiêu chí về lĩnh vực văn hóa, xã hội cao hơn mức bình quân của cả nước. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ cho người nghèo phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển các mô hình kinh tế, trang trại, xây dựng làng nghề, gắn công tác giảm nghèo với phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết việc làm. Triển khai có hiệu quả Đề án Giảm nghèo nhanh, bền vững theo Nghị quyết 30a của Chính phủ; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi (Chương trình 135)... Ngày 13/4/2012, Hội đồng nhân dân tỉnh ra Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND thông qua Đề án Giảm nghèo

nhanh, bền vững đối với 9 xã và 23 thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 50% của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc triển khai thực hiện Đề án đã mang lại những kết quả tích cực. Đời sống nhân dân ở các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn được nâng lên đáng kể. Đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh còn 6,4% giảm 13,3% so với năm 2011, bình quân giảm 3%/năm; riêng huyện Đa Krông giảm 5,7%/năm, vượt chỉ tiêu đề ra. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ người nghèo, người tàn tật, người neo đơn không nơi nương tựa được cấp ủy, chính quyền các cấp chăm lo và thực hiện ngày càng tiến bộ. Từ năm 2011 đến năm 2015, tỉnh đã huy động 92,8 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng mới 2.508 nhà đại đoàn kết, hỗ trợ sửa chữa 5.378 nhà ở cho hộ nghèo.

Trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề quan tâm chăm lo, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng chính sách đã trở thành truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ tỉnh qua các thời kỳ. Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV khẳng định: "... đẩy mạnh Cuộc vận động "Toàn dân tham gia công tác đền ơn, đáp nghĩa" nhằm huy động mọi nguồn lực để giúp đỡ, chăm sóc

tốt hơn nữa gia đình và thân nhân liệt sĩ, thương binh, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, những người có công với nước, những đối tượng chính sách xã hội...”. Ngày 03/9/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án 2840/ĐA-UBND về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở. Cấp ủy, chính quyền các cấp tích cực chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng, tôn tạo, nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ, các công trình tri ân và chăm sóc người có công với nước. Thực hiện tốt chính sách thăm hỏi, hỗ trợ, động viên các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng trong các dịp lễ, Tết. Đón tiếp tận tình, chu đáo các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cựu chiến binh về thăm lại chiến trường xưa, thân nhân liệt sĩ của cả nước về với Quảng Trị. Với tình cảm tri ân, thành kính, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Quảng Trị hoàn thành xuất sắc trọng trách thay mặt nhân dân cả nước chăm sóc Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Đường 9 - nơi yên nghỉ của hàng nghìn anh hùng liệt sĩ bảo đảm sự tôn nghiêm, khang trang, sạch đẹp; tổ chức trang trọng, ý nghĩa các chương trình “Hoa dâng mộ liệt sĩ”, “Thắp nến tri ân”, “Đèn hoa đăng trên sông Thạch Hãn”... để lại tình cảm, ấn tượng tốt đẹp

đối với thân nhân các anh hùng, liệt sĩ, các thế hệ cán bộ, đảng viên, cựu chiến binh và nhân dân trên mọi miền đất nước.

*Hoạt động khoa học và công nghệ* được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU ngày 13/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV; trong 5 năm 2010-2015, toàn tỉnh đã triển khai 16 dự án, đề tài cấp trung ương; 87 đề tài, dự án độc lập cấp tỉnh; các cơ quan, địa phương, đơn vị tích cực triển khai hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học. Hoạt động khoa học - công nghệ đã từng bước gắn với sản xuất và hướng đến bảo vệ môi trường. Các chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học bước đầu phát huy hiệu quả. Việc xây dựng thương hiệu, xác lập chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm hàng hóa của tỉnh được quan tâm thực hiện. Nhiều đề tài, dự án khoa học - công nghệ được ứng dụng có hiệu quả tại địa phương, góp phần thúc đẩy ứng dụng các tiến

bộ khoa học, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tích cực người dân, doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa trên thị trường.

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai gắn với bảo vệ môi trường được tỉnh chú trọng. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 83-CTHD/TU ngày 19/12/2013 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đều khẳng định quan điểm và quyết tâm của Đảng bộ tỉnh đối với công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, tỉnh đã quy hoạch và xây dựng một số công trình phòng tránh thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chú trọng điều tra cơ bản về tài nguyên, khoáng sản phục vụ việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011-2015, cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất lần đầu đạt trên 92%; triển khai tích cực việc đo đạc lập bản đồ địa chính, cập nhật hồ sơ địa chính, chỉnh lý biến động về đất đai. Thực hiện việc khoanh định các vùng cấm, tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định. Triển khai có hiệu quả công tác ngăn chặn tình trạng khai thác vàng, cát, sỏi trái phép; chấn chỉnh an toàn lao động tại các mỏ khai thác đá xây dựng. Triển khai dự án xử lý thuốc bảo vệ thực vật tồn đọng, xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi rác ở các địa phương đạt kết quả.

#### **4. Củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội**

Quán triệt, cụ thể hóa định hướng chỉ đạo của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI: “tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ”<sup>1</sup> và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Chương trình hành động số 15-CTHD/TU ngày 27/6/2011 của Tỉnh ủy về tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.100.

tỉnh lần thứ XV đã đề ra các nhóm giải pháp: Tiếp tục tổ chức, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết của Trung ương, chương trình hành động của Tỉnh ủy về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc và bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới; tăng cường xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng - an ninh; duy trì tốt chế độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang; tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cho cán bộ và nhân dân, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo các cấp; thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2011-2015; tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và xử lý vi phạm; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, chất lượng tổng hợp và sẵn sàng chiến đấu cao.

Cụ thể hóa Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV, Đảng bộ tỉnh ban hành 5 văn kiện chuyên đề lãnh đạo, chỉ đạo, công tác quốc phòng - an ninh đáp ứng yêu cầu sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, chế độ và nhân dân trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/8/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biển, đảo trong tình hình mới; Chương trình hành động số 2558/CTr-UBND ngày 13/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU; lực lượng quân đội, biên phòng tỉnh phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương tích cực rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách nhằm nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ biển, đảo. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng vùng ven biển. Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nhân dân nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới. Củng cố, tăng cường lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ các huyện ven biển. Duy trì nghiêm sự phối hợp giữa các lực lượng vũ trang, chế độ trực báo cụm an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu và an ninh trật tự, kịp thời giải quyết các vấn đề nổi lên không để

kéo dài, tạo điểm nóng. Nhờ đó, mặc dù tình hình trên Biển Đông cũng như vùng biển Quảng Trị có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trên vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam năm 2014; các thế lực thù địch kích động, chia rẽ, xuyên tạc nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự điều hành của chính quyền, sự tích cực, chủ động, kịp thời của các lực lượng chức năng, Quảng Trị đã giữ vững sự đoàn kết, thống nhất, đồng lòng, đồng sức; phát huy truyền thống yêu nước của toàn Đảng bộ, quân và dân, góp phần cùng cả nước làm tốt công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Đối với biên giới trên đất liền, lực lượng vũ trang tỉnh, chủ yếu là bộ đội biên phòng tỉnh đã triển khai thực hiện các kế hoạch chống xâm nhập, buôn bán vũ khí, vật liệu nổ, hàng lậu qua biên giới; tuần tra, nắm tình hình, phát hiện và xử lý hàng trăm trường hợp xâm cư trái phép từ Lào qua Việt Nam và kết hôn trái phép hai bên biên giới; phát hiện, đấu tranh, xử lý có hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật dọc biên giới hai nước Việt Nam - Lào. Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; thực hiện tốt phong trào “Quần chúng tự

quản đường biên, cột mốc, giữ gìn an ninh trật tự thôn, bản”, “Kết nghĩa bản - bản giữa hai bên biên giới”,... Đến năm 2015, Quảng Trị và hai tỉnh Salavan, Savannakhet (Lào) đã tiến hành tổ chức kết nghĩa 25/25 cặp bản - bản, thắt chặt hơn tình đoàn kết, hữu nghị của nhân dân hai bên biên giới, nâng cao trách nhiệm, sự phối hợp, tương trợ lẫn nhau, cùng chung sức xây dựng biên giới hòa bình, ổn định vì sự phát triển của hai quốc gia, dân tộc. Xây dựng 15 vị trí/25 cọc dấu phụ dọc sông, suối biên giới nhằm phân định rõ đường biên giới giữa hai nước Việt Nam, Lào. Trong 5 năm 2010-2015, tình hình biên giới trên bộ của tỉnh luôn giữ vững sự ổn định, mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, giữa Quảng Trị và hai tỉnh Salavan, Savannakhet được củng cố, vun đắp và phát triển lên tầm cao mới.

Trong bối cảnh các thế lực thù địch tăng cường âm mưu “diễn biến hòa bình”, kích động, chống phá bằng những thủ đoạn mới ngày càng tinh vi, xảo quyệt, tỉnh chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, toàn diện theo hướng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, khả năng cơ động sẵn sàng chiến đấu cao. Công tác huấn luyện được đổi mới, nâng cao chất lượng đúng phương châm: “Cơ bản - Thiết thực - Vững chắc”.

Lực lượng vũ trang kiện toàn, tổ chức theo hướng “tinh, gọn, mạnh” phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Đồng thời nắm chắc tình hình, duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ thực hiện tốt các phương án chống xâm nhập, cài cắm, móc nối chống phá; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới và nội địa; kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết các vụ việc phức tạp, giữ vững ổn định chính trị toàn tỉnh, không để xảy ra đột biến, bất ngờ.

Công tác huấn luyện, diễn tập các kế hoạch, phương án tác chiến khu vực phòng thủ, tác chiến trị an, phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn được điều chỉnh, bổ sung theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương vững mạnh. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thành công các cuộc diễn tập cấp tỉnh, cấp huyện góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, điều hành của chính quyền, vai trò tham mưu của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và khả năng phối hợp hiệp đồng của lực lượng vũ trang trong tác chiến phòng thủ. Năm 2013, tỉnh đã tổ chức tốt cuộc diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh (QT-13), qua đó làm chuyển biến nhận

thức của đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị và nhân dân về nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ; làm cơ sở để kiểm nghiệm, bổ sung, hoàn thiện các phương án, kế hoạch, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Công tác xây dựng cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh được tỉnh quan tâm đầu tư, xây dựng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị quan tâm tổ chức, xây dựng tiềm lực quốc phòng, khu vực phòng thủ vững chắc. Đồng thời, làm tốt công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng, các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng công trình phòng thủ, hệ thống kho tàng, căn cứ hậu phương, căn cứ chiến đấu khá đồng bộ, toàn diện, bảo đảm cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang theo hướng hiện đại.

Công tác giáo dục, bồi dưỡng, tuyên truyền kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân được thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, quy định của Chính phủ, Luật Giáo dục quốc phòng - an ninh. Trong 5 năm 2010-2015, đã có trên 34.550 người tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. 100% học sinh,

sinh viên trên địa bàn tỉnh được giáo dục kiến thức quốc phòng. Lực lượng vũ trang còn tích cực tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; động viên, khích lệ các tầng lớp nhân dân tham gia giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở nhằm xây dựng khu dân cư, xã, thôn, bản an toàn. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã xây dựng 61 loại mô hình an ninh trật tự ở 1.081 khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp. Các phong trào tự quản đường biên, cột mốc, tự quản tàu thuyền được củng cố và hoạt động có hiệu quả. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã phát động 58/58 thôn, bản tự quản đường biên, cột mốc với 7.435 người; 34 tổ tàu thuyền an toàn với 989 tàu và 2.524 người; 137 tổ tự quản an ninh trật tự với 2.429 hộ dân.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 5/6/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên

trong tình hình mới, giai đoạn 2010-2015, cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Đến năm 2015, tổng số dân quân tự vệ có trên 11.000 người, chiếm 1,7% so với tổng dân số, đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ trên 3.500 người, đạt trên 30%; lực lượng dự bị động viên toàn tỉnh có trên 52.000 người, 51/51 đầu mối quân số đã sắp xếp đạt trên 83%, đảng viên đạt 8,1%.

Công tác hậu phương quân đội được chú trọng. Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội gắn với chính sách hậu phương quân đội. Giải quyết cơ bản các chính sách tổn động sau chiến tranh. Từ năm 2006 đến năm 2015, đã quy tập trên 1.200 mộ liệt sĩ ở nước bạn Lào và trong nước; chỉ đạo xây dựng 204 nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, trị giá 8,21 tỷ đồng. Công tác tuyển quân hàng năm bảo đảm 100% chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự ngày càng hiệu quả. Tỉnh chỉ đạo lực lượng công an xử lý tốt những vấn đề phức tạp, phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội; chủ động triển khai các phương án hợp tác về quốc phòng - an ninh trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây; triển khai đồng bộ các kế hoạch công tác, bảo vệ an

toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước. Bộ đội biên phòng, công an tỉnh phối hợp thực hiện công tác quản lý xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý vũ khí, vật liệu nổ có nhiều tiến bộ. Lực lượng công an, biên phòng còn phối hợp triển khai thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 4/9/2012 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông đạt nhiều kết quả.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm góp phần đặc lực vào nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự và an toàn xã hội. Trong 5 năm 2010-2015, lực lượng Bộ đội biên phòng tỉnh phối hợp với Công an tỉnh đấu tranh thành công 13 chuyên án lớn, tịch thu 8.152 viên ma túy tổng hợp, gần 20 kg cần sa, 700 thỏi chất nổ công nghiệp, 70 quả bom tự chế và 1.826 kíp nổ... Lực lượng Công an phối hợp với lực lượng Quân đội, Biên phòng đẩy mạnh công tác đấu tranh với tội phạm kinh tế, buôn lậu, gian lận thương mại, phát hiện và xử lý 1.589 vụ, tổng giá trị hàng hóa gần 57 tỷ đồng; phát hiện, khởi tố 12 vụ với 20 bị can về tham nhũng; xử lý 5 vụ với 5 đối tượng tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 25/2007/CT-TTg ngày 15/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống khủng bố trong tình hình mới, trong 5 năm 2010-2015, lực lượng công an các cấp đã đẩy mạnh công tác nắm tình hình, bám sát địa bàn, mục tiêu, đối tượng, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ. Đặc biệt, phối hợp hiệu quả với Bộ đội biên phòng tỉnh tập trung nắm tình hình các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới Quảng Trị và hai tỉnh bạn Salavan, Savannakhet (Lào), tuyến biển; tình hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, đoàn lâm thời; các địa bàn, lĩnh vực có tranh chấp, khiếu kiện xảy ra. Chính vì vậy, Quảng Trị luôn giữ vững sự ổn định chính trị, trật tự trị an, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

### III. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

#### **1. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng**

Nhiệm kỳ 2010-2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV đã triển khai toàn diện các mặt công tác xây dựng Đảng và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

*Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đặt ra yêu cầu: “Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết của cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào”<sup>1</sup>.

Quán triệt Nghị quyết của Đảng, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng được Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cụ thể. Ngay sau thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, bám sát hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành kế hoạch tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt nội dung Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV sâu rộng trong toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Từ sự chỉ đạo của Ban Thường vụ, việc học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy ngày càng nền nếp, được các cấp ủy tập trung tổ chức thực hiện nghiêm túc, trở thành các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, với 100% tổ chức cơ sở đảng, trên 95% cán bộ, đảng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.256-257.

viên trong toàn Đảng bộ và hàng nghìn lượt quần chúng tham gia. Công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được đẩy mạnh.

Công tác tuyên truyền hướng mạnh về cơ sở. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 15/07/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới, hội nghị báo cáo viên được tổ chức thường kỳ từ tỉnh đến cơ sở, góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Những thành tựu về công cuộc đổi mới, những kết quả của quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương kịp thời truyền tải trong toàn Đảng bộ và nhân dân. Hoạt động tuyên truyền là kênh quan trọng để định hướng thông tin trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, trong nước, trong tỉnh, đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, các luận điệu xuyên tạc và hành động xâm phạm chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, khơi dậy tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong xã hội.

Cùng với hoạt động báo cáo viên của cấp ủy, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cơ quan báo chí đã giữ

vững vai trò truyền tải tiếng nói của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh. Báo *Quảng Trị* đã trở thành nhật báo của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và đài truyền thanh cấp huyện được quan tâm đầu tư, tăng thời lượng phát sóng, nội dung phong phú, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đổi mới mạnh mẽ hình thức, đáp ứng được yêu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Hoạt động báo chí đã tích cực đấu tranh chống lại các luận điệu thù địch, chống phá đường lối cách mạng của Đảng, Nhà nước; phát hiện và dững cảm đấu tranh với các tệ nạn tiêu cực trong xã hội, góp phần làm ổn định tình hình chính trị, an ninh tư tưởng trên địa bàn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý báo chí xuất bản có nhiều chuyển biến.

Công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội được chú trọng. Việc giáo dục truyền thống cách mạng được các cấp ủy đảng trong tỉnh chú trọng triển khai bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: thông qua việc tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2010-2015.

Tuyên truyền, giáo dục thông qua các ngày lễ kỷ niệm: 70 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945-19/8/2015); 85 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2015); 105 năm Ngày sinh đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn (1907-2012) và 50 năm quan hệ đặc biệt Việt - Lào (1962-2012), các hội thi “Kể chuyện về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh”, “Tìm hiểu lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào”... Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị. Kịp thời tuyên truyền, định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước những sự kiện chính trị gây tác động lớn trong dư luận, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Đặc biệt trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức thành công Hội thảo “40 năm Ngày giải phóng tỉnh Quảng Trị (1972-2012)” nhằm khẳng định vị thế, tầm vóc, ý nghĩa và bài học lịch sử của sự kiện giải phóng Quảng Trị năm 1972; để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng đồng bào, đồng chí và bạn bè gần xa; góp phần quan trọng vào công tác giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, niềm tự hào về dân tộc, quê hương Quảng Trị

anh hùng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ thanh, thiếu niên.

Công tác thông tin đối ngoại được đẩy mạnh đã góp phần phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quảng bá tiềm năng, thế mạnh, nét đẹp văn hóa truyền thống quê hương Quảng Trị đến với bạn bè trong và ngoài nước.

Ngày 16/01/2012, Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay. Nghị quyết nêu 3 vấn đề cấp bách cần tập trung giải quyết: *một là*, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và nhân dân đối với Đảng; *hai là*, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; *ba là*, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, ngày 22/3/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 18-KH/TU để thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, đồng thời chỉ đạo các ban Đảng Tỉnh ủy ban hành văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện thống nhất trong toàn Đảng bộ; thành lập bộ phận thường trực thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đứng đầu. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, triển khai nghị quyết trong toàn Đảng bộ và chỉ đạo cấp ủy các cấp xây dựng kế hoạch thực hiện sâu sát, cụ thể. Được học tập nghị quyết, hầu hết cán bộ, đảng viên đều nhất trí cao với đánh giá của Trung ương về những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, thể hiện quyết tâm, sự tự giác hưởng ứng và tham gia thực hiện, coi đó là nhiệm vụ then chốt của Đảng bộ, nhằm nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên.

Để làm tốt việc chuẩn bị và tiến hành kiểm điểm, tự phê bình, phê bình tập thể, cá nhân cấp ủy các cấp, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các ban đảng Tỉnh ủy đã ban hành trên 30 văn bản các loại để chỉ đạo, hướng dẫn

thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI. Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn thành lập các nhóm công tác, trong đó phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số đồng chí Tỉnh ủy viên trực tiếp làm trưởng nhóm dự, chỉ đạo kiểm điểm đối với các đơn vị cấp huyện và tương đương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gợi ý kiểm điểm sâu đối với 12/16 Ban Thường vụ cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, 12/52 lãnh đạo cấp sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh theo các nội dung của Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI.

Trên tinh thần đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp và tập thể lãnh đạo các ngành đã nghiêm túc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, nêu gương bằng hành động thiết thực. Việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân của cán bộ, đảng viên được nâng lên, góp phần ngăn chặn những biểu hiện suy thoái chính

trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, củng cố niềm tin trong nhân dân.

*Công tác tổ chức cán bộ có chuyển biến tích cực.* Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV nêu các nhiệm vụ: “Tiếp tục đổi mới, kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa X, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, bảo đảm tinh gọn, thông suốt, tăng cường tính hiệu quả, hiệu lực trong lãnh đạo, quản lý, điều hành. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp giữa các tổ chức; hoàn thiện các quy chế hoạt động của cấp ủy, các tổ chức...”<sup>1</sup>.

Quán triệt chủ trương đã đề ra, trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung sự chỉ đạo, lãnh đạo với tinh thần đổi mới, cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, chính sách của Trung ương Đảng về tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị và công tác cán bộ, ban hành nhiều quy chế, quy định, xây dựng đề án để chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả. Cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cấp, các

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015*, 2010, tr.82.

ngành quán triệt và chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ; tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, theo chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy, kiện toàn một số đảng đoàn, ban cán sự đảng, ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, khắc phục được sự trùng lặp, chồng chéo giữa các tổ chức. Tiếp tục tổ chức thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức Hội đồng nhân dân ở 7 huyện, 13 phường; thực hiện thí điểm Bí thư cấp ủy đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở 1 huyện, 12 xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

Công tác quản lý, đánh giá, tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ đều được tiến hành đồng bộ. Tiếp tục quán triệt quan điểm Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch

cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/10/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong tỉnh giai đoạn 2006-2015, công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2010-2015 đã đi vào nền nếp, nâng cao chất lượng, gắn công tác quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Số cơ quan cấp tỉnh tiến hành công tác quy hoạch cán bộ tăng từ 51 đơn vị giai đoạn 2005-2010 lên 67 đơn vị giai đoạn 2010-2015. Số cán bộ được quy hoạch ở các cấp bảo đảm về tiêu chuẩn và số lượng, cơ bản hợp lý về cơ cấu, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuẩn bị Đại hội Đảng vào nhiệm kỳ tới cũng như việc kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp trong hệ thống chính trị.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo việc đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ để rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ, từng bước điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý, tăng cường cán bộ cho những nơi có nhu cầu cấp bách. Nhiệm kỳ 2010-2015, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành luân chuyển 25 đồng chí, điều động phục vụ luân chuyển 13 đồng chí. Đồng thời, chỉ đạo quyết liệt việc luân chuyển cán bộ từ khối Nhà nước qua công tác ở khối Đảng, Mặt trận và các đoàn thể; điều động, luân chuyển một số cán

bộ trẻ ở các phòng, ban cấp tỉnh về giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt cấp xã, cấp huyện; thực hiện bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện không phải là người địa phương. Các cấp ủy, chính quyền đã chú trọng hơn đối với công tác đào tạo, bổ nhiệm cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

Trên cơ sở đề nghị của Tỉnh ủy, Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh 4 đồng chí. Tháng 2/2012, đồng chí Nguyễn Văn Hùng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thành ủy Đông Hà, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Đông Hà được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tháng 6/2012, đồng chí Hồ Thanh Tự - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Chí Hướng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chuyển công tác ra Quân khu IV. Tháng 6/2014, đồng chí Thái Văn Hoạt, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ngày 01/11/2014, đồng chí Thái Vĩnh Liệu - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Đức Cường -

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nghỉ hưu. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 13/11/2014, đồng chí Nguyễn Đức Chính - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2010-2015. Ngày 17/11/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VI, nhiệm kỳ 2011-2016 tiến hành kỳ họp bất thường bầu đồng chí Nguyễn Đức Chính giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 27/12/2014, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu đồng chí Phạm Đức Châu - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và đồng chí Nguyễn Văn Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Đông Hà giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2010-2015. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Phạm Đức Châu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Tháng 3/2015, đồng chí Hồ Thanh Tự chuyển công tác ra Bộ Quốc phòng. Tháng 6/2015, đồng chí Nguyễn Hoài Phương - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đi vào nền nếp, đúng đối tượng, thành phần, đã nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Hàng trăm cán bộ được cử đi học tập, đào tạo ở Trung ương theo từng lĩnh vực: quốc phòng - an ninh, lý luận chính trị, đào tạo cán bộ nguồn. Trên 1.000 cán bộ tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính; 9.000 cán bộ tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị - hành chính; hàng chục lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, nghiệp vụ chuyên ngành được mở, thu hút hàng nghìn cán bộ, đảng viên tham gia. Từ đó, đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành có bước trưởng thành, chất lượng cán bộ ở cơ sở được nâng lên.

Thực hiện Quyết định số 1618-QĐ/TU ngày 27/2/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phê duyệt Đề án Tạo nguồn cán bộ, công chức cấp xã, dưới sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, 282 sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng đã được lựa chọn đưa về 141 xã, phường, thị trấn để đào tạo nghiệp vụ công tác tổ chức - kiểm tra, tuyên giáo - dân vận.

Đảng bộ luôn quan tâm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng, hoàn thiện và củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng

đảng viên theo tinh thần Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hằng năm, cấp ủy các cấp đều xây dựng kế hoạch củng cố tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Các tổ chức đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, quy chế; giữ vững nền nếp, cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; nhờ đó, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng được nâng lên, thể hiện rõ vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị. Cụ thể, số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh hàng năm là 76,9% (vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra). Việc đánh giá, phân loại đảng viên hàng năm chặt chẽ, nghiêm túc; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 71%, giảm dần tỷ lệ đảng viên vi phạm tư cách, không hoàn thành nhiệm vụ.

Những địa bàn trọng yếu, khó khăn, vùng sâu, vùng xa, những cơ sở còn yếu kém được quan tâm hơn. Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 15/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác phát triển đảng viên ở địa bàn, lĩnh vực còn khó khăn và ít đảng viên; với nỗ lực của các cấp ủy đảng,

sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, Mặt trận và đoàn thể quần chúng, công tác phát triển Đảng và củng cố tổ chức đảng đạt kết quả quan trọng. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 578 tổ chức cơ sở đảng (257 đảng bộ cơ sở; 321 chi bộ cơ sở), có 21 đảng bộ bộ phận, 2.396 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Nhiều chi bộ sinh hoạt ghép có đủ đảng viên để chia tách, đã xóa được 21/23 thôn, bản chưa có đảng viên và 54/98 chi bộ ghép ở các thôn, bản. Đến năm 2015, còn 43 chi bộ sinh hoạt đảng ghép; có 41/1.077 thôn, bản có từ 1-2 đảng viên (chiếm 3,81%) và chỉ còn 1 thôn chưa có đảng viên<sup>1</sup>.

Công tác kết nạp đảng viên và quản lý đảng viên được thực hiện chặt chẽ. Trong nhiệm kỳ, kết nạp 7.154 đảng viên mới (vượt 10,06% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra), đưa tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ lên 38.510 đồng chí.

Các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai, thực hiện nghiêm túc các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Những vấn đề về lịch sử chính trị được tập trung chỉ đạo giải quyết. Việc thẩm tra, xác minh, kết luận và thẩm định về

---

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020*, Quảng Trị, 2015, t.35.

tiêu chuẩn chính trị được tiến hành kịp thời. Trong 5 năm, đã tổ chức tham mưu, rà soát 1.149 hồ sơ phục vụ công tác tuyển dụng công chức, viên chức, phát triển đảng viên và các trường hợp khác.

*Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng* được chú trọng, có hiệu lực, hiệu quả. Nhiệm kỳ 2010-2015, cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã kịp thời triển khai, quán triệt, tuyên truyền Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về thi hành Điều lệ Đảng, Quyết định số 46-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII, VIII Điều lệ Đảng khóa XI, Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về những điều đảng viên không được làm. Quy định số 181-QĐ/TW ngày 30/3/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cung cấp thông tin cho báo chí sau các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và quy trình giải quyết tố cáo cán bộ, đảng viên đối với các trường hợp do Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập đoàn giải quyết tố cáo... Qua đó, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp đều xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm phù hợp với yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới triển khai thực hiện nghiêm túc. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng đi vào nền nếp, tăng cả về số lượng, nâng cao hơn về chất lượng, nội dung, đối tượng bao quát trên các lĩnh vực và có trọng tâm, trọng điểm; gắn kiểm tra, giám sát tổ chức đảng với kiểm tra, giám sát đảng viên, nhất là đối với người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề có quy mô lớn: Kiểm tra việc lãnh đạo bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2011-2016; kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ

thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI; giám sát một số chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ đó giúp cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy toàn diện, đồng bộ và sâu sắc hơn.

Trong nhiệm kỳ, đã kiểm tra 1.226 đảng viên (tăng 627 đảng viên) và 2.101 tổ chức đảng (tăng 1.120 tổ chức đảng) so với nhiệm kỳ 2005-2010. Phát hiện 65 tổ chức đảng có vi phạm nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật; có 40 đảng viên có vi phạm và thi hành kỷ luật 17 đồng chí. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tiến hành giám sát chuyên đề đối với 1.533 đảng viên (tăng 1.277 đảng viên) và 1.712 tổ chức đảng (tăng 1.225 tổ chức đảng) so với nhiệm kỳ 2005-2010. Kết quả, đã phát hiện có 35 đảng viên và 19 tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm; chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 8 đảng viên và 6 tổ chức đảng. Việc xem xét thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện nghiêm minh, chính xác, kịp thời, vì vậy, số lượng tổ chức đảng và đảng viên bị xử lý kỷ luật giảm so với nhiệm kỳ trước. Các tổ chức đảng làm tốt công tác tư tưởng và tổ chức trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật, đã góp phần quan trọng vào việc ngăn ngừa vi phạm, củng cố khối đoàn kết thống nhất.

Việc giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại được chú trọng. Mặc dù tình hình đơn, thư tố cáo, khiếu nại diễn biến phức tạp, có thời điểm số lượng tăng nhiều nhưng Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo, giải quyết kịp thời, đúng quy định.

*Công tác dân vận* của cấp ủy có tiến bộ. Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức triển khai và thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy liên quan đến công tác dân vận như: Quyết định số 300-QĐ/TU ngày 26/10/2011 về quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh; Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 9/5/2012 về đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”...

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới nêu rõ mục tiêu: củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân; tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức

mạnh to lớn của nhân dân, tạo phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động số 79-CTHĐ/TU ngày 28/10/2013 thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng kết, sơ kết việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận trong hệ thống chính trị. Đẩy mạnh thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo, công tác dân vận chính quyền và của lực lượng vũ trang. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được chú trọng.

Việc thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tỉnh theo Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị và Quyết định số 300-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có bước chuyển biến. Các cấp ủy đảng quan tâm đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với công tác

dân vận, đi đôi với bảo đảm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng hệ thống chính trị các cấp trong sạch, vững mạnh, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chăm lo lợi ích chính đáng, tôn trọng quyền và phát huy nghĩa vụ công dân. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” tiếp tục được chỉ đạo thực hiện hiệu quả trên các lĩnh vực đời sống xã hội; tập trung hướng về cơ sở, sát đoàn viên, hội viên.

Tỉnh ủy chỉ đạo kiện toàn, củng cố hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân vận cấp huyện và cơ sở. Đến năm 2015, có 16 ban, phòng dân vận các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc; có 141/141 khối dân vận xã, phường, thị trấn và 1.119 tổ dân vận thôn, bản, khóm, khu phố được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả.

*Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng* được tăng cường. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã đề ra nhiều chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng. Trong đó, chú trọng đi sâu lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, chăm lo xây dựng Đảng, đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ quan nội chính.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, các cơ quan tư pháp từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, cán bộ và nâng cao chất lượng hoạt động. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và các hoạt động hỗ trợ tư pháp được nâng lên. Công tác theo dõi thi hành pháp luật và pháp chế được tăng cường. Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý đạt nhiều kết quả.

Ngày 25/6/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 1025-QĐ/TU về việc thành lập Ban Nội chính Tỉnh ủy. Việc hình thành cơ quan chuyên trách đã giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các mặt công tác nội chính, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững an ninh trật tự, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chuyển biến tích cực trên cả ba mặt: tuyên truyền giáo dục, phòng ngừa và phát hiện, xử lý. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, thiết lập các cơ chế, điều kiện hạn chế hành vi tham nhũng và công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, giám sát cộng đồng được đẩy mạnh, góp phần ngăn chặn các hành vi tham nhũng, lãng phí, nhất là trên các

lĩnh vực về quản lý đất đai, ngân sách, xây dựng cơ bản. Việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản đạt kết quả bước đầu.

*Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng tiếp tục được đổi mới. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung chỉ đạo và từng bước thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, trọng tâm là phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng. Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy xây dựng và ban hành các quy chế, quy định, xác định rõ nguyên tắc, cơ chế, mối quan hệ trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị, làm cơ sở để Đảng bộ, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp hoạt động chặt chẽ, nhịp nhàng, không chồng chéo, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng tổ chức, giúp cho tổ chức đảng nâng cao được năng lực lãnh đạo với phương châm “không buông lỏng nhưng không bao biện làm thay”, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nhất là trong việc bàn và quyết định*

các chủ trương, nghị quyết, quy định của cấp ủy. Phong cách, lề lối làm việc của các cấp ủy được cải tiến, đổi mới; tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sâu sát cơ sở, gần dân hơn.

## **2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và hiệu lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp**

Trong nhiệm kỳ, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp được nâng lên, cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, công tác đối ngoại được chú trọng.

*Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI ngày càng nâng cao chất lượng; thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định, giám sát các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề quan trọng của địa phương. Các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đúng luật và phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển, giữ vững quốc phòng - an ninh, giải quyết kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra. Nhiệm kỳ khóa VI, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tiến hành 23 kỳ họp, ban hành 194 nghị quyết thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân*

đạt nhiều kết quả, nhất là giám sát chuyên đề về quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; giám sát nhiều vụ án oan, sai... Hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được Hội đồng nhân dân quan tâm. Giai đoạn 2011-2015, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức 745 đợt giám sát chuyên đề và khảo sát, xác minh, kiến nghị các cơ quan nhà nước giải quyết đơn, thư, ý kiến, nguyện vọng của cử tri theo thẩm quyền, góp phần củng cố, xây dựng niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2011-2016, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; ban hành các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại. Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố, kiện toàn, phát huy hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành. Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước cho ngành và chính quyền cấp dưới, tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của cơ sở. Các cơ quan chuyên môn thuộc

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện từng bước được sắp xếp, kiện toàn theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện tốt chức năng tham mưu, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực ở địa phương. Công tác phân công, phân cấp trong quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh được chú trọng. Kỷ cương quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực được tăng cường.

Ủy ban nhân dân các cấp đã bám sát và thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Chính phủ và cơ quan Trung ương, của các cấp ủy đảng, vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành bảo đảm hiệu quả, thông suốt, giải quyết công việc đúng trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ở các địa phương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, phường, Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân các phường đã chủ động quản lý, điều hành các mặt công tác, vì vậy tình hình kinh tế - xã hội vẫn ổn định và có bước phát triển, quốc phòng - an ninh được bảo đảm.

Cải cách hành chính đạt được hiệu quả trên một số mặt. Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 8/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn

2011-2020, công tác cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục được đẩy mạnh. Giai đoạn 2011-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố 80 quyết định với 1.357 thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và 892 thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thay thế. Công khai 1.357 hồ sơ thủ tục hành chính, 30 hồ sơ văn bản; không công khai 892 hồ sơ thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo đúng quy định. 100% thủ tục hành chính sau khi công bố được đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh và của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. Việc thực hiện “cơ chế một cửa”, “một cửa liên thông” có nhiều tiến bộ, tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Đến năm 2015 có 18/20 sở, ban, ngành; 5 đơn vị ngành dọc của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; 9/10 huyện, thị xã, thành phố; 141/141 xã, phường, thị trấn đã triển khai thực hiện “cơ chế một cửa”, “một cửa liên thông”, trong đó có 5 đơn vị cấp sở có giải quyết một số loại công việc liên thông. Việc cải cách tổ chức bộ máy hành chính được thực hiện theo đúng quy định. Việc cải cách tài chính công và thực hiện cơ chế tự chủ được triển khai nghiêm túc. Tỉnh đã đưa ra các giải pháp tăng cường quản lý nhằm tăng thu ngân

sách nhà nước, thực hiện phân cấp ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương, phát huy tính chủ động, sáng tạo, chịu trách nhiệm của các ngành, các cấp chính quyền.

Các ngành trong khối tư pháp đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý cho người dân và doanh nghiệp. Triển khai tuyên truyền sâu rộng Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 và tăng cường các hoạt động phổ biến pháp luật trong nhân dân. Công tác xây dựng, soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc rà soát văn bản có nhiều tiến bộ.

Hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được triển khai tích cực, bảo đảm tính dân chủ, công bằng, đúng chính sách, pháp luật. Giai đoạn 2010-2015 đã xử lý dứt điểm nhiều vụ việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài, hạn chế được đơn, thư vượt cấp, khiếu kiện đông người. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được các cấp, các ngành thực hiện đúng quy định, giảm số lượng khiếu nại tồn đọng. Công tác tiếp công dân được chú trọng, trách nhiệm của Thường trực Ủy ban nhân dân được đề cao.

Thực hiện Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 31/3/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy về thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hoạt động đối ngoại, vận động, xúc tiến đầu tư và xây dựng hình ảnh, vị thế của tỉnh giai đoạn 2010-2015 đạt được những kết quả tích cực. Công tác chính trị đối ngoại đã kết hợp chặt chẽ với công tác kinh tế đối ngoại, hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả nổi bật. Đến năm 2015, tỉnh đã thiết lập quan hệ hợp tác với 22 nhà tài trợ song phương và đa phương, tiếp nhận hỗ trợ của trên 36 tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Có 5 quốc gia là Thái Lan, Trung Quốc, Mỹ, Nga và Đan Mạch đã có dự án đầu tư vào tỉnh trong các lĩnh vực công nghiệp, kinh doanh thương mại. Tỉnh cũng thu hút được 19 dự án ODA với tổng số vốn là hơn 4.700 tỷ đồng; 171 dự án NGO với tổng nguồn vốn cam kết tài trợ là 976 tỷ đồng. Những kết quả này đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện an sinh xã hội, nâng cao năng lực người dân và đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trên nhiều lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt với hai tỉnh Salavan và Savannakhet (Lào) tiếp tục được củng cố,

thất chặt. Đến năm 2015, hoàn thành công tác tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào trên tuyến biên giới của tỉnh. Kinh tế cửa khẩu từng bước tạo tiền đề khai thác hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và thỏa thuận hợp tác giữa 3 tỉnh Quảng Trị - Salavan và Savannakhet (Lào); từ năm 2008 đến năm 2015, Quảng Trị đã đào tạo được 5 khóa trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ hai tỉnh Salavan và Savannakhet, với 190 học viên.

Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội từng bước được đổi mới, phát huy dân chủ, trí tuệ của đại biểu, thực hiện tốt công tác tiếp dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; giám sát giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân; nâng cao năng lực thẩm tra, thẩm định và tham gia xây dựng luật pháp, chính sách. Giai đoạn 2011-2015, Đoàn đại biểu Quốc hội đã tiến hành 28 cuộc giám sát việc chấp hành pháp luật trên tất cả các lĩnh vực; tổ chức tiếp 205 lượt công dân, trực tiếp giải quyết và chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết 215 đơn, thư; tổ chức 312 điểm tiếp xúc cử tri với gần 40.000 người tham dự.

### **3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV: “Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc”; nhiệm kỳ 2010-2015, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới trong hoạt động. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, tăng cường, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

*Mặt trận Tổ quốc* các cấp trong tỉnh đã phát huy vai trò vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết, giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự và bảo vệ môi trường. Động viên nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” gắn với chương trình “Xóa nhà ở dột nát, tạm bợ cho hộ nghèo”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh,

tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Công tác dân tộc thực hiện đồng bộ với việc triển khai các chương trình, dự án cho vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nâng cao trình độ cán bộ xã, thôn, hỗ trợ các dịch vụ nâng cao đời sống nhân dân vùng đặc biệt khó khăn, vùng miền núi. Công tác tôn giáo thường xuyên được chú trọng, đã vận động, động viên đồng bào có đạo, các chức sắc tôn giáo tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước.

Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư được tổ chức hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam (18/11) với nhiều hoạt động thiết thực, phong phú, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” tiếp tục đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng, duy trì tính bền vững và được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 1.144/1.144 khu dân cư triển khai thực hiện Cuộc vận động. Số gia đình và khu dân cư, cơ quan, đơn vị được công nhận gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa tăng lên hàng năm. Hàng trăm đơn

vị, khu dân cư được công nhận đơn vị văn hóa xuất sắc tiêu biểu.

Nhằm tăng cường và phát huy vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, ngày 9/9/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội” và “Quy định về Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền”. Thực hiện chỉ thị, các cấp ủy, tổ chức đảng, Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể các cấp đã phối hợp thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo chức năng, nhiệm vụ; đồng thời, tập trung giải quyết các kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội. Trong 5 năm 2010-2015, Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh cùng với các ban, ngành đã tiếp 1.140 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo. Các Ban Thanh tra nhân dân trong toàn tỉnh đã tiến hành giám sát 1.223 vụ việc và đề xuất, kiến nghị chính quyền giải quyết 1.014 vụ việc. Các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã tổ chức giám sát 2.608 công trình tại địa phương. Hoạt động hòa giải ở cơ sở và hoạt động thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng đã

góp phần giảm thiểu những khiếu nại, tố cáo trong nhân dân với chính quyền các cấp, hạn chế tình trạng đơn, thư phức tạp, vượt cấp, góp phần ổn định tình hình chính trị tại địa phương. Tổ chức Mặt trận đã phối hợp với các cấp, các ngành, đoàn thể thực hiện việc kết nối, động viên đồng bào Quảng Trị ở nước ngoài và các tỉnh, thành phố trong nước hướng về quê hương, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng tỉnh phát triển đi lên.

Bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, *Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh* không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm. Các cấp hội tích cực huy động nội lực cùng với việc khai thác nguồn lực từ các chương trình, dự án, các ngành, từng bước xã hội hóa công tác vận động phụ nữ. Phong trào phụ nữ được đẩy mạnh, có nhiều nét mới, với nhiều hoạt động cụ thể phù hợp với từng đối tượng, vùng miền, thu hút đông đảo các tầng lớp phụ nữ tham gia. Hội đã làm tốt vai trò hạt nhân đoàn kết các tầng lớp phụ nữ, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ, hội viên; duy trì ảnh hưởng rộng rãi trên nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng gia đình hạnh phúc và phòng, chống tệ nạn

xã hội. Hội viên ngày càng gắn bó với tổ chức hội, có ý thức xây dựng Hội vững mạnh. Vị thế của tổ chức hội được nâng cao. Đội ngũ cán bộ nữ phát triển cả về số lượng và chất lượng đã thể hiện rõ nét sự phát triển của phong trào phụ nữ và mức độ bình đẳng giới trong xã hội.

Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững đã được các cấp hội phụ nữ tập trung thực hiện góp phần tích cực giảm tỷ lệ hộ nghèo, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh. Trong 5 năm 2010-2015, đã có 5.230 hộ phụ nữ nghèo làm chủ kinh tế, thoát nghèo (vượt chỉ tiêu 1.373 hộ, đạt tỷ lệ 136%), góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh xuống còn 6,4% vào cuối năm 2015. Hoạt động tiết kiệm tín dụng đã thu hút 95% chi hội, 82,3% hội viên tham gia (vượt 2,3% so với chỉ tiêu đề ra). Gắn kết Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm” với Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn”, Hội Phụ nữ các cấp đã huy động được một nguồn lực đáng kể để đào tạo nghề cho hơn 14.470 phụ nữ, chiếm tỷ lệ 47%. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng tiếp tục được các cấp hội tập trung thực hiện. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã kết nối, duy trì hoạt động của 20 câu lạc bộ doanh nghiệp nữ, với 686 thành viên tham gia.

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” đã huy động sự nỗ lực của các cấp hội và sự tự giác của mỗi gia đình hội viên, đến cuối năm 2015, đã có 77.538 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí (tỷ lệ 78%).

*Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh* đã có nhiều đổi mới trong hoạt động. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và Chương trình hành động của các cấp ủy đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ mới, công tác đoàn và phong trào thanh niên giai đoạn 2010-2015 đạt nhiều kết quả. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống được tập trung chỉ đạo đổi mới về nội dung và phương thức. 100% cán bộ đoàn, trên 90% đoàn viên, thanh niên được học tập, nghiên cứu các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống của Đoàn. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên được chăm lo xây dựng vững mạnh, đội ngũ cán bộ đoàn các cấp tiếp tục được chuẩn hoá theo Quy chế. 100% cán bộ đoàn được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Tầng lớp thanh niên trong

trường học, ở vùng nông thôn, miền núi, vùng biển đến thành thị hầu hết tham gia tổ chức đoàn, hàng năm kết nạp từ 11.000-12.000 đoàn viên, đạt chỉ tiêu 100%. Đến năm 2015, tổng số đoàn viên trên toàn tỉnh là 50.435 người; số đảng viên tham gia sinh hoạt đoàn là 7.306 người, số tổ chức cơ sở đoàn là 2.918, hàng năm giới thiệu từ 2.500 đến 3.000 đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, lựa chọn để kết nạp vào hàng ngũ của Đảng. Công tác xây dựng Đoàn, Đoàn tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên, xây dựng tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có những đổi mới. Các phong trào “Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”; “Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”, “Tuổi trẻ Quảng Trị làm theo lời Bác” là sợi chỉ đỏ xuyên suốt thu hút mạnh mẽ đoàn viên, hội viên tham gia, thực hiện.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/1/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 30/7/2008 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ công chức, viên chức

và tổ chức công đoàn tỉnh Quảng Trị thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác xây dựng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn các cấp được chú trọng. Công đoàn các cấp đã quan tâm công tác giáo dục, nâng cao nhận thức, tư tưởng, chính trị cho công nhân, viên chức, người lao động. Trong 5 năm 2010-2015, có 95,7% cán bộ, đoàn viên, công nhân viên chức - lao động trong toàn tỉnh được học tập, quán triệt đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hoạt động công đoàn đã thu hút đông đảo người lao động tham gia; vai trò, uy tín của tổ chức công đoàn được nâng cao, nhất là trong việc chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” ngày càng sâu rộng, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong bối cảnh phát triển kinh tế tri thức, ứng dụng khoa học - công nghệ và hội nhập, tổ chức công đoàn có nhiều giải pháp thiết thực để tăng cường đoàn kết, tập hợp, vận động đội ngũ doanh nhân, trí thức tham gia vào quá trình phát triển của tỉnh. Các hoạt động xã hội của Công đoàn phát huy hiệu quả, góp phần cùng Đảng bộ, chính quyền thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Nổi bật

là kết quả thực hiện chương trình “Mái ấm Công đoàn”, Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”. Các hoạt động “Tháng công nhân” tổ chức hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động (1/5) do Công đoàn tổ chức góp phần thắt chặt hơn mối quan hệ giữa doanh nghiệp, công đoàn và người lao động; đồng thời khẳng định vị trí, vai trò của tổ chức công đoàn trong việc tập hợp, vận động, giáo dục đoàn viên và người lao động.

*Các cấp Hội Nông dân* trong tỉnh đã tổ chức triển khai và xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 3/12/2009 của Ban Chấp hành Trung ương về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”; Quyết định số 673-QĐ/TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020, đồng thời tổ chức tuyên truyền, quán triệt toàn thể cán bộ, hội viên nông dân. Từ đó, các cấp hội đã làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện an

sinh xã hội; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nâng cao vai trò, vị trí của tổ chức hội trong tình hình mới.

Nhằm giúp nông dân có vốn phát triển sản xuất, Hội Nông dân tỉnh đã xây dựng quỹ hỗ trợ nông dân với số vốn trên 2 tỷ đồng, cho trên 800 lượt hộ vay. Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” đã vận động nông dân thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, đẩy mạnh cơ giới hóa, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Đến cuối năm 2015, có trên 20 nghìn hộ đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp. Phong trào “Nông dân chung sức xây dựng nông thôn mới” đã thu hút hội viên nông dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng quy hoạch, chỉnh trang nông thôn, tổ chức sản xuất, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Bằng nhiều hình thức vận động, trong giai đoạn 2011-2015, nông dân trong tỉnh đã đóng góp trên 800 triệu đồng, hiến gần 300 nghìn m<sup>2</sup> đất, gần 300 nghìn ngày công xây dựng kết cấu hạ tầng, công trình phúc lợi dân sinh. Phong trào “Nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng - an ninh” đã vận động nhiều thanh niên, con em nông dân chấp hành tốt Luật Nghĩa vụ

quân sự, tổ chức thăm hỏi, động viên chiến sĩ mới, người ra quân; tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, tham gia diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh với tinh thần, trách nhiệm cao.

Các hoạt động dịch vụ, tư vấn, dạy nghề, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất được thực hiện tích cực, mang lại hiệu quả trong việc cung ứng thiết bị, vật tư nông nghiệp cho hội viên nông dân, hỗ trợ nông dân tiếp cận với khoa học - kỹ thuật, hỗ trợ nông dân khởi nghiệp. Việc xây dựng tổ chức hội được đẩy mạnh, đến năm 2015, toàn tỉnh có 141 cơ sở hội, 1.177 chi hội với trên 90 nghìn hội viên, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

*Hội Cựu chiến binh* tiếp tục nêu gương sáng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và không ngừng củng cố tổ chức hội vững mạnh. Hội tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, giáo dục truyền thống cách mạng, giữ vững phẩm chất bộ đội Cụ Hồ, nêu cao vai trò nòng cốt trong các hoạt động cách mạng, các phong trào thi đua yêu nước của các địa phương, đơn vị.

Tháng 11/2012, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức tổng kết

10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 08/01/2002 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá: “Cấp ủy đảng thực hiện chế độ làm việc với Hội Cựu chiến binh để nghe báo cáo về kết quả hoạt động và chương trình công tác của Hội, cho chủ trương lãnh đạo đối với Hội, giải quyết những vấn đề nảy sinh ở cơ sở. Các cấp ủy đảng cũng chú trọng tăng cường lãnh đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức hội, trọng tâm là nâng cao chất lượng hoạt động và công tác cán bộ hội; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, hội viên cựu chiến binh nâng cao nhận thức về các quan điểm chỉ đạo của Đảng trong việc chăm lo, tạo điều kiện bồi dưỡng và vận động để cựu chiến binh tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, vận động hội viên cựu chiến binh đoàn kết, tương thân, tương ái để giúp nhau cải thiện đời sống cho hội viên”<sup>1</sup>.

---

1. Tỉnh ủy Quảng Trị: *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, số 117-BC/TU ngày 14 tháng 11 năm 2012*. Tài liệu lưu tại phòng lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy.

Với sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong 5 năm 2010-2015, hoạt động của Hội Cựu chiến binh đạt nhiều kết quả mới. Các cấp hội luôn chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội xây dựng các chương trình, dự án kinh tế - xã hội và vận động hội viên tham gia thực hiện các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, “Đi tìm đồng đội”; Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”; ủng hộ lập quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, “Quỹ khuyến học”, “Quỹ phòng chống thiên tai”, “Quỹ quốc phòng - an ninh”. Tập trung xây dựng Hội trong sạch, vững mạnh cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội chăm lo giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Tham gia xây dựng nông thôn mới với 3 hiến “Hiến công, Hiến kế, Hiến đất”. Đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân. Hội viên cựu chiến binh phát triển mạnh. Năm 2012 có 229 tổ chức cơ sở hội với 29.796 hội viên, đến năm 2015, toàn tỉnh có 233 tổ chức cơ sở hội với 30.800 hội viên.

Hội chủ động tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành chức năng giải quyết những vấn đề mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng; lãnh đạo và tổ chức cho cán bộ, hội viên tích cực tham gia đóng

góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp thông qua các kỳ Đại hội Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp với tinh thần trách nhiệm cao. Nhiệm kỳ 2010-2015 có 500 cựu chiến binh được bầu vào cấp ủy các cấp. Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp 2011-2016 có 881 cựu chiến binh trúng cử.

Kế thừa và phát huy kết quả thời kỳ trước, Hội Cựu chiến binh các cấp tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các phong trào thi đua sản xuất giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng. Đến năm 2012, có 73 doanh nghiệp, 113 hợp tác xã, tổ hợp tác, 237 trang trại, gia trại, cơ sở sản xuất, dịch vụ, thu hút tạo việc làm cho gần 10 nghìn lao động là cựu chiến binh, con em cựu chiến binh, góp phần ổn định đời sống gia đình hội viên và làm giàu cho xã hội.

Các hội quần chúng khác đã phát huy vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động, giáo dục, tập hợp hội viên tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Chương trình hành động số 62-CT/TU ngày 23/4/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28/8/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần

chúng, các hội quần chúng trong tỉnh phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về hình thức tổ chức và hoạt động. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 49 tổ chức hội với 365.000 hội viên. Với tinh thần “tự nguyện, tự chủ, tự quản”, các hội đã khắc phục khó khăn, phát huy lợi thế, chủ động tổ chức các hoạt động, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt kế hoạch đề ra. Quy mô nền kinh tế nhỏ, chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế. Hoạt động kinh tế tập thể nhìn chung kém hiệu quả; kinh tế tư nhân quy mô còn nhỏ lẻ. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa đạt kế hoạch đề ra.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn còn thấp. Thu hút đầu tư và huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa đạt kế hoạch. Đào tạo nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nghề chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu sử dụng. Công tác giảm nghèo thiếu bền vững, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số, nguy cơ tái nghèo cao. Điều kiện

chăm sóc sức khỏe nhân dân có mặt còn hạn chế, đời sống dân cư ở một số vùng nông thôn và miền núi còn khó khăn, chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp nhân dân còn khá lớn. Ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép... còn đặt ra nhiều thách thức.

Tình hình quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh tiềm ẩn một số vấn đề phức tạp; việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân có mặt còn hạn chế. Công tác dự báo, nắm tình hình ở một số địa phương, đơn vị chưa kịp thời, giải quyết một số tình huống phức tạp, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh có lúc còn lúng túng.

Trong xây dựng Đảng, công tác chính trị, tư tưởng có mặt chưa thật sự chủ động, tính chiến đấu, tính thuyết phục chưa cao. Một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan nhà nước chưa nhận thức đầy đủ vai trò của công tác chính trị, tư tưởng. Thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” một số nơi còn mang tính hình thức, kết quả “làm theo” chưa toàn diện. Một số cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu gương mẫu, thiếu trách nhiệm, có biểu hiện quan liêu, xa dân, vi phạm kỷ luật.

Tổ chức bộ máy của một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự tinh gọn, hiệu quả; vẫn còn tình trạng chồng

chéo, trùng lặp trong chức năng, nhiệm vụ. Chưa đổi mới nhiều trong công tác đánh giá, giám sát, quản lý cán bộ. Việc đào tạo, bổ nhiệm cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số chưa đạt yêu cầu. Một số đảng bộ, chi bộ chưa thể hiện rõ vai trò hạt nhân chính trị tại địa phương, đơn vị và cơ sở. Công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên ở các doanh nghiệp tư nhân còn khó khăn. Quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên; tự phê bình và phê bình, kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên hàng năm có nơi chưa phản ánh đúng thực chất. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng chưa đáp ứng tốt yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới. Công tác phòng, chống tham nhũng còn nhiều bất cập. Công tác dân vận của Đảng có mặt chậm đổi mới, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có mặt chưa đáp ứng yêu cầu.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân còn chậm. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa đạt kết quả như mong đợi.

Hoạt động của các cơ quan nhà nước còn một số

hạn chế. Hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trên một số lĩnh vực chưa toàn diện, còn thiếu chiều sâu. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là Hội đồng nhân dân cấp xã còn hình thức, thực hiện chức năng giám sát còn lúng túng. Tổ chức bộ máy một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp chưa sắp xếp tinh gọn. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có mặt còn hạn chế. Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

Phát huy tinh thần đoàn kết, vượt qua khó khăn, trong 5 năm 2010-2015, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Trị đã nỗ lực phấn đấu, giành được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực. Năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng được nâng lên, bộ máy chính quyền các cấp được củng cố. Sức mạnh khối đại đoàn kết trong Đảng và toàn dân được tăng cường. Chính trị, xã hội ổn định. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá. Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, đô thị khởi sắc hơn. Quốc phòng - an ninh không ngừng được tăng cường. Nhân dân tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, ủng hộ sự nghiệp đổi mới. Những thành tựu đó tiếp tục tạo tiền đề để Quảng Trị phát triển vững chắc hơn trong thời kỳ tiếp theo.

## KẾT LUẬN

**B**ước vào thế kỷ XXI, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị tự tin, vững bước trên con đường đổi mới, với quyết tâm phát huy kết quả đạt được, chủ động đón nhận vận hội mới, phấn đấu đưa quê hương phát triển mạnh mẽ, vững chắc hơn.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Trung ương, trong ba nhiệm kỳ từ năm 2000 đến năm 2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phân tích, nhận định đúng thực trạng tình hình của địa phương, những tiềm năng, cơ hội, lợi thế so sánh với các tỉnh, thành trong khu vực miền Trung và cả nước; từ đó ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận sát đúng, phù hợp trong từng thời kỳ, thời điểm nhằm tạo sự bứt phá đi lên, quyết tâm thay đổi diện mạo quê hương, không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân; giữ vững quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, củng cố, kiện toàn tổ chức

đảng, bộ máy chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong sạch, vững mạnh.

Từ sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, cùng quá trình nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, vượt qua nhiều khó khăn, trong 15 năm, nền kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô từng bước tăng lên, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, giảm dần tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng - dịch vụ. Một số ngành kinh tế mũi nhọn đã tạo được bước đột phá cho sự phát triển.

Trong nông nghiệp, các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản đều chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành và phát triển những vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến với các loại cây trồng phù hợp. An ninh lương thực được bảo đảm, sản lượng lương thực tăng. Chăn nuôi ngày càng nâng cao chất lượng và tỷ trọng trong sản xuất nông nghiệp. Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản phát triển nhanh. Ngành lâm nghiệp đẩy mạnh công tác trồng và bảo vệ rừng, nâng cao hiệu quả gỗ rừng trồng, tăng tỷ lệ che phủ rừng. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, làm dấy lên nhiều phong trào thi đua sôi nổi,

những nét đẹp văn hóa trong cộng đồng dân cư vùng nông thôn được phát huy, góp phần gìn giữ và phát triển văn hóa làng, xã đặc sắc của dân tộc.

Lĩnh vực công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm tăng cao. Điểm nổi bật là với sự chỉ đạo xuyên suốt của Đảng bộ về phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; đến năm 2015, cùng với Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, đã hình thành và đưa vào hoạt động 3 khu công nghiệp, 13 cụm công nghiệp, hàng nghìn cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giải quyết hàng vạn việc làm cho người lao động. Một số sản phẩm của ngành đã xác lập được thương hiệu và đứng vững trên thị trường. Các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, chế tạo, chế biến phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu của địa phương.

Kết cấu hạ tầng phát triển vượt bậc. Nhiều công trình mới được đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân, vừa tạo điểm nhấn trong cảnh quan đô thị. Hệ thống giao thông phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi rõ rệt diện mạo quê hương từ thành thị đến vùng ven biển, vùng sâu, vùng xa, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, bảo

đảm quốc phòng - an ninh. Kết cấu hạ tầng ở đô thị và nông thôn được nâng cấp, hình thành các chuỗi đô thị phù hợp với điều kiện địa - chính trị, kinh tế của địa phương, đưa tỷ lệ dân số thành thị tăng lên. Hệ thống thủy lợi, kênh mương được đầu tư xây dựng đồng bộ góp phần cải tạo môi trường sinh thái, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hệ thống lưới điện, hạ tầng bưu chính - viễn thông phát triển rộng khắp đến các vùng, miền trong tỉnh, phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân.

Thương mại - dịch vụ ngày càng sôi động, tốc độ tăng trưởng khá cao. Các loại hình dịch vụ phát triển đa dạng, thị trường hàng hóa phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân. Thị trường xuất khẩu được mở rộng, kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh. Kết cấu hạ tầng dịch vụ du lịch được tập trung đầu tư, doanh thu ngành du lịch đạt khá. Kinh tế đối ngoại ngày càng rộng mở, thu hút đầu tư nước ngoài vào địa bàn có bước khởi sắc. Tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh nước bạn Lào, góp phần vun đắp tình đoàn kết, gắn bó đặc biệt giữa hai nước, hai dân tộc.

Quán triệt quan điểm tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, Đảng bộ tập trung chỉ đạo, giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, giữ vững sự ổn định chính trị. Các mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội, xóa đói, giảm nghèo được triển khai tích cực, đồng bộ và đạt nhiều kết quả.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển toàn diện cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất. Trường học được kiên cố hóa, trường đạt chuẩn chiếm tỷ lệ cao. Học sinh đổ vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp tăng hàng năm đặc biệt là số học sinh đạt giải qua các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế ngày càng nhiều. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tiến bộ, hệ thống mạng lưới y tế phát triển nhanh, hoạt động có hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của các tầng lớp nhân dân.

Lĩnh vực văn hóa - thông tin phát triển. Kết cấu hạ tầng và thiết chế văn hóa thông tin được quan tâm đầu tư. Hệ thống phát thanh, truyền hình phủ sóng khắp tỉnh. Báo chí đa dạng loại hình, là kênh thông tin quan trọng để đưa đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân

dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở” phát triển sâu rộng. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chuyển biến tích cực. Nhiều lễ hội và các sản phẩm du lịch mang thông điệp hòa bình và dấu ấn văn hóa quê hương Quảng Trị hình thành, thu hút sự quan tâm của đông đảo du khách trong và ngoài nước. Những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương và phẩm chất tốt đẹp của người Quảng Trị được phát huy. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tích cực. Thu nhập bình quân đầu người tăng cao, từ 16 triệu đồng năm 2010 lên 34 triệu đồng năm 2015. Số hộ khá, hộ giàu tăng, hộ nghèo còn dưới 7%. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, chất lượng cuộc sống được nâng lên. Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân trong tỉnh tiếp tục dành sự quan tâm đặc biệt cho công tác thương binh, liệt sĩ và người có công với nước. Các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” diễn ra sâu rộng. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 1.899 bà mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; trên 20 nghìn người có công với cách mạng được hưởng đầy đủ các khoản trợ cấp và các chế độ ưu đãi. Công tác quy tập mộ liệt sĩ, chăm sóc, tôn tạo các nghĩa trang liệt sĩ được chú trọng, tô đẹp thêm truyền thống “Ăn quả

nhớ người trồng cây”, làm ấm lòng những gia đình có người thân đã hy sinh vì Tổ quốc.

Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được giữ vững. Lực lượng vũ trang tỉnh có sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, an ninh nội địa, an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới đất liền, biển, đảo, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều kết quả tích cực. Đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay đã siết chặt hơn kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, góp phần tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, giữ gìn đạo đức, lối sống; tình trạng tham nhũng, lãng phí từng bước được ngăn chặn. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở được chú trọng đổi mới. Bộ máy chính quyền các cấp vận hành hiệu quả. Cải cách hành chính, cải thiện môi

trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh có bước tiến bộ. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chuyển biến tích cực theo hướng gần dân, sát dân. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố, tăng cường. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự phát triển của quê hương, đất nước.

Thực tiễn lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đã để lại cho Đảng bộ Quảng Trị một số bài học kinh nghiệm quý:

**1. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh, tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng, làm cơ sở cho xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ gắn bó giữa dân với Đảng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu chính trị đã đề ra**

Cùng với 15 năm đầu thế kỷ XXI, Đảng bộ Quảng Trị đã có 85 năm xây dựng, phấn đấu và trưởng thành, 45 năm lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh đấu tranh giải phóng dân tộc, 40 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quê hương. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, đầy gian khổ, hy sinh, nhưng vô cùng oanh liệt, vẻ vang, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị xứng đáng là một bộ phận máu thịt của Đảng Cộng sản Việt Nam,

khẳng định vai trò lãnh đạo đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân toàn tỉnh. Đó là nhờ Đảng bộ tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối chấp hành sự lãnh đạo của Đảng; sự phấn đấu không mệt mỏi, hy sinh quên mình của các thế hệ cán bộ, đảng viên; sự đoàn kết, thống nhất cao và được nhân dân tin yêu, ủng hộ, hết lòng giúp đỡ, bảo vệ.

Sự nghiệp cách mạng của quê hương, đất nước đã đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế. Chủ trương của Đảng là phát triển nhanh, vững chắc nền kinh tế - xã hội, vừa bảo đảm giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ trong điều kiện có những thuận lợi, thời cơ lớn, vừa phải đối mặt với những thách thức, khó khăn khó lường. Trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến động, phức tạp, các lực lượng thù địch tăng cường chống phá, sự nghiệp cách mạng của dân tộc có nguy cơ chệch hướng, nền độc lập, hòa bình bị đe dọa. Ghi nhớ sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đảng có vững cách mạng mới thành công; lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách càng khẳng định Đảng là người lãnh đạo duy nhất của đất nước, quê hương trong hiện tại và cả tương lai.

Để hoàn thành trọng trách mà nhân dân trong tỉnh giao phó, công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh luôn được xác định là nhiệm vụ then chốt. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn phấn đấu để đạt được mục tiêu như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI đã xác định: phải tạo được sự chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta thật sự là đảng cách mạng chân chính, ngày càng trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân.

Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc: vững mạnh về chính trị là phải dựa trên nền tảng tư tưởng vững chắc, làm kim chỉ nam cho hành động cách mạng, phải có một đường lối chính trị đúng đắn và sáng tạo; được triển khai trong thực tế trên nguyên tắc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên của toàn Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động tư tưởng trong mọi hoàn cảnh, vận dụng sáng tạo chủ

trường, đường lối của Đảng vào thực tiễn, góp phần cùng với toàn Đảng từng bước xác định rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, hoàn thiện thể chế chính trị, thể chế kinh tế, phát triển văn hóa xã hội với mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, dưới tác động của thời cuộc diễn biến phức tạp, sự chống phá ngày càng quyết liệt của các thế lực thù địch, không tránh khỏi những biểu hiện dao động, giảm sút niềm tin, nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những dấu hiệu “tự diễn biến” trong một số ít cán bộ, đảng viên, Đảng bộ tỉnh đã kịp thời chấn chỉnh bằng nhiều hình thức, biện pháp, trong đó chú trọng công tác chính trị, tư tưởng, tuân thủ chặt chẽ quy chế làm việc, quy trình công tác cán bộ, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng ở cơ sở, đặc biệt là vai trò hạt nhân của chi bộ ở cơ quan, đơn vị, địa phương, ổn định tình hình tư tưởng, củng cố niềm tin trong Đảng, từ đó lan tỏa trong nhân dân, tạo sự đồng thuận, thống nhất để xây dựng quê hương.

Công tác tổ chức cán bộ được xác định là khâu “then chốt của then chốt” trong công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Thực hiện chủ trương của Trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng. Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với những tổ chức cơ sở đảng yếu kém, có nhiều khó khăn, những địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Đảng viên mới kết nạp là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, trí thức, dân tộc thiểu số, có đạo, người lao động trong các thành phần kinh tế và chủ doanh nghiệp tư nhân tăng lên.

Đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, trước hết là trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy là nền tảng cơ bản để xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Những biểu hiện mất đoàn kết trong nội bộ Đảng sẽ tác động trực tiếp đến quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển quê hương, làm giảm sút sự tin yêu, gắn bó của cán bộ, đảng viên và các

tầng lớp nhân dân với Đảng, là cơ hội cho các lực lượng thù địch xuyên tạc, chống phá, lôi kéo quần chúng không chấp hành và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Đảng bộ tỉnh nhận thức được sai lầm, nêu cao trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, khắc phục, sửa chữa kịp thời, bởi vì: “Đoàn kết thống nhất, có ý thức tổ chức, kỷ luật nghiêm minh là truyền thống quý báu của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị. Loại trừ một vài khuyết điểm nhất thời, ở những thời đoạn lịch sử nhất định làm tổn hại đến sự đoàn kết, nhất trí ở một bộ phận cán bộ, đảng viên thì tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên Quảng Trị là những người nêu cao trách nhiệm trong việc xây đắp cho khối đoàn kết trong nội bộ Đảng. Đảng bộ là khối đoàn kết vững chắc, thống nhất ý chí, thống nhất hành động. Các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở đều nghiêm túc tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng trong tổ chức, hoạt động và sinh hoạt đảng. Trong tâm thức mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn kết là tình cảm thiêng liêng, là hành động nhất quán của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị”<sup>1</sup>. Giữ gìn, củng cố, phát triển khối đoàn

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị tập III (1975-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.414.

kết, thống nhất trong Đảng là trách nhiệm, là “quyền và nghĩa vụ”, là chuẩn mực đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên, vì đó là nguồn sức mạnh to lớn của Đảng bộ quân và dân toàn tỉnh. Đoàn kết trên cơ sở trung thành với lý tưởng của Đảng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, chống chủ nghĩa cá nhân và tình yêu thương đồng chí. Đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng là hạt nhân làm nên khối đoàn kết trong nhân dân, để ý Đảng hợp với lòng dân, tạo sự đồng thuận và huy động sức mạnh vật chất, văn hóa, tinh thần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương.

**2. Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn, sát đúng với tình hình của tỉnh; chú trọng công tác xây dựng nguồn nhân lực địa phương đáp ứng yêu cầu lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Trung ương và Đảng bộ tỉnh có hiệu quả**

Đường lối, chủ trương của Đảng là sự tổng kết về lý luận và thực tiễn trên phạm vi cả nước. Đây là những yêu cầu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp có ý nghĩa phương pháp luận định hướng chung cho việc

triển khai thực hiện của các địa phương, vì vậy khi áp dụng đòi hỏi có sự sáng tạo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, địa chính trị - kinh tế nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng nhiệm kỳ các Đại hội IX, X, XI đã cho thấy Đảng bộ tỉnh rất chủ động, sáng tạo, mềm dẻo, linh hoạt trong việc xác định những nội dung, nhiệm vụ trọng tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo dựa trên những đặc điểm, thực tế địa phương, từ đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch và chỉ đạo sâu sát việc tổ chức thực hiện. Nhiều chủ trương đúng đắn, sáng tạo được triển khai thực hiện xuyên suốt 3 nhiệm kỳ, đem lại hiệu quả thiết thực, làm thay đổi bộ mặt quê hương, tạo bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Nhiệm kỳ 2001-2005, thực hiện chương trình cải cách hành chính tổng thể của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Một số chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng cán bộ” nhằm phát hiện, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng nhân tài để sớm

có những cán bộ, chuyên gia nòng cốt, điều hành giỏi, làm việc có hiệu quả, thúc đẩy và dẫn dắt được các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hai nhiệm kỳ tiếp theo, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều có chủ trương về đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đội ngũ cán bộ, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, thu hút nhân tài và đạt được một số kết quả. Do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, đội ngũ cán bộ của tỉnh tuy đã được nâng cao về chất lượng, tăng về số lượng nhưng vẫn còn hụt hẫng trên một số lĩnh vực. Vì vậy, quá trình tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chủ trương của Đảng bộ tỉnh không tránh khỏi khuyết điểm, hạn chế.

Công cuộc xây dựng quê hương, đất nước đứng trước những yêu cầu, nhiệm vụ hết sức to lớn, đó là chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội; giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; bên cạnh đó là mặt trái của kinh tế thị trường,

toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu. Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn còn hiện hữu, có mặt gay gắt hơn, càng đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ xứng tầm, có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín mới có thể đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình mới. Quảng Trị cũng như cả nước đang ở giai đoạn chuyển giao dân thế hệ cán bộ, giữa lớp cán bộ sinh ra, trưởng thành trong chiến tranh sang lớp cán bộ sinh ra, lớn lên trong hòa bình, được đào tạo từ nhiều nguồn, cả trong và ngoài nước, do đó xây dựng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ ở địa phương là hết sức cần thiết. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ chiến lược cấp tỉnh đến đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có phạm vi tác động rộng; ngược lại, cán bộ cấp cơ sở là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, góp phần rất quan trọng vào việc củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng. Từ đó, bài học về xây dựng nguồn nhân lực địa phương, để có một đội ngũ cán bộ có quan điểm, lập trường vững vàng, có bản lĩnh chính trị, có trí tuệ và phẩm chất, đạo đức cách mạng là bài học xuyên suốt từ khi Đảng ra đời đến hiện tại và cả mai sau.

### **3. Thực hiện nhất quán chủ trương tăng trưởng kinh tế gắn liền với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo đảm môi trường ổn định cho sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương**

Phát triển kinh tế được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình lãnh đạo xây dựng và bảo vệ quê hương của Đảng bộ tỉnh ba nhiệm kỳ từ năm 2000 đến năm 2015. Tuy có nhiều tiềm năng và lợi thế nhưng là một tỉnh thuần nông với xuất phát điểm, nội lực và tích lũy nội bộ của nền kinh tế còn thấp; môi trường thu hút đầu tư không thuận lợi nên sự phát triển kinh tế của Quảng Trị chưa tương xứng, chưa đạt được mong muốn của toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn trăn trở.

Bài học rút ra là quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, tạo bước phát triển nhanh, vững chắc của nền kinh tế đi liền với việc phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực là yếu tố cơ bản của sự phát triển. Trước hết phải nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý, thực

hiện quy hoạch. Tích cực huy động các nguồn đầu tư của các thành phần kinh tế; thực hiện hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ, nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các lợi thế so sánh, tiềm lực kinh tế hiện có ở địa phương, bố trí đầu tư đúng quy hoạch, có trọng tâm, trọng điểm để đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp tốt nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài để tạo thành sức mạnh tổng hợp, bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu phát triển.

Thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, từng bước đề ra các chủ trương, quan điểm đúng đắn, được cụ thể hóa bằng các chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X, XI về kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; trong các nhiệm

kỳ XIII, XIV, XV, Đảng bộ tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về giải quyết các vấn đề xã hội, tập trung vào lĩnh vực giáo dục, y tế, xóa đói, giảm nghèo, cứu trợ, cứu nạn, chính sách đối với gia đình và người có công với nước, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần tiến bộ, mang đậm bản sắc quê hương đạt nhiều kết quả tích cực. Nền kinh tế có bước tăng trưởng, cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, đời sống của các tầng lớp nhân dân từ thành thị đến vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển đến vùng núi đều được cải thiện rõ rệt, đó là nhờ Đảng bộ đã thực hiện nhất quán chủ trương tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đó là thực tế sinh động của truyền thống gắn bó với nhân dân của Đảng, Đảng sinh ra từ nhân dân và mục tiêu cao cả nhất là phấn đấu, hy sinh vì nhân dân, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc”<sup>1</sup>. Đó cũng là nền tảng để Đảng cầm quyền luôn được nhân dân đồng tình, ủng hộ, đứng vững trong những thời kỳ đầy biến động, phức tạp.

Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng về các nhiệm vụ: phát triển kinh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.92.

tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Từ nhận thức đúng đắn, trên cơ sở Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kịp thời ban hành chương trình hành động, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện và trong các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch và chương trình hành động về phát triển kinh tế - xã hội đều gắn kết với công tác bảo đảm quốc phòng - an ninh. Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy qua các nhiệm kỳ, lực lượng vũ trang tỉnh được xây dựng theo hướng tinh nhuệ, hiện đại, thường xuyên thực hiện tốt công tác diễn tập, phối hợp nắm chắc tình hình, chủ động, kịp thời ứng phó hiệu quả với các tình huống xảy ra, bảo đảm giữ vững chủ quyền đất liền, biển, đảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ, không để các điểm nóng xảy ra, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho quá trình xây dựng quê hương, đem lại cuộc sống thanh bình cho các tầng lớp nhân dân. Đây là thành tích nổi bật của Quảng Trị trong 15 năm đầu thế kỷ XXI, tiếp tục khẳng định là bài học quý báu cho quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh về sau.

Thực tiễn 15 năm đầu thế kỷ XXI, trong điều kiện tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, tình hình trong nước bên cạnh những yếu tố thuận lợi cũng đan xen không ít khó khăn, thách thức; xuất phát điểm của Quảng Trị còn thấp so với mặt bằng chung cả nước, thì sự phát triển và những thành tựu, kết quả đạt được của Quảng Trị là rất đáng phấn khởi. Trên con đường đi tới, nền tảng vật chất, tinh thần và những bài học đúc kết trong ba nhiệm kỳ là nguồn lực quý báu để Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh tiến lên giành nhiều thắng lợi hơn nữa, cùng cả nước phấn đấu thực hiện được mục tiêu cao đẹp: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

## PHỤ LỤC

### BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIII (2000-2005)

| STT | Họ và tên       | Chức vụ                                   | Thời gian giữ chức vụ            | Ghi chú                                                                                                                       |
|-----|-----------------|-------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Vũ Trọng Kim    | Bí thư Tỉnh ủy                            | Từ tháng 3/2001 đến tháng 2/2005 | Ngày 12/3/2001, Bộ Chính trị điều động và chỉ định đồng chí tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. |
| 2   | Nguyễn Viết Nên | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy             |                                  |                                                                                                                               |
|     |                 | Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy | Từ tháng 8/2003                  |                                                                                                                               |

| STT | Họ và tên      | Chức vụ                                                      | Thời gian giữ chức vụ            | Ghi chú                                                                                                 |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy                               | Từ tháng 8/2003                  |                                                                                                         |
|     |                | Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh                           | Từ tháng 2/2005                  |                                                                                                         |
| 3   | Võ Duy Chất    | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy                               | Từ tháng 3/2001 đến tháng 8/2003 | Tháng 8/2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng điều động đồng chí đến nhận công tác ở Ban Kinh tế Trung ương. |
| 4   | Nguyễn Minh Kỳ | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh                       | Từ tháng 3/2001 đến tháng 9/2003 |                                                                                                         |
| 5   | Lê Hữu Phúc    | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Quyền | Từ tháng 3/2001 đến tháng 3/2004 | Ngày 1/4/2004, đồng chí được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh                                                 |

| STT | Họ và tên        | Chức vụ                                   | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú                                                                                                                                    |
|-----|------------------|-------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  | Chủ tịch UBND tỉnh                        |                       | bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ngày 18/5/2004, kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V bầu đồng chí giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
|     |                  | Phó Bí thư Tỉnh ủy                        | Từ tháng 4/2004       |                                                                                                                                            |
| 6   | Thái Vĩnh Liệu   | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy             |                       |                                                                                                                                            |
|     |                  | Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy | Từ tháng 3/2005       |                                                                                                                                            |
| 7   | Nguyễn Đức Cường | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy             |                       |                                                                                                                                            |
| 8   | Trần Trung Dũng  | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy             |                       | Tháng 2/2004, đồng chí chuyển công tác                                                                                                     |

| STT | Họ và tên          | Chức vụ                       | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú         |
|-----|--------------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------|
| 9   | Trần Văn Huỳnh     | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                       |                 |
| 10  | Nguyễn Thị Thùy My | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                       |                 |
| 11  | Trần Văn Nhuận     | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                       | Từ tháng 4/2004 |
| 12  | Nguyễn Đăng Tam    | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                       |                 |
| 13  | Trần Thao          | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                       |                 |
| 14  | Võ Xuân Trữ        | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                       |                 |
| 15  | Trần Viết Quốc     | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                       |                 |
| 16  | Nguyễn Thành       | Ủy viên - Chủ tịch HĐND tỉnh  |                       |                 |

| STT | Họ và tên         | Chức vụ | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------|-----------------------|---------|
| 17  | Lê Vũ Bằng        | Ủy viên |                       |         |
| 18  | Hồ Thanh Bân      | Ủy viên |                       |         |
| 19  | Nguyễn Văn Cảnh   | Ủy viên |                       |         |
| 20  | Dương Cận         | Ủy viên |                       |         |
| 21  | Phạm Đức Châu     | Ủy viên |                       |         |
| 22  | Nguyễn Đức Chính  | Ủy viên |                       |         |
| 23  | Nguyễn Hữu Dũng   | Ủy viên |                       |         |
| 24  | Phan Văn Dũng     | Ủy viên |                       |         |
| 25  | Trần Đình Dũng    | Ủy viên |                       |         |
| 26  | Nguyễn Xuân Đức   | Ủy viên |                       |         |
| 27  | Trương Thị Đức    | Ủy viên |                       |         |
| 28  | Hoàng Văn Em      | Ủy viên |                       |         |
| 29  | Trương Hoàng Hà   | Ủy viên |                       |         |
| 30  | Nguyễn Hùng       | Ủy viên |                       |         |
| 31  | Nguyễn Văn Hùng   | Ủy viên |                       |         |
| 32  | Nguyễn Quốc Hòa   | Ủy viên |                       |         |
| 33  | Lê Thị Phương Hoa | Ủy viên |                       |         |
| 34  | Thái Vĩnh Kháng   | Ủy viên |                       |         |
| 35  | Lê Quang Lanh     | Ủy viên |                       |         |
| 36  | Lê Phước Long     | Ủy viên |                       |         |
| 37  | Lê Bá Nguyên      | Ủy viên |                       |         |
| 38  | Hồ Tấn Nhac       | Ủy viên |                       |         |
| 39  | Nguyễn Hà Phương  | Ủy viên |                       |         |
| 40  | Phan Thị Sáng     | Ủy viên |                       |         |
| 41  | Lê Hữu Thắng      | Ủy viên |                       |         |
| 42  | Lương Trung Thông | Ủy viên |                       |         |

| STT | Họ và tên        | Chức vụ | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú |
|-----|------------------|---------|-----------------------|---------|
| 43  | Nguyễn Hữu Thông | Ủy viên |                       |         |
| 44  | Mai Thúc         | Ủy viên |                       |         |
| 45  | Lê Văn Tới       | Ủy viên |                       |         |
| 46  | Trần Tửu         | Ủy viên |                       |         |
| 47  | Trương Ngọc Ứng  | Ủy viên |                       |         |
| 48  | Hoàng Quang Vinh | Ủy viên |                       |         |

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIV**  
(2005-2010)

| STT | Họ và tên       | Chức vụ                                                                          | Thời gian giữ chức vụ            | Ghi chú                        |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| 1   | Nguyễn Viết Nền | Bí thư Tỉnh ủy,<br>Chủ tịch HĐND tỉnh                                            |                                  | Đồng chí nghỉ hưu tháng 4/2009 |
| 2   | Lê Hữu Phúc     | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh (Ủy viên Trung ương Đảng từ tháng 4/2006) | Từ tháng 5/2004 đến tháng 3/2009 |                                |
|     |                 | UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh                                    | Từ tháng 4/2009                  |                                |

| STT | Họ và tên        | Chức vụ                                               | Thời gian giữ chức vụ            | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 3   | Thái Vĩnh Liệu   | Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy             | Từ tháng 3/2005 đến tháng 9/2005 |         |
|     |                  | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy                        | Từ tháng 9/2005                  |         |
| 4   | Nguyễn Đức Cường | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh |                                  |         |
|     |                  | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh                | Từ tháng 6/2009                  |         |
| 5   | Phạm Đức Châu    | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy                         |                                  |         |
| 6   | Nguyễn Đức Chính | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy                         |                                  |         |
| 7   | Nguyễn Văn Hùng  | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy                         |                                  |         |
| 8   | Trần Văn Huỳnh   | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy                         |                                  |         |

| STT | Họ và tên         | Chức vụ                       | Thời gian giữ chức vụ      | Ghi chú                                                                  |
|-----|-------------------|-------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 9   | Nguyễn Chí Hường  | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                            |                                                                          |
| 10  | Trần Văn Nhuận    | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                            | Đồng chí chuyển công tác tháng 1/ 2007                                   |
| 11  | Lương Trung Thông | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                            |                                                                          |
| 12  | Mai Thức          | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                            |                                                                          |
| 13  | Trương Ngọc Ứng   | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |                            |                                                                          |
| 14  | Ngô Văn Tiểu      | Ủy viên                       | Từ tháng 3/2007 đến 6/2007 | Tháng 3/2007, đồng chí được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh |

| STT | Họ và tên    | Chức vụ                       | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú                                                                          |
|-----|--------------|-------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|     |              | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Từ tháng 6/2007       | Tháng 6/2007, đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.               |
| 15  | Lê Hữu Thăng | Ủy viên                       |                       |                                                                                  |
|     |              | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Từ tháng 7/2009       | Đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy tháng 7/2009                 |
| 16  | Lê Công Dung | Ủy viên                       | Tháng 3/2010          | Tháng 3/2010, đồng chí được chỉ định giữ chức ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh |

| STT | Họ và tên         | Chức vụ                       | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú                                                          |
|-----|-------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|
|     |                   | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Từ tháng 4/2010       | Đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy tháng 4/2010 |
| 17  | Nguyễn Văn Bài    | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 18  | Lê Vũ Bằng        | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 19  | Hồ Thanh Ân       | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 20  | Nguyễn Văn Cảnh   | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 21  | Nguyễn Ngọc Châu  | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 22  | Nguyễn Hữu Dũng   | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 23  | Phan Văn Dũng     | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 24  | Trần Đình Dũng    | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 25  | Hoàng Văn Em      | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 26  | Hoàng Giáo        | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 27  | Trương Hoàng Hà   | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 28  | Lê Thị Phương Hoa | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 29  | Nguyễn Quốc Hòa   | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 30  | Võ Công Hoan      | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 31  | Nguyễn Hùng       | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 32  | Thái Vĩnh Kháng   | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 33  | Phan Ngọc Kiều    | Ủy viên                       |                       |                                                                  |
| 34  | Thái Xuân Lãm     | Ủy viên                       |                       |                                                                  |

| STT | Họ và tên          | Chức vụ | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------|-----------------------|---------|
| 35  | Lê Quang Lanh      | Ủy viên |                       |         |
| 36  | Lê Phước Long      | Ủy viên |                       |         |
| 37  | Nguyễn Thị Thùy My | Ủy viên |                       |         |
| 38  | Lê Bá Nguyên       | Ủy viên |                       |         |
| 39  | Hồ Tấn Nhac        | Ủy viên |                       |         |
| 40  | Nguyễn Hà Phương   | Ủy viên |                       |         |
| 41  | Phan Quyết         | Ủy viên |                       |         |
| 42  | Phan Thị Sáng      | Ủy viên |                       |         |
| 43  | Lê Thị Sâm         | Ủy viên |                       |         |
| 44  | Bùi Quang Sinh     | Ủy viên |                       |         |
| 45  | Trần Văn Thành     | Ủy viên |                       |         |
| 46  | Hoàng Đức Thắng    | Ủy viên |                       |         |
| 47  | Nguyễn Hữu Thắng   | Ủy viên |                       |         |
| 48  | Nguyễn Hữu Thông   | Ủy viên |                       |         |
| 49  | Hồ Sỹ Trọng        | Ủy viên |                       |         |
| 50  | Lê Công Tuyển      | Ủy viên |                       |         |
| 51  | Hoàng Quang Vinh   | Ủy viên |                       |         |
| 52  | Ngô Xuân Hoàn      | Ủy viên | Từ tháng 11/2008      |         |
| 53  | Nguyễn Đăng Quang  | Ủy viên | Từ tháng 11/2008      |         |
| 54  | Trần Ngọc Ánh      | Ủy viên | Từ tháng 11/2008      |         |
| 55  | Nguyễn Đức Hoa     | Ủy viên | Từ tháng 6/2009       |         |

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XV**  
(2010-2015)

| STT | Họ và tên        | Chức vụ                                       | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú                             |
|-----|------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| 1   | Lê Hữu Phúc      | UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh | Đến tháng 9/2015      | Chủ tịch HĐND tỉnh đến tháng 7/2016 |
| 2   | Thái Vĩnh Liệu   | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy                | Đến tháng 10/2014     | Đồng chí nghỉ hưu tháng 11/2014     |
| 3   | Nguyễn Đức Cường | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh        | Đến tháng 10/2014     | Đồng chí nghỉ hưu tháng 11/2014     |
| 4   | Phạm Đức Châu    | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy                 |                       |                                     |
|     |                  | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy                | Từ tháng 12/2014      |                                     |
| 5   | Nguyễn Văn Hùng  | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy                 | Từ tháng 2/2012       |                                     |
|     |                  | Phó Bí thư Tỉnh ủy                            | Từ tháng 12/2014      |                                     |

| STT | Họ và tên        | Chức vụ                                      | Thời gian<br>giữ chức vụ | Ghi chú                                            |
|-----|------------------|----------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|
| 6   | Nguyễn Đức Chính | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy          |                          |                                                    |
|     |                  | Phó Bí thư Tỉnh<br>ủy, Chủ tịch<br>UBND tỉnh | Từ tháng<br>11/2014      |                                                    |
| 7   | Lê Công Dung     | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy          |                          |                                                    |
| 8   | Nguyễn Hữu Dũng  | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy          |                          |                                                    |
| 9   | Nguyễn Văn Hùng  | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy          |                          |                                                    |
| 10  | Trần Văn Huỳnh   | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy          |                          |                                                    |
| 11  | Nguyễn Chí Hường | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy          |                          | Tháng<br>2/2012,<br>đồng chí<br>chuyển<br>công tác |
| 12  | Lê Bá Nguyên     | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy          |                          |                                                    |

| STT | Họ và tên         | Chức vụ                             | Thời gian<br>giữ chức vụ                  | Ghi chú                                                                                                                                                   |
|-----|-------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13  | Lương Trung Thông | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy |                                           |                                                                                                                                                           |
| 14  | Mai Thức          | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy |                                           |                                                                                                                                                           |
| 15  | Trương Ngọc Ứng   | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy |                                           |                                                                                                                                                           |
| 16  | Hồ Thanh Tự       | Ủy viên Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy | Từ tháng<br>6/2012 đến<br>tháng<br>3/2015 | Tháng<br>6/2012,<br>đồng chí<br>được chỉ<br>định tham<br>gia Ban<br>Chấp hành<br>Đảng bộ<br>tỉnh, được<br>bầu bổ sung<br>vào Ban<br>Thường vụ<br>Tỉnh ủy. |
|     |                   |                                     |                                           | Từ tháng<br>3/2015,<br>đồng chí<br>chuyển<br>công tác                                                                                                     |

| STT | Họ và tên          | Chức vụ                       | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú                                                                                       |
|-----|--------------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17  | Thái Văn Hoạt      | Ủy viên                       |                       |                                                                                               |
|     |                    | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Từ tháng 6/2014       | Tháng 6/2014, đồng chí được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |
| 18  | Vũ Chiến Thắng     | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Từ tháng 01/2015      | Tháng 1/2015, đồng chí được chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy            |
| 19  | Nguyễn Hoài Phương | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Từ tháng 6/2015       | Tháng 6/2015, đồng chí được chỉ định tham                                                     |

| STT | Họ và tên         | Chức vụ | Thời gian giữ chức vụ | Ghi chú                                                                         |
|-----|-------------------|---------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|     |                   |         |                       | gia vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |
| 20  | Nguyễn Ngọc Châu  | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 21  | Nguyễn Văn Bài    | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 22  | Nguyễn Đức Hoa    | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 23  | Ngô Xuân Hoàn     | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 24  | Lê Quang Lanh     | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 25  | Nguyễn Đăng Quang | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 26  | Hoàng Đức Thắng   | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 27  | Nguyễn Hữu Thắng  | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 28  | Trần Văn Thành    | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 29  | Hồ Sỹ Trọng       | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 30  | Lê Công Tuyển     | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 31  | Hoàng Quang Vinh  | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 32  | Hồ Ngọc An        | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 33  | Nguyễn Quân Chính | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 34  | Nguyễn Hữu Du     | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 35  | Nguyễn Đức Dũng   | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 36  | Hà Sỹ Đồng        | Ủy viên |                       |                                                                                 |
| 37  | Hồ Thị Lệ Hà      | Ủy viên |                       |                                                                                 |

| STT | Họ và tên                | Chức vụ | Thời gian<br>giữ chức vụ | Ghi chú |
|-----|--------------------------|---------|--------------------------|---------|
| 38  | Lê Quang Hiệp            | Ủy viên |                          |         |
| 39  | Phạm Sỹ Hùng             | Ủy viên |                          |         |
| 40  | Lê Thị Lan Hương         | Ủy viên |                          |         |
| 41  | Trần Văn Hường           | Ủy viên |                          |         |
| 42  | Trần Đức Hữu             | Ủy viên |                          |         |
| 43  | Nguyễn Hoàng Linh        | Ủy viên |                          |         |
| 44  | Phan Văn Linh            | Ủy viên |                          |         |
| 45  | Hồ Đại Nam               | Ủy viên |                          |         |
| 46  | Trần Phương Nam          | Ủy viên |                          |         |
| 47  | Nguyễn Công Phán         | Ủy viên |                          |         |
| 48  | Phan Văn Phụng           | Ủy viên |                          |         |
| 49  | Lê Hồng Quang            | Ủy viên |                          |         |
| 50  | Hoàng Phước Quỳnh        | Ủy viên |                          |         |
| 51  | Trần Đức Tâm             | Ủy viên |                          |         |
| 52  | Nguyễn Duy Tân           | Ủy viên |                          |         |
| 53  | Hoàng Đức Thắm           | Ủy viên |                          |         |
| 54  | Lê Phúc Thiện            | Ủy viên |                          |         |
| 55  | Nguyễn Thị Thanh<br>Thủy | Ủy viên |                          |         |
| 56  | Lê Minh Tuấn             | Ủy viên |                          |         |
| 57  | Trương Đức Tứ            | Ủy viên |                          |         |
| 58  | Ly Kiều Vân              | Ủy viên |                          |         |
| 59  | Lê Quang Chiến           | Ủy viên | Từ tháng<br>1/2014       |         |
| 60  | Hồ Thị Thu Hằng          | Ủy viên | Từ tháng<br>1/2014       |         |

| STT | Họ và tên       | Chức vụ | Thời gian<br>giữ chức vụ | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------|--------------------------|---------|
| 61  | Hoàng Hữu Chiến | Ủy viên | Từ tháng<br>6/2014       |         |
| 62  | Lê Tiến Dũng    | Ủy viên | Từ tháng<br>6/2014       |         |
| 63  | Trần Văn Đoàn   | Ủy viên | Từ tháng<br>6/2014       |         |

**MỘT SỐ SỐ LIỆU CƠ BẢN  
(TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2015)**

**I. BẢNG VÀNG TRUYỀN THỐNG**

**1. Thành tích của tỉnh**

- Ngày 29/4/2002, tỉnh Quảng Trị được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định: Điều chỉnh đối tượng tặng thưởng danh hiệu **Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân** từ Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Trị (tại Quyết định số 101/LCT ngày 06/11/1978) thành **Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Trị** *(Đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước)*.

- Năm 2004, tỉnh Quảng Trị được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất (về thành tích xuất sắc trong 15 năm xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc từ năm 1989-2004).

- Năm 2006, tỉnh Quảng Trị được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì.

- Năm 2009, tỉnh Quảng Trị được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

**2. Danh sách tập thể, cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới**

**- Tập thể: 02**

| TT | Đơn vị                                                                                                   | Ngày phong tặng |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1  | Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Đông Hà (Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới) | 22/12/2004      |
| 2  | Đội quy tập 584, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị                                                       | 13/03/2008      |

**- Cá nhân: 02**

| TT | Họ và tên              | Năm sinh | Quê quán                          | Cấp bậc, chức vụ, đơn vị                                                                            | Ngày phong tặng |
|----|------------------------|----------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1  | Lê Văn Phụng (Liệt sĩ) | 1965     | Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An | Thiếu tá, Trợ lý Chính trị, Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Quảng Trị, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị | 26/2/2010       |
| 2  | Trần Hữu Lưu           | 1961     | Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị     | Đội trưởng đội 584, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị                                               | 11/11/2010      |

**3. Danh sách tập thể, cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới<sup>1</sup>**

**- Tập thể: 07**

| TT | Tập thể                                               | Giai đoạn công nhận | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------|---------------------|---------|
| 1  | Công ty Lâm nghiệp Bến Hải                            | 2000-2005           |         |
| 2  | Trường trung học phổ thông Vĩnh Linh, huyện Vĩnh Linh | 2000-2005           |         |
| 3  | Nhân dân và cán bộ huyện Hướng Hóa                    | 2005-2010           |         |
| 4  | Công ty Cao su Quảng Trị                              | 2005-2010           |         |
| 5  | Công ty Xi măng Quảng Trị                             | 2005-2010           |         |
| 6  | Nhân dân và cán bộ huyện Vĩnh Linh                    | 2005-2010           |         |
| 7  | Nhân dân và cán bộ xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh      | 2005-2010           |         |

**- Cá nhân: 02**

| TT | Họ và tên   | Giai đoạn công nhận | Ghi chú                                                                                                 |
|----|-------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hà Công Văn | 2000-2005           | - Quê quán: huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.<br>- Giáo viên Trường Tiểu học Húc Nghi, huyện Đa Krông. |

1. Số liệu do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh cung cấp.

| TT | Họ và tên | Giai đoạn công nhận | Ghi chú                                                                                    |
|----|-----------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Lê Mậu Lộ | 2005-2010           | - Quê quán: Xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong<br>- Nguyên Giám đốc Công ty Cao su Quảng Trị |

**4. Mẹ Việt Nam Anh hùng<sup>1</sup>**

- Tổng số: 1.899 mẹ
- Còn sống: 77 mẹ

1. Số liệu do Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cung cấp, tính đến ngày 31/12/2015.

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                   | <i>Trang</i> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <i>Lời Nhà xuất bản</i>                                                                                                                                                                                           | 7            |
| <i>Lời mở đầu</i>                                                                                                                                                                                                 | 9            |
| <i>Bối cảnh lịch sử 15 năm đầu thế kỷ XXI</i>                                                                                                                                                                     | 13           |
| <i>Chương I</i>                                                                                                                                                                                                   |              |
| ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH<br>SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA,<br>HIỆN ĐẠI HÓA, TẠO NỀN TẢNG<br>VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI<br>(2000-2005)                                                                        | 19           |
| I. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII,<br>nhiệm kỳ 2000-2005                                                                                                                                              | 19           |
| II. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai<br>thác lợi thế, tranh thủ thời cơ phát triển kinh<br>tế, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, giải<br>quyết các vấn đề xã hội, tăng cường quốc<br>phòng - an ninh | 25           |
|                                                                                                                                                                                                                   | 385          |

|                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------|----|
| III. Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng hệ thống<br>chính trị vững mạnh | 68 |
|---------------------------------------------------------------------|----|

### *Chương II*

|                                                                                                                     |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT,<br>VƯỢT QUA THÁCH THỨC,<br>LÃNH ĐẠO QUẢNG TRỊ PHÁT TRIỂN<br>TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG<br>(2005-2010) | 121 |
| I. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV,<br>nhiệm kỳ 2005-2010                                                 | 121 |
| II. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội,<br>củng cố quốc phòng - an ninh                                  | 130 |
| III. Phát huy sức mạnh tổng hợp, xây dựng hệ<br>thống chính trị trong sạch, vững mạnh                               | 191 |

### *Chương III*

|                                                                                                     |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO<br>XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI,<br>HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN<br>(2010-2015) | 227 |
| I. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV,<br>nhiệm kỳ 2010-2015                                  | 227 |
|                                                                                                     | 386 |

|                                                                                                                                                        |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| II. Lãnh đạo tập trung phát triển kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh, gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh | 233 |
| III. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị                                                                                           | 292 |
| <i>Kết luận</i>                                                                                                                                        | 341 |
| <i>Phụ lục</i>                                                                                                                                         | 363 |

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP**  
**PHẠM CHÍ THÀNH**

Chịu trách nhiệm nội dung  
**PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**  
**TS. ĐỖ QUANG DŨNG**

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ  
**TRẦN THANH PHIỆT**  
Trình bày bìa: **ĐƯỜNG MAI PHƯƠNG**  
Chế bản vi tính: **NGUYỄN THỊ VÂN HÀ**  
Sửa bản in: **TRẦN HOÀI LINH**  
Đọc sách mẫu: **BAN SÁCH KINH TẾ**

---

In 1.670 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Xí nghiệp in FAHASA.  
Địa chỉ: 774 Trường Chinh - P.15 - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh.  
Số đăng ký xuất bản: 3260-2020CXBIPH/14-327/NXBCTQG.  
Quyết định xuất bản số: 5277-QĐ/NXBCTQG, ngày 18/9/2020.  
Mã số ISBN: 978-604-57-5973-8.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2020.